



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024



# NỘI DUNG

01

## PHẦN MỞ ĐẦU

- 5 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
- 7 Một số chỉ tiêu chính

02

## GIỚI THIỆU VỀ VEAM

- 11 Thông tin chung
- 12 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 16 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 19 Giới thiệu Ban lãnh đạo
- 25 Vị thế
- 25 Định hướng phát triển
- 27 Rủi ro

03

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 33 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 35 Tổ chức và nhân sự
- 37 Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- 39 Các công ty con, công ty liên kết
- 49 Tình hình tài chính
- 50 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

04

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- 53 Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh
- 55 Tình hình tài chính
- 56 Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý
- 56 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 56 Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến của kiểm toán độc lập

05

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 61 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của VEAM
- 63 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành
- 64 Kế hoạch, định hướng của HĐQT

06

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 67 Hội đồng quản trị
- 84 Ban kiểm soát
- 85 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành
- 87 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

07

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 91 Đánh giá của Ban điều hành
- 92 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

08

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

- 95 Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán

# PHẦN MỞ ĐẦU

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc

Một số chỉ tiêu chính

01



# Thông điệp

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC



### ÔNG NGÔ KHẢI HOÀN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP



### ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

### Kính gửi Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý cổ đông cùng toàn thể người lao động VEAM

Trong những năm gần đây, kinh tế xã hội thế giới và Việt Nam đã và đang trải qua chu kỳ khó khăn, có những diễn biến phức tạp, khó lường, nhiều yếu tố bất định xảy ra đồng thời như bất ổn chính trị, cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột quân sự...Bối cảnh năm 2024, Việt Nam còn khó khăn bởi tác động bên ngoài cũng như những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài, thiên tai, bão lũ gây thiệt hại tại nhiều địa phương, tuy nhiên tình hình chính trị, xã hội vẫn ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tiếp tục được nâng cao, các chính sách cải cách, hỗ trợ thúc đẩy phát triển của Chính phủ bắt đầu phát huy hiệu lực.

Năm 2024, Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) bám sát chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025 trên nền tảng: Duy trì và phát triển sản xuất của Tổng công ty ở cả 03 lĩnh vực máy động lực, máy nông nghiệp và công nghiệp hỗ trợ, ô tô thương mại; đảm bảo hiệu quả cho nhà đầu tư; nâng cao đời sống của người lao động. Mặc dù hoạt động sản xuất kinh doanh của VEAM vẫn còn nhiều khó khăn với kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như giá trị sản xuất công nghiệp, doanh thu bán hàng đều giảm so với năm 2023 và không đạt kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 6.253 tỷ đồng, giảm 8% so với thực hiện năm 2023 nhưng vẫn vượt 14% kế hoạch năm.

VEAM đang chuyển đổi sau những tác động từ thị trường và các yếu tố nội tại. VEAM tập trung nguồn lực cho các mục tiêu trọng tâm, tạo đà cho những thay đổi, cải tiến phát triển bền vững hơn; quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm cũng như các giải pháp căn cơ để hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025; tiếp tục phát triển quan hệ uy tín tốt đẹp với Quý khách hàng, Quý đối tác, trân trọng và luôn đồng hành tin cậy cùng Quý cổ đông; chung tay xây dựng xã hội bền vững, có trách nhiệm với cộng đồng và đời sống của người lao động.

Chặng đường phía trước của VEAM còn đối mặt với những khó khăn và thử thách, chúng tôi rất mong nhận được sự chia sẻ, tin tưởng và ủng hộ của Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý cổ đông cùng toàn thể người lao động để hoàn thành tốt nhất những nhiệm vụ và mục tiêu đã đề ra của năm 2025, đưa VEAM trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong nước về sản xuất cơ khí.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngô Khải Hoàn

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Giang

# MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

| Chỉ tiêu                                | Đơn vị  | 2020   | 2021   | 2022   | 2023   | 2024   |
|-----------------------------------------|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Kết quả hoạt động kinh doanh            |         |        |        |        |        |        |
| Doanh thu                               | Tỷ đồng | 444    | 596    | 533    | 319    | 317    |
| Doanh thu thuần                         | Tỷ đồng | 444    | 596    | 533    | 318    | 317    |
| Lợi nhuận gộp                           | Tỷ đồng | (231)  | 105    | 37     | (113)  | 26     |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | Tỷ đồng | 7.469  | 6.139  | 5.756  | 6.977  | 6.389  |
| Doanh thu từ hoạt động tài chính        | Tỷ đồng | 7.921  | 6.209  | 5.918  | 7.940  | 6.532  |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác       | Tỷ đồng | (9)    | (8)    | (6)    | (19)   | 3      |
| Lợi nhuận trước thuế                    | Tỷ đồng | 7.460  | 6.130  | 5.749  | 6.958  | 6.392  |
| Lợi nhuận sau thuế                      | Tỷ đồng | 7.303  | 6.018  | 5.624  | 6.761  | 6.253  |
| Bảng cân đối kế toán                    |         |        |        |        |        |        |
| Tổng tài sản                            | Tỷ đồng | 21.855 | 19.494 | 20.084 | 20.351 | 19.755 |
| Vốn điều lệ                             | Tỷ đồng | 13.288 | 13.288 | 13.288 | 13.288 | 13.288 |
| Vốn chủ sở hữu                          | Tỷ đồng | 20.575 | 19.296 | 18.902 | 20.049 | 19.542 |
| Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu          |         |        |        |        |        |        |
| Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)        | %       | 31     | 29     | 28     | 33     | 31     |
| Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)         | %       | 36     | 30     | 29     | 35     | 32     |

(Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán)

## TỔNG DOANH THU NĂM 2024

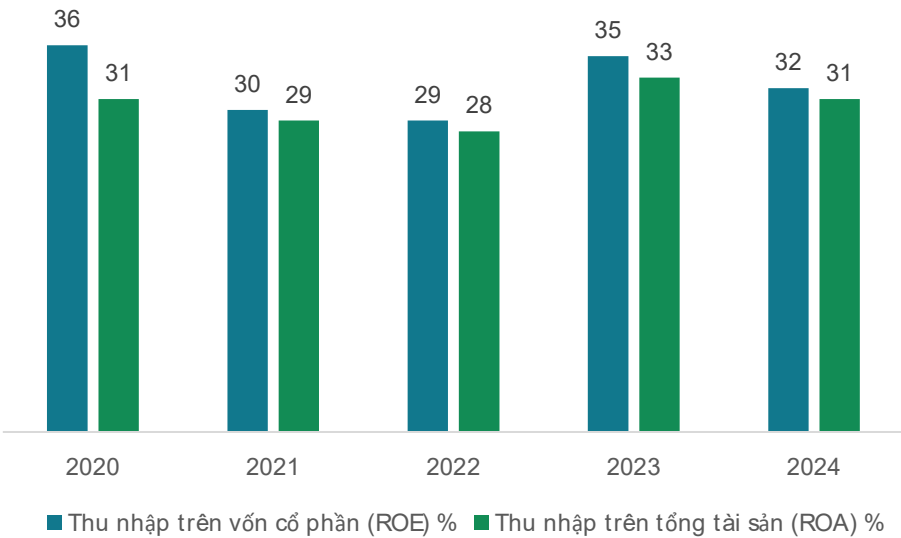
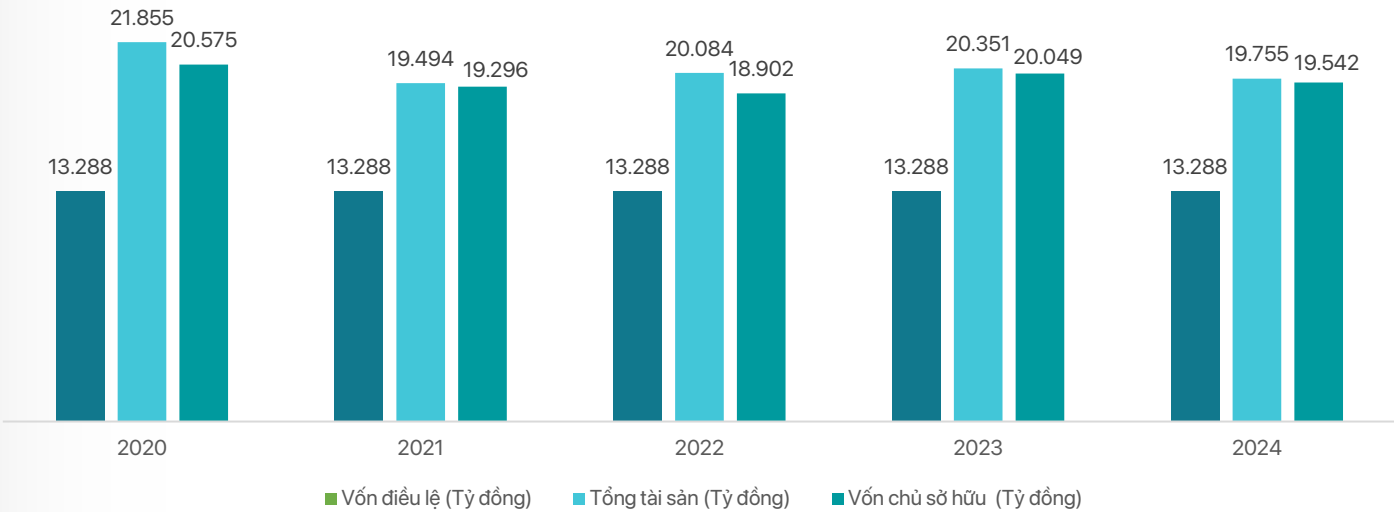
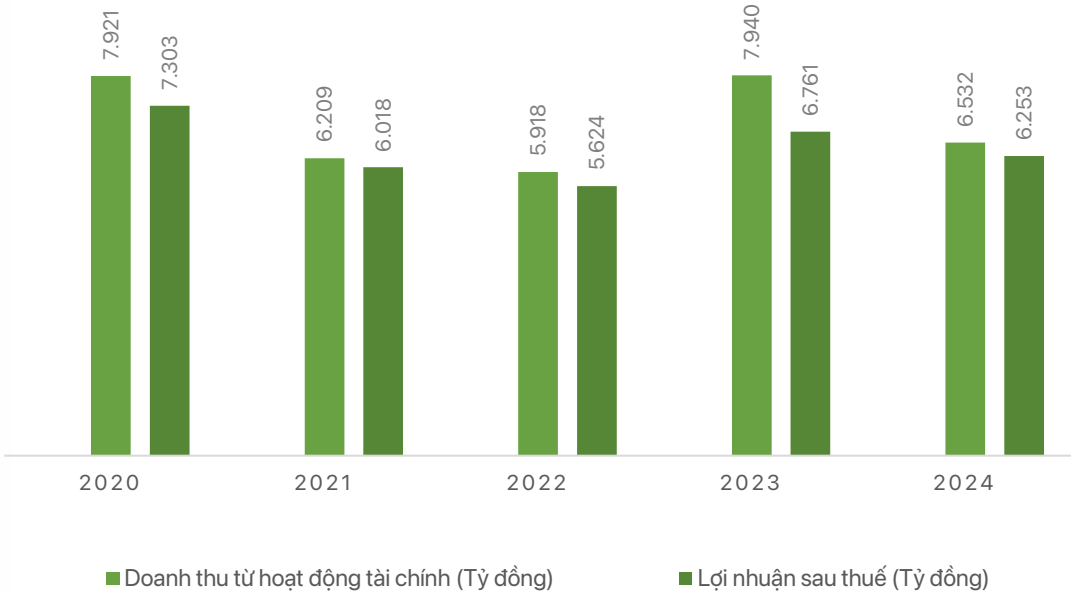


6.848 tỷ đồng

## LỢI NHUẬN SAU THUẾ NĂM 2024



6.253 tỷ đồng



# GIỚI THIỆU VỀ VEAM

Thông tin chung

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Giới thiệu Ban Lãnh đạo

Vị thế

Định hướng phát triển

Rủi ro

02



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN CHUNG

Tên doanh nghiệp:  
TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Tên tiếng Anh:  
VIETNAM ENGINE AND AGRICULTURAL  
MACHINERY CORPORATION

Tên viết tắt: VEAM

Giấy CNĐKDN:  
Số 0100103866

Mã số thuế:  
0100103866

Số Fax:  
84-2462800809

Website:  
www.veamcorp.com

Người đại diện theo pháp luật:  
Tổng Giám đốc VEAM

Địa chỉ:  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng,  
quận Tây Hồ, Hà Nội (toà nhà VEAM,  
ngõ 689 Lạc Long Quân)

Số điện thoại:  
84-2462800802

Logo:



THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG - NHÀ ĐẦU TƯ

Mã chứng khoán: VEA

Số lượng cổ phiếu niêm yết (cổ phiếu)  
**1.328.800.000**

Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)  
**1.328.800.000**

Sàn giao dịch: UPCOM

Vốn điều lệ (đồng)  
**13.288.000.000.000**

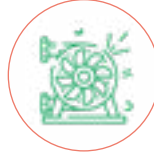
Vốn chủ sở hữu (đồng)  
**25.729.141.251.951**



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY



1.  
Sản xuất máy nông nghiệp  
và lâm nghiệp  
Mã ngành theo VSIC: 2821



2.  
Sản xuất động cơ, tua bin  
Mã ngành theo VSIC: 2811



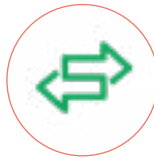
3.  
Sản xuất ô tô và xe có động cơ  
khác, Sản xuất xe có động cơ  
Mã ngành theo VSIC: 2910



4.  
Sản xuất bánh răng, hộp  
số, các bộ phận điều khiển  
và truyền chuyển động  
Mã ngành theo VSIC: 2814



5.  
Sản xuất máy bơm, máy  
nén, vòi và van khác  
Mã ngành theo VSIC: 2813



6.  
Bán buôn máy móc, thiết bị  
và phụ tùng máy nông nghiệp  
Mã ngành theo VSIC: 4653



7.  
Bán buôn ô tô và xe có  
động cơ khác  
Mã ngành theo VSIC: 4511



8.  
Đại lý ô tô và xe có động cơ khác  
Mã ngành theo VSIC: 4513

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Địa bàn kinh doanh: Việt Nam và Nước ngoài

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1961

1990

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp được thành lập theo Quyết định số 153-HĐBT ngày 12 tháng 5 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và được thành lập lại theo Quyết định số 1119/QĐ-TCCBDT ngày 27 tháng 10 năm 1995 của Bộ Công Nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương).

1995

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp cùng với TOYOTA Nhật Bản và Công ty KUO Singapore thành lập Công ty liên doanh TOYOTA VIỆT NAM (TMV)

1996

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp cùng với HONDA Nhật Bản và HONDA Châu Á thành lập Công ty liên doanh HONDA VIỆT NAM (HVN)

2010

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp được chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3367/QĐ-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương, theo đó tên gọi của Công ty mẹ là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

2014

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương.

2024

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 24 tháng 01 năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần (thay đổi lần thứ 7) do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và hoạt động theo Điều lệ của VEAM, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

VEAM có số vốn điều lệ là: 13.288.000.000.000 đồng, trong đó vốn thuộc sở hữu Nhà nước chiếm 88,47% vốn điều lệ, vốn thuộc sở hữu các cổ đông khác chiếm 11,53% vốn điều lệ.

Công ty mẹ VEAM hiện đầu tư vốn tại 25 đơn vị bao gồm các đơn vị trực thuộc (chi nhánh), công ty con và công ty liên kết.

2018

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom, mã cổ phiếu giao dịch: VEA theo Quyết định số 369/QĐ-SGDHN ngày 25 tháng 6 năm 2018..

2017

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 5972/UBCK-GSĐC ngày 05 tháng 9 năm 2017

2016

Công ty mẹ Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam được phê duyệt Phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Thủ Tướng Chính phủ, theo đó tên gọi là: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2024

Thứ trưởng Bộ Công Thương dự Hội nghị tổng kết VEAM



Thứ trưởng Bộ Công Thương làm việc tại VEAM



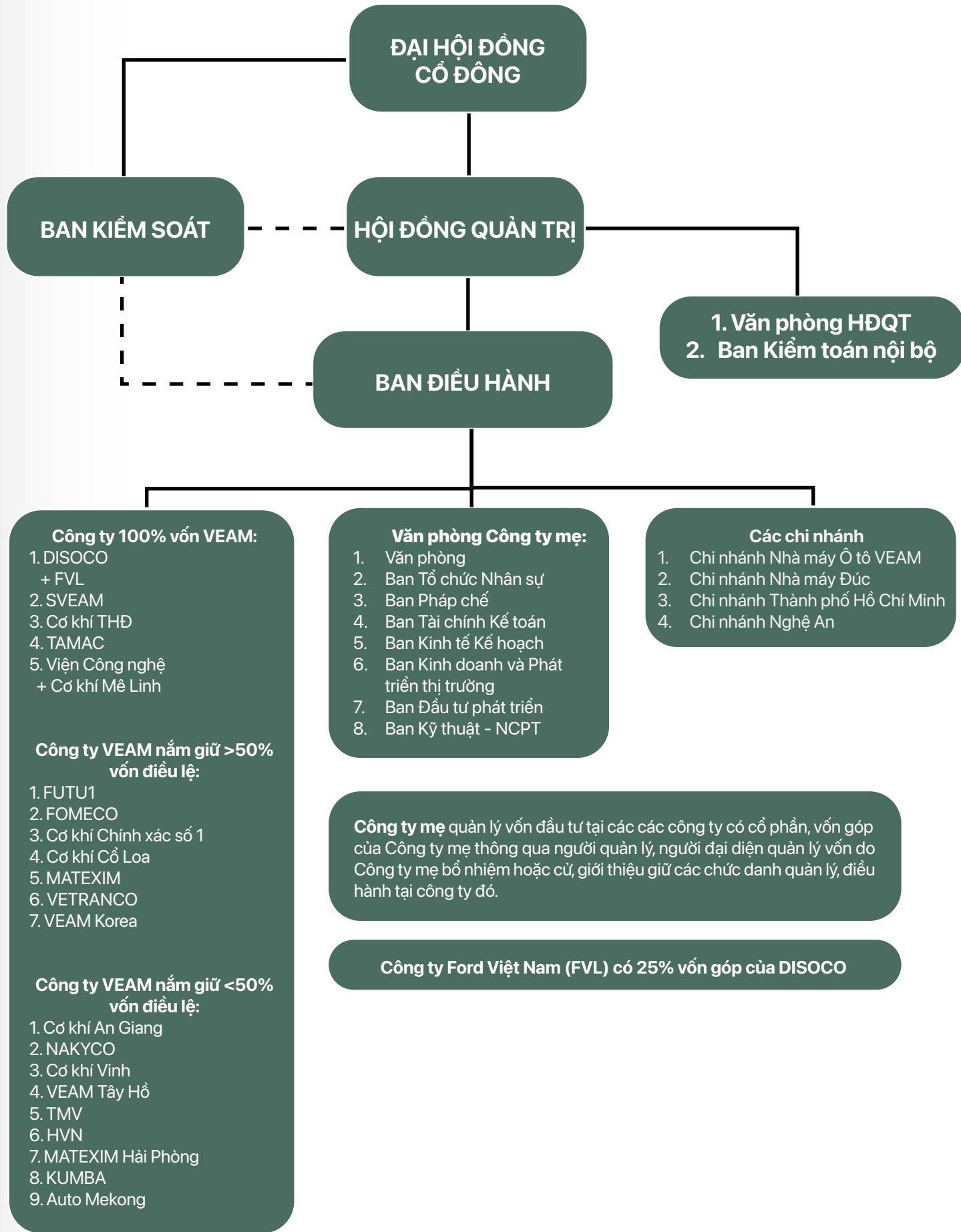
Lễ ký kết văn bản ghi nhớ giữa VEAM với Báo Công Thương



Bộ trưởng Bộ Công Thương thăm và làm việc với Nhà máy luyện kim phi cốt



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



# DANH SÁCH CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

## DANH SÁCH CÔNG TY CON

| STT | Tên đơn vị                                           | Địa chỉ                                           | Lĩnh vực kinh doanh chính                            | Vốn điều lệ (tỷ VND) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------|--------------|
| 1   | Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công                    | TP. Sông Công, Thái Nguyên                        | Công nghiệp hỗ trợ và máy nông nghiệp                | 1.490,0              | 100,00%      |
| 2   | Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp          | Q. Hà Đông, Hà Nội                                | Sản xuất kinh doanh máy nông nghiệp                  | 151,5                | 100,00%      |
| 3   | Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                | Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh                | Sản xuất kinh doanh động cơ                          | 110,7                | 100,00%      |
| 4   | Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam | TP. Biên Hoà, Đồng Nai                            | Sản xuất kinh doanh động cơ và máy nông nghiệp       | 347,0                | 100,00%      |
| 5   | Viện Công nghệ                                       | Vũ Ngọc Phan & Khu công nghiệp Quang Minh, Hà Nội | Nghiên cứu công nghệ, sản phẩm đúc, nhiệt luyện      | 141,6                | 100,00%      |
| 6   | Công ty CP Phụ tùng máy số 1                         | TP. Sông Công, Thái Nguyên                        | Công nghiệp hỗ trợ cho các ngành xe máy, ô tô...     | 70,8                 | 55,00%       |
| 7   | Công ty CP Cơ khí Phổ Yên                            | TX. Phổ Yên, Thái Nguyên                          | Công nghiệp hỗ trợ cho các ngành xe máy, ô tô...     | 37,0                 | 51,00%       |
| 8   | Công ty CP Cơ khí chính xác số 1                     | Phú Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội                        | Công nghiệp hỗ trợ cho ô tô và các sản phẩm khác     | 96,0                 | 51,00%       |
| 9   | Công ty CP MATEXIM Hà Nội                            | Phạm Văn Đồng, Hà Nội                             | Khai thác mỏ, luyện kim, thương mại, dịch vụ vận tải | 222,0                | 51,00%       |
| 10  | Công ty CP Cơ khí Cổ Loa                             | Đông Anh, Hà Nội                                  | Sản xuất các sản phẩm cơ khí                         | 6,0                  | 53,60%       |
| 11  | Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM                | Số 2, Triệu Quốc Đạt, Hà Nội                      | Dịch vụ vận tải, kinh doanh thương mại               | 12,5                 | 51,00%       |
| 12  | Công ty VEAM Korea                                   | Daegu, Korea                                      | Kinh doanh thương mại                                | 17,3                 | 89,00%       |

(\*) Vốn góp CSH tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 tại BCTC của các đơn vị.

## DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT

| STT | Tên đơn vị                         | Địa chỉ                       | Lĩnh vực kinh doanh chính            | Vốn điều lệ (tỷ VND) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|----------------------|--------------|
| 1   | Công ty Honda VN                   | Mê Linh, Vĩnh Phúc            | Sản xuất kinh doanh xe máy, ô tô     | 1.190,8              | 30,00%       |
| 2   | Công ty Toyota VN                  | Mê Linh, Vĩnh Phúc            | Sản xuất kinh doanh ô tô             | 752,2                | 20,00%       |
| 3   | Chi nhánh Công ty TNHH Auto Mekong | Đông Anh, Hà Nội              | Sản xuất kinh doanh ô tô             |                      | 18,00%       |
| 4   | Công ty CP Cơ khí Vinh             | TP. Vinh, Nghệ An             | Sản xuất các sản phẩm cơ khí         | 8,6                  | 49,00%       |
| 5   | Công ty CP NAKYCO                  | Huyện Cù Chi, TP. Hồ Chí Minh | Sản xuất các sản phẩm cơ khí         | 8,2                  | 49,00%       |
| 6   | Công ty CP Cơ khí An Giang         | TP. Long Xuyên, An Giang      | Sản xuất, kinh doanh máy nông nghiệp | 32,9                 | 47,40%       |
| 7   | Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ      | Q. Tây Hồ, Hà Nội             | Cung cấp dịch vụ văn phòng           | 31,1                 | 29,00%       |
| 8   | Công ty KUMBA                      | TP. HCM                       | Sản xuất các linh kiện cơ khí        |                      | 2,22%        |
| 9   | Công ty CP MATEXIM Hải Phòng       | Phố Lê Lai, TP. Hải Phòng     | Kinh doanh vật tư thiết bị, vận tải  | 150,0                | 19,50%       |

# GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO

## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Ông NGÔ KHẢI HOÀN**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



|                                      |                                               |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------|
| Ngày tháng năm sinh                  | 1979                                          |
| Quốc tịch                            | Việt Nam                                      |
| Trình độ chuyên môn                  | Cử nhân                                       |
| Chức vụ tại tổ chức khác             | Không có                                      |
| Tổng số cổ phần nắm giữ              |                                               |
| • Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương | 378.309.360 cổ phần, chiếm 28,47% vốn điều lệ |
| • Cá nhân sở hữu                     | 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ                |

**Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG**  
Thành viên Hội đồng quản trị  
Tổng Giám đốc



|                                      |                                            |
|--------------------------------------|--------------------------------------------|
| Ngày tháng năm sinh                  | 1972                                       |
| Quốc tịch                            | Việt Nam                                   |
| Trình độ chuyên môn                  | Kỹ sư                                      |
| Chức vụ tại tổ chức khác             | Không có                                   |
| Tổng số cổ phần nắm giữ              |                                            |
| • Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương | 332.200.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ |
| • Cá nhân sở hữu                     | 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ             |

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian         | Chức vụ - đơn vị công tác                                                                                                          |
|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/2002 - 06/2007 | Chuyên viên Vụ Thị trường Châu Phi - Tây Á - Nam Á, Bộ Thương mại                                                                  |
| 06/2007 - 03/2011 | Tùy viên Thương mại Thương vụ Việt Nam tại Dubai, Đại sứ quán Việt Nam tại Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE)              |
| 03/2011 - 10/2014 | Tham tán Thương mại Thương vụ Việt Nam tại Dubai, Đại sứ quán Việt Nam tại Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất (UAE)              |
| 10/2014 - 03/2015 | Chuyên viên Vụ Thị trường Châu Phi - Tây Á - Nam Á, Bộ Công Thương                                                                 |
| 04/2015 - 02/2016 | Trưởng phòng, Phòng Nam Á Vụ Thị trường Châu Phi - Tây Á - Nam Á, Bộ Công Thương                                                   |
| 02/2016 - 08/2017 | Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường Châu Phi - Tây Á - Nam Á, Bộ Công Thương                                                               |
| 08/2017 - 04/2019 | Phó Vụ trưởng Vụ Thị trường Châu Á - Châu Phi, Bộ Công Thương                                                                      |
| 04/2019 - 06/2024 | Phó Cục trưởng Cục Công nghiệp, Bộ Công Thương                                                                                     |
| 20/6/2024 đến nay | Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP |

### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian            | Chức vụ - đơn vị công tác                                                                                                                               |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3/1995 - 5/2005      | Chuyên viên phòng công nghệ, đầu tư xây dựng cơ bản - Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.                                                                   |
| 6/2005 - 3/2006      | Ban quản lý dự án - Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Thương mại.                                                                                            |
| 4/2006 - 6/2007      | Chuyên viên Vụ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thương mại.                                                                                                      |
| 7/2007 - 6/2010      | Chuyên viên Vụ Kế hoạch - Bộ Công Thương                                                                                                                |
| 6/2010 - 6/2014      | Trưởng phòng Đầu tư Vụ Kế hoạch - Bộ Công Thương                                                                                                        |
| 6/2014 - 19/6/2024   | Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch nay là Vụ Kế hoạch Tài chính và quản lý doanh nghiệp - Bộ Công Thương                                                         |
| Từ 20/6/2024 đến nay | Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP |



**Bà NGUYỄN THỊ HOA**  
Thành viên Hội đồng quản trị

|                                                                                       |                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngày tháng năm sinh:</b>                                                           | 1977                                                                                            |
| <b>Quốc tịch:</b>                                                                     | Việt Nam                                                                                        |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>                                                           | Thạc sĩ                                                                                         |
| <b>Chức vụ tại tổ chức khác:</b>                                                      | Không có                                                                                        |
| <b>Tổng số cổ phần nắm giữ:</b>                                                       |                                                                                                 |
| <div><div>• Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương</div><div>• Cá nhân sở hữu</div></div> | <div>332.200.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ</div> <div>0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ</div> |

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian         | Chức vụ - đơn vị công tác                                                                                                            |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9/1999 - 01/2003  | Kế toán trưởng Công ty TNHH Đại Minh, Hà Nội                                                                                         |
| 02/2003 - 7/2008  | Cán bộ tín dụng Phòng Tín dụng 2, BIDV-Chi nhánh Hà Nội                                                                              |
| 8/2008 - 10/2010  | Chuyên viên Quan hệ khách hàng (QHKH), Phòng QHKH 3, BIDV-Chi nhánh Hà Nội                                                           |
| 11/2010 - 8/2012  | Chuyên viên QHKH, Phòng QHKH 2, Ban QHKH, BIDV                                                                                       |
| 8/2012 - 1/2015   | Phó trưởng phòng, Ban QHKH, BIDV                                                                                                     |
| 2/2015 - 3/2016   | Trưởng phòng Khách hàng lớn, Ban Khách hàng doanh nghiệp lớn, BIDV                                                                   |
| 3/2016 - 7/2017   | Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách tại Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương            |
| 7/2017 - 8/2017   | Phụ trách bộ phận thường trực Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương.                                                 |
| 8/2017 - 11/2022  | Phó Vụ trưởng, Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Bộ Công Thương                                                                  |
| 12/2022 - 6/2024  | Phó Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch-Tài chính, Bộ Công Thương                                                                                 |
| 20/6/2024 đến nay | Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP |



**Bà TRẦN THỊ NGUYỆT**  
Thành viên Hội đồng quản trị

|                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngày tháng năm sinh:</b>      | 1975                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>Quốc tịch:</b>                | Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>      | Cử nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>Chức vụ tại tổ chức khác:</b> | <div><div>• Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội;</div><div>• Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Intimex Việt Nam;</div><div>• Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội;</div><div>• Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cung ứng Dịch vụ Tổng hợp Thịnh Nguyên;</div><div>• Giám đốc Công ty Luật TNHH SLCC;</div><div>• Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam.</div></div> |

**Tổng số cổ phần nắm giữ:** 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian            | Chức vụ - đơn vị công tác                                                                 |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 2001 đến nay      | Đoàn Luật sư TP. Hà Nội                                                                   |
| Từ T06/2016 đến nay  | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội                              |
| Từ T11/2018 đến nay  | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Intimex Việt Nam                                            |
| Từ T12/2019 đến nay  | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội                                      |
| Từ T8/2021 đến nay   | Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cung ứng Dịch vụ Tổng hợp Thịnh Nguyên                      |
| Từ T01/2023 đến nay  | Giám đốc Công ty Luật TNHH SLCC                                                           |
| Từ T10/2023 đến nay  | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam                                 |
| Từ 20/6/2024 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP |



**Ông NGUYỄN TIẾN VY**  
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

|                                  |                                                                                                      |
|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Ngày tháng năm sinh:</b>      | 1955                                                                                                 |
| <b>Quốc tịch:</b>                | Việt Nam                                                                                             |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>      | Thạc sĩ                                                                                              |
| <b>Chức vụ tại tổ chức khác:</b> | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) |
| <b>Tổng số cổ phần nắm giữ:</b>  | 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ                                                                       |

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian                       | Chức vụ - đơn vị công tác                                                                            |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 08/1972-12/1976                 | Bộ đội                                                                                               |
| 12/1976-10/1981                 | Sinh viên Đại học Tổng hợp Hà Nội                                                                    |
| 10/1981-4/1983                  | Cán bộ Thư viện Đại học Tổng hợp Hà Nội                                                              |
| 5/1983-4/1988                   | Cán bộ giáo vụ; Phó Bí thư Đoàn Trưởng Quân ký xí nghiệp Bộ Công nghiệp nhẹ                          |
| 5/1988-4/1990                   | Chuyên viên Trung tâm Thông tin Kinh tế và Khoa học kỹ thuật Công nghiệp nhẹ                         |
| 5/1990-10/1995                  | Chuyên viên; Phó Trưởng phòng; Trưởng phòng Hành chính Pháp chế Văn phòng Bộ Công nghiệp nhẹ         |
| 11/1995-02/1998                 | Trưởng phòng Hành chính Văn phòng Bộ Công nghiệp                                                     |
| 02/1998-3/2000                  | Phó Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Công nghiệp                                                             |
| 4/2000-3/2007                   | Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Công nghiệp                                                                 |
| 4/2007-8/2007                   | Chánh Văn phòng Bộ Công nghiệp                                                                       |
| 8/2007-3/2011                   | Chánh Văn phòng Bộ Công Thương                                                                       |
| 3/2011-11/2015                  | Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Bộ Công Thương                                                                 |
| 4/2000-3/2007 và 3/2011-11/2015 | Thành viên Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Công Thương                                     |
| 4/2016 đến nay                  | Luật sư Đoàn Luật sư Thành phố Hà nội                                                                |
| 01/2006-12/2010                 | Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Thiết bị Điện Việt Nam                                     |
| 01/2011-4/2016                  | Cố vấn Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (GELEX)                         |
| 01/2016-4/2021                  | Phó Chủ tịch Hiệp hội Bia-Rượu-Nước giải khát Việt Nam                                               |
| 9/2017- 12/2019                 | Chủ tịch Diễn đàn Uống có Trách nhiệm Việt Nam                                                       |
| 4/2021 đến nay                  | Ủy viên Thường vụ Hiệp hội Bia-Rượu-Nước giải khá                                                    |
| 7/2018 đến nay                  | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu-Nước giải khát Sài Gòn (SABECO) |
| 6/2019 đến nay                  | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP    |



**Ông PHAN KIM KHOA**  
Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

|                                  |                                |
|----------------------------------|--------------------------------|
| <b>Ngày tháng năm sinh:</b>      | 1951                           |
| <b>Quốc tịch:</b>                | Việt Nam                       |
| <b>Trình độ chuyên môn:</b>      | Kĩ sư                          |
| <b>Chức vụ tại tổ chức khác:</b> | Không có                       |
| <b>Tổng số cổ phần nắm giữ:</b>  | 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ |

#### QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

| Thời gian      | Chức vụ - đơn vị công tác                                                                         |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1976-1998      | Kĩ sư thiết kế; Trưởng phòng Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm của Viện Máy và Dụng cụ công nghiệp     |
| 1988-2011      | Trưởng phòng Kế hoạch; Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp                 |
| 7/2020 đến nay | Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP |

# BAN KIỂM SOÁT



**Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN**  
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

| QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC |                                                                         |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian          | Chức vụ                                                                 |
| 12/2001- 08/2008:  | Kế toán tổng hợp, phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ              |
| 09/2008 - 12/2008: | Kế toán trưởng Công ty CP FLC                                           |
| 01/2009 - 12/2010: | Kế toán tổng hợp, phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ              |
| 01/2011 - 12/2015: | Phó Trưởng phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ                     |
| 01/2016 - 05/2018: | Trưởng phòng Kinh tế - Tài chính Viện Công nghệ                         |
| 11/2016 - 05/2018: | Kế toán trưởng Viện Công nghệ                                           |
| 06/2018 - 02/2019: | Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính, VEAM                              |
| 03/2019 - 06/2022: | Phó CVP Hội đồng quản trị - VEAM                                        |
| 06/2019 - 09/2021: | Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                |
| 06/2019 - 09/2022: | Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp          |
| 05/2021 - 11/2022: | Người đại diện vốn VEAM, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1 |
| 06/2022 đến nay:   | Trưởng Ban kiểm soát VEAM                                               |



**Bà NGUYỄN THỊ DIÊN**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh:1980

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

| QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC |                                                                                           |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian          | Chức vụ                                                                                   |
| 8/2002 - 12/2016:  | Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam |
| 01/2017 đến nay:   | Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP     |



**Bà LÊ THỊ THANH BÌNH**  
Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Asean

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

| QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC |                                                                                        |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian          | Chức vụ                                                                                |
| 9/1996 - 12/1998:  | Chuyên viên Ngân hàng VID Public Bank Hà Nội                                           |
| 01/1999 - 10/2008: | Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ                    |
| 3/2015 - 8/2021:   | Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội                              |
| 05/01/2009 đến nay | Quyền Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Asean                   |
| 10/6/2015 đến nay  | Người được ủy quyền công bố thông tin Công ty cổ phần Chứng khoán Asean                |
| 04/2015 đến nay    | Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần chứng khoán Asean      |
| 6/2017 đến nay     | Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. |

# BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông LÊ MINH QUY**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Cử nhân QTKD

Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Honda Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

| QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC |                                                                                                                                                   |
|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian          | Chức vụ                                                                                                                                           |
| 6/1994 - 1/2002:   | Kỹ sư, Phòng Thiết kế công trình, Phòng Kế hoạch và Quản lý dự án Công ty tư vấn đầu tư phát triển và xây dựng (Công ty THIKECO)                  |
| 2/2002 - 5/2003:   | Phó Trưởng phòng, Phòng Kế hoạch và Quản lý dự án Công ty THIKECO                                                                                 |
| 6/2003 - 5/2007:   | Kỹ sư, VPTH VEAM; Trưởng phòng, Phòng Quản lý xây dựng Nhà máy ô tô VEAM                                                                          |
| 6/2007 - 9/2013:   | Trưởng phòng XDCB VEAM, kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ                                                                          |
| 10/2013 - 1/2017:  | Trưởng phòng, Phòng Quản lý XDCB VEAM; kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM; kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ |
| 2/2017 - 9/2018:   | Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị VEAM, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM                                                  |
| 10/2018 - 9/2019:  | Người phụ trách quản trị VEAM, kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị VEAM, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM              |
| 10/2019 - 5/2020:  | Phó Tổng Giám đốc VEAM; kiêm Người đại diện vốn, Thành viên HĐQT Công ty Honda Việt Nam; kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM |
| 6/2020 - 6/2022:   | Phó Tổng Giám đốc VEAM; kiêm Người đại diện vốn, Thành viên HĐQT Công ty Honda Việt Nam                                                           |
| 6/2022 đến nay:    | Phó Tổng Giám đốc VEAM; kiêm Người đại diện vốn, Thành viên HĐQT Công ty Honda Việt Nam; kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ |



**Ông PHẠM ANH TUẤN**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế Quốc tế

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam

Tổng số cổ phần nắm giữ:

- Đại diện sở hữu của Bộ Công Thương: 132.880.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

| QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC |                                                                                                                                            |
|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian          | Chức vụ                                                                                                                                    |
| 6/2006 - 6/2010:   | Chuyên viên Vụ Chính sách thương mại đa biên, Bộ Công Thương                                                                               |
| 7/2010 - 5/2011:   | Chuyên viên Vụ Thị trường Châu Âu, Bộ Công Thương                                                                                          |
| 5/2011 - 7/2011:   | Chuyên viên Văn phòng Bộ Công Thương                                                                                                       |
| 7/2011 - 8/2012:   | Phó Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Công Thương                                                                                        |
| 8/2012 - 4/2019:   | Hàm Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng Bộ Công Thương                                                                                        |
| 4/2019 - 3/2023:   | Chánh Văn phòng Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng, Bộ Công Thương                                                                   |
| 3/2023 4/2023:     | Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM                                                                                                  |
| 4/2023 - 12/2023:  | Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Phó Tổng Giám đốc VEAM                                                                          |
| 2/2023 đến nay:    | Người đại diện phần vốn Nhà nước tại VEAM, Phó Tổng Giám đốc VEAM, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam |



**Ông VŨ PHONG HẢI**  
Phụ trách kế toán

Ngày tháng năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

| QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC    |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian             | Chức vụ                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 7/2005 -10/2008:      | Kế toán tại Ban quản lý dự án Nhà máy ô tô VEAM Thanh Hóa                                                                                                                                                                                                             |
| 11/2008 - 2/2019:     | Làm việc tại Nhà máy ô tô VEAM, trải qua các vị trí công tác: Trưởng Bộ phận Thống kê Kế toán; Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán; Phó Trưởng phòng Kế hoạch điều độ; Trưởng phòng Tài chính Kế toán; Trưởng phòng Thị trường; Phó Trưởng phòng Thị trường Kinh doanh |
| 3/2019 - 9/2019:      | Phụ trách kế toán - Công ty TNHH Liên doanh Phân bón Hữu Nghị                                                                                                                                                                                                         |
| 16/9/2019 - 4/9/2022: | Kế toán trưởng Nhà máy ô tô VEAM - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP                                                                                                                                                                       |
| 5/9/2022 - 9/6/2024:  | Phó Giám đốc Nhà máy ô tô VEAM                                                                                                                                                                                                                                        |
| 10/06/2024 đến nay:   | Phụ trách kế toán VEAM                                                                                                                                                                                                                                                |

## VỊ THẾ CÔNG TY



**VEAM mong muốn trở thành một trong các doanh nghiệp hàng đầu trong nước về sản xuất cơ khí trong ngành: máy động lực, máy nông nghiệp; công nghiệp hỗ trợ; ô tô thương mại. Trở thành doanh nghiệp sản xuất cơ khí có quy mô lớn trong khu vực ASEAN.**

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỤ THỂ NĂM 2024

**VEAM tiếp tục duy trì và tập trung phát triển vào các ngành nghề chính, bao gồm: động cơ và máy nông nghiệp; ô tô - xe máy; công nghiệp hỗ trợ. Đảm bảo sự tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế, duy trì việc làm và ổn định thu nhập cho người lao động và đảm bảo tối đa các lợi ích của cổ đông.**



### 2. Năng lực sản xuất

Gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển, không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý quản trị của người đại diện vốn VEAM tại công ty cổ phần, công ty liên kết và đặc biệt tại các công ty liên doanh có vốn FDI



### 3. Nhân sự

Có đội ngũ lãnh đạo và quản lý năng động, sáng tạo; đội ngũ kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề và văn hóa doanh nghiệp



### 4. Thị trường

Có thị trường và thương hiệu uy tín để mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh; Có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với lợi thế cạnh tranh của Tổng công ty để VEAM luôn phát triển bền vững.



### 1. Quy mô

Xây dựng VEAM trở thành một Tổng công ty có quy mô lớn, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao theo ngành nghề kinh doanh chính.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



### Về năng lực cạnh tranh

Nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực chế tạo máy nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ bằng cách đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đầu tư năng lực thiết bị, công nghệ cao, tăng cường việc hợp tác sản xuất và khai thác sử dụng tối đa các nguồn lực đã đầu tư của các đơn vị thành viên và các công ty con, phát triển sản phẩm chủ lực nhằm chiếm thị phần tương xứng trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu.



### Về thị trường

Tích cực tham gia các chuỗi cung ứng toàn cầu trong lĩnh vực xe máy, ô tô và các loại máy móc công nghiệp khác. Tăng cường hợp tác quốc tế và nội địa hóa đối với sản phẩm ô tô tài do VEAM sản xuất



### Về tái cấu trúc công ty

Tái cơ cấu Công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết theo hướng tăng cường công tác quản trị; khai thác năng lực, thế mạnh của các đơn vị và thoái vốn tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả thấp, không phù hợp với ngành nghề chính.

## CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Phát triển đồng bộ các yếu tố quản trị, nhân lực, công nghệ, thị trường, sản phẩm.



Có đủ năng lực, uy tín trong quan hệ hợp tác, kinh doanh đối với các đối tác trong nước và quốc tế.



# CÁC RỦI RO CHÍNH

## RỦI RO KINH TẾ VĨ MÔ

Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8% trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo đang dần trở lại quỹ đạo tăng trưởng. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức như xung đột và căng thẳng địa chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu còn yếu do bất ổn địa chính trị, thiếu hụt nguồn cung, lạm phát đang hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, rủi ro lãi suất tăng và biến động tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, những chính sách kinh tế mới của chính quyền Tổng thống Mỹ dự kiến sẽ tác động sâu sắc hơn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia nói riêng, trong đó có Việt Nam. Trong nước, kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, tuy nhiên sẽ phải đối mặt với những rủi ro, khó khăn, thách thức:

- Rủi ro, thách thức của kinh tế toàn cầu, quan hệ với Mỹ, Trung Quốc sẽ tác động tới Việt Nam cả ở tầm vĩ mô và vi mô (chính sách vĩ mô của nhà nước và hoạt động của các doanh nghiệp, các thị trường tài

chính, tiền tệ, hàng hóa, lao động v.v...);

- Thể chế pháp lý đang được hoàn thiện nhưng còn chậm và nhiều chính sách chưa có sự ổn định, còn chồng chéo;
- Động lực truyền thống chưa được làm mới, các điểm nghẽn đầu tư đang được nhận diện và xử lý nhưng hiệu quả chưa cao;
- Lao động chi phí rẻ không còn là lợi thế quốc gia; lao động có trình độ để bắt kịp với công nghệ hiện đại còn thiếu, chưa đồng đều trong lực lượng lao động, thiếu lao động chất lượng cao;
- Khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu, đặc biệt đối với các doanh nghiệp trong nước; thị trường vốn, thị trường chứng khoán chưa phát huy tương xứng với tiềm năng.

Mặc dù Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ, nhưng vẫn đối mặt với nhiều rủi ro từ môi trường kinh tế vĩ mô. Việc quản lý tốt các rủi ro này, đặc biệt là về chính sách tài chính, tiền tệ, và thu hút đầu tư, sẽ là yếu tố quyết định để duy trì đà phát triển bền vững.

- Công ty mẹ gồm Văn phòng Công ty mẹ và 04 đơn vị trực thuộc, trong đó Nhà máy Ô tô VEAM và Nhà máy Đức là đơn vị sản xuất kinh doanh trực tiếp với tổng số lao động là hơn 500 người.
- Lao động ngành cơ khí, chế tạo máy là ngành lao động kỹ thuật nặng nhọc, thu nhập chưa cao nên khó thu hút được nguồn lao động chất lượng cao, có trình độ quản lý giỏi.

- Các chính sách về sử dụng nhân sự, thu hút nhân lực của các doanh nghiệp do nhà nước nắm cổ phần chi phối chưa kịp thời thay đổi để phù hợp với cơ chế thị trường;
- Biện pháp kiểm soát: nâng cao công tác đào tạo, hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế tiền lương, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với người lao động.

Mặc dù nợ công của Việt Nam hiện nay vẫn trong tầm kiểm soát, nhưng áp lực trả nợ đang tiếp tục gia tăng, đặc biệt khi đồng USD mạnh lên. Nhiều doanh nghiệp bất động sản gặp khó khăn trong việc huy động vốn, thanh khoản ngân hàng có thể bị ảnh hưởng nếu thị trường tín dụng tiếp tục suy yếu. Một số ngân hàng nhỏ vẫn đối mặt với rủi ro nợ xấu gia tăng, đặc biệt là sau giai đoạn thắt chặt tín dụng. Hiện tại, VEAM đang có nguồn tài chính dồi dào, giá trị đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

hạn (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn) chiếm phần lớn vốn điều lệ. VEAM thường xuyên theo dõi tình hình khách hàng, các đối tác để đánh giá rủi ro tín dụng. VEAM đã ban hành Quy chế đầu tư tài chính ngắn hạn trong đó có các quy định về đầu tư tài chính, kế hoạch dòng tiền, thời hạn tiền gửi, lãi suất tiền gửi, ngân hàng giao dịch... Tuy nhiên, rủi ro là việc cập nhật chính sách tiền gửi của các ngân hàng.

## RỦI RO CẠNH TRANH

Nền kinh tế nói chung được dự báo vẫn còn đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ cả yếu tố trong và ngoài nước; sức ép lạm phát, tỷ giá, lãi suất gia tăng; sản xuất kinh doanh tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực. Các nhà đầu tư mới có năng lực cạnh tranh tiếp tục thâm nhập thị trường đặc biệt là thị trường xe ô tô điện. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của VEAM tại các doanh nghiệp sản xuất ô tô sẽ có thể giảm sút lợi nhuận do yếu tố cạnh tranh ngày càng lớn từ chính sách miễn giảm thuế tiêu thụ đặc biệt cho ô tô điện đã được Quốc hội thông qua sẽ tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa ô tô điện với các sản phẩm ô tô chạy xăng đang được sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp này.

Lĩnh vực đầu tư sản xuất máy nông nghiệp trong nước hiện bất lợi trong cạnh tranh do chính sách còn chưa hợp lý để bảo vệ sản xuất trong nước, cụ thể:

- Chính phủ chưa ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với máy nông nghiệp; hạn chế hoặc cấm việc nhập khẩu các máy nông nghiệp cũ đã qua sử dụng... để tạo điều kiện thuận lợi cho người nông dân sớm tiếp cận với những thiết bị công nghệ hiện đại, đầu tư mua sắm các sản phẩm phục vụ nông nghiệp do các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất. Ngoài ra, tâm lý của khách hàng vẫn thích sử dụng máy móc nông nghiệp đã qua sử dụng với giá thành thấp.

Đối với VEAM, các vướng mắc, tồn tại của giai đoạn trước đây vẫn còn rất phức tạp. Mặc dù đang được tích cực xử lý, giải quyết nhưng đến nay vẫn chưa thể giải quyết dứt điểm. Tình hình sản xuất động cơ và máy nông nghiệp liên tục sụt giảm trong nhiều năm gần đây, lĩnh vực kinh doanh ô tô chưa có dấu hiệu khả quan, Nhà máy Ô tô VEAM dự kiến còn nhiều khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu tiêu thụ hàng tồn kho, các sản phẩm mới đưa ra thị trường còn hạn chế.

## RỦI RO NHÂN SỰ VÀ NHÂN SỰ KẾ THỪA

## RỦI RO TÍN DỤNG

# RỦI RO CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Ngành công nghiệp hỗ trợ (CNHT) Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng của các ngành sản xuất lớn như điện tử, ô tô, dệt may, cơ khí chính xác... Tuy nhiên, môi trường kinh tế vĩ mô có nhiều rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển của ngành này. Dưới đây là các rủi ro chính:

## Rủi ro về tăng trưởng kinh tế và nhu cầu thị trường:

- Suy giảm tăng trưởng toàn cầu: CNHT Việt Nam phụ thuộc nhiều vào các tập đoàn FDI, nếu kinh tế thế giới suy thoái, nhu cầu linh kiện, phụ tùng có thể giảm, gây ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp trong nước.
- Sự phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI: Phần lớn các doanh nghiệp CNHT Việt Nam là nhà cung ứng cấp 2, cấp 3 cho các tập đoàn lớn như Samsung, Toyota, Honda... Nếu các tập đoàn này dịch chuyển sản xuất sang nước khác, CNHT trong nước sẽ bị ảnh hưởng nặng nề.
- Cạnh tranh từ các nước khác: Việt Nam phải cạnh tranh với các nước có ngành CNHT phát triển như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc, khiến các doanh nghiệp trong nước khó mở rộng thị phần.

## Rủi ro về tài chính và đầu tư

- Hạn chế về vốn và công nghệ: Doanh nghiệp CNHT trong nước có quy mô nhỏ, khó tiếp cận vốn vay dài hạn với lãi suất ưu đãi để đầu tư công nghệ. Điều này khiến họ khó nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Chi phí sản xuất tăng: Giá nguyên vật liệu nhập khẩu và chi phí logistics ngày càng cao, đặc biệt khi Việt Nam vẫn phụ thuộc vào nguyên liệu từ Trung Quốc và Hàn Quốc.

## Rủi ro về chính sách và môi trường kinh doanh

- Chính sách hỗ trợ chưa thực sự hiệu quả: Mặc dù Chính phủ đã có nhiều chính sách khuyến khích CNHT (Nghị định 111/2015/NĐ-CP), nhưng doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận ưu đãi và hỗ trợ từ nhà nước.
- Thủ tục hành chính phức tạp: Các doanh nghiệp CNHT, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn gặp khó khăn trong thủ tục thuế, hải quan và tiếp cận thị trường quốc tế.
- Thiếu sự kết nối với doanh nghiệp lớn: Các doanh nghiệp CNHT trong nước chưa được ưu tiên trong chuỗi cung ứng của các tập đoàn FDI do chưa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật cao.

Ngành CNHT Việt Nam có tiềm năng phát triển lớn nhưng đang đối mặt với nhiều rủi ro vĩ mô từ tăng trưởng kinh tế, tài chính, chính sách, thương mại quốc tế và môi trường. Để giảm thiểu rủi ro, các doanh nghiệp cần tăng cường năng lực công nghệ, đa dạng hóa thị trường và tận dụng tốt các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.

## Rủi ro từ biến động tỷ giá và lạm phát

- Áp lực lạm phát: Giá nguyên liệu nhập khẩu và chi phí nhân công tăng cao có thể làm giảm biên lợi nhuận của doanh nghiệp CNHT.
- Biến động tỷ giá: Đồng VND mất giá so với USD có thể làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, trong khi doanh nghiệp CNHT khó có thể điều chỉnh giá bán ngay lập tức.

## Rủi ro từ biến đổi khí hậu và môi trường

- Áp lực về tiêu chuẩn môi trường: Các doanh nghiệp CNHT phải đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe hơn về sản xuất xanh, giảm phát thải, trong khi phần lớn vẫn sử dụng công nghệ cũ, tiêu tốn năng lượng.
- Thiên tai và gián đoạn chuỗi cung ứng: Các yếu tố như bão lũ, dịch bệnh có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và logistics của ngành.

# RỦI RO TỪ CHÍNH SÁCH VÀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

# RỦI RO TỪ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

## Ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp

- Chính sách hỗ trợ chưa đủ mạnh: Mặc dù có nhiều chính sách hỗ trợ ngành nông nghiệp, nhưng các doanh nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị nông nghiệp vẫn khó tiếp cận vốn ưu đãi và công nghệ hiện đại.
- Rào cản nhập khẩu nguyên vật liệu: Các loại máy móc và linh kiện quan trọng phải nhập khẩu, chịu ảnh hưởng từ thuế suất và biến động tỷ giá.

## Ngành công nghiệp hỗ trợ

- Chưa có chính sách ưu đãi rõ ràng: Doanh nghiệp CNHT Việt Nam vẫn chưa có nhiều ưu đãi về thuế, đất đai, vốn vay như các nước trong khu vực.
- Thủ tục hành chính phức tạp: Việc tiếp cận các gói hỗ trợ từ Chính phủ vẫn gặp nhiều khó khăn, làm giảm khả năng cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài.

## Ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp

- Chậm đổi mới công nghệ: Nhiều doanh nghiệp Việt vẫn sử dụng công nghệ lạc hậu, trong khi nông nghiệp hiện đại ngày càng dựa vào AI, IoT, big data để tối ưu sản xuất.
- Thiếu nhân lực kỹ thuật cao: Ngành này đang thiếu nhân lực có chuyên môn về cơ khí, tự động hóa, và công nghệ nông nghiệp.

## Ngành công nghiệp hỗ trợ

- Chưa đầu tư mạnh vào R&D: Các doanh nghiệp CNHT Việt Nam chưa chú trọng đến nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, dẫn đến việc tụt hậu so với đối thủ quốc tế.
- Ứng dụng tự động hóa còn thấp: Công nghệ sản xuất vẫn phụ thuộc nhiều vào lao động thủ công, trong khi các nước khác đã áp dụng robot và sản xuất thông minh.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Các công ty con, công ty liên kết

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Một số chỉ tiêu chính VEAM đã đạt được trong năm 2024 so với năm 2023 và với các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 thông qua như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 283,6     | 491,0    | 269,7     | 95%            | 55%         |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 318,5     | 552,7    | 316,9     | 99%            | 57%         |
| + SX công nghiệp        | 292,8     | 495,2    | 302,84    | 103%           | 61%         |
| + Thương mại            | 25,7      | 57,5     | 14,1      | 55%            | 25%         |
| 3. Doanh thu tài chính  | 7.940,2   | 5.861,1  | 6.531,80  | 82%            | 111%        |
| 4. Lợi nhuận sau thuế   | 6.760,8   | 5.488,9  | 6.253,40  | 92%            | 114%        |

(Kế hoạch năm 2024 của Công ty mẹ chưa bao gồm dự kiến tiêu thụ xe tồn kho của VM)

**Kết quả hoạt động sản xuất và tiêu thụ chính năm 2024 đều đạt rất thấp so với kế hoạch.** So với năm 2023, doanh thu sản xuất công nghiệp đã tăng trưởng trở lại, chủ yếu nhờ vào những tín hiệu tích cực từ Nhà máy Đức (VF). Hoạt động SXKD của Nhà máy Ô tô VEAM (VM) cũng như hoạt động kinh doanh thương mại tại VP VEAM vẫn gặp rất nhiều khó khăn và tiếp tục sụt giảm. Do vậy, doanh thu bán hàng của Công ty mẹ tính chung vẫn chỉ ở mức tương đương thực hiện năm 2023.

**Doanh thu tài chính, lợi nhuận sau thuế** ước thực hiện năm 2024 tuy giảm lần lượt 18% và 8% so với năm 2023 nhưng vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên năm 2024 thông qua. Việc tỷ lệ lợi nhuận giảm ít hơn nhiều tỷ lệ giảm doanh thu là do trong năm 2023 VEAM đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và trích lập dự phòng hỗ trợ vốn dẫn đến các chi phí trong năm 2024 thấp hơn rất nhiều so với năm 2023.



## Nguyên nhân của việc kết quả SXKD đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch

+ Các chỉ tiêu kế hoạch của VM chiếm tỷ trọng khá cao (chiếm 53% đối với mục tiêu doanh thu) trong kế hoạch chung của Công ty mẹ. Tuy nhiên, hoạt động của VM gặp rất nhiều khó khăn, các chỉ tiêu chính đạt rất thấp (khoảng 30%) so với kế hoạch đơn vị xây dựng. Trong khi đó, VF có kết quả tương đối tích cực nhưng chỉ chiếm 36% tỷ trọng doanh thu kế hoạch chung nên không thể bù đắp trong cơ cấu chung của Công ty mẹ;

+ Doanh thu thương mại cũng chưa có dấu hiệu khởi sắc, công tác kinh doanh vật tư thực hiện được không nhiều so với kế hoạch năm cũng như so với năm trước. Công tác tiêu thụ xe tồn kho Changan, máy kéo ISEKI triển khai chậm do chưa có phương án tổng thể về tiêu thụ hàng tồn kho, đặc biệt là chưa triển khai được chủ trương tiêu thụ xe tồn kho Changan qua hình thức bán đấu giá. Tiến độ bán lẻ chậm chủ yếu do giá bán chưa cạnh tranh, việc hợp tác với đại lý bán hàng còn nhiều vướng mắc về hợp đồng đại lý và chưa triển khai đồng bộ nhiều phương án kích cầu bán lẻ khác.

+ Hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ chưa được triển khai theo kế hoạch (do biến động nhân sự trong giai đoạn đầu năm 2024), gây ảnh hưởng đến việc tiêu thụ hàng hoá.



**Nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới: tập trung vào việc tìm các biện pháp tháo gỡ khó khăn; giải quyết hàng tồn kho, công nợ...; tìm kiếm đối tác, đưa ra các giải pháp phù hợp với các Chi nhánh và kinh doanh thương mại của VP VEAM.**

Các chỉ tiêu báo cáo tài chính hoạt động hợp nhất Công ty mẹ - công ty con năm 2024 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

| TT | Chỉ tiêu                                | Năm 2023 | Năm 2024 |
|----|-----------------------------------------|----------|----------|
| 1  | Tổng tài sản                            | 27.136,2 | 27.543,2 |
| 2  | Vốn chủ sở hữu (400)                    | 25.729,1 | 26.248,2 |
| 3  | Doanh thu thuần BH và CCDV              | 3.806,4  | 4.103,4  |
| 4  | Giá vốn hàng bán                        | 3.358,5  | 3.477,8  |
| 5  | Lợi nhuận gộp                           | 447,9    | 625,7    |
| 6  | Doanh thu hoạt động tài chính           | 1.205,1  | 857,6    |
| 7  | Chi phí tài chính                       | 55,2     | 7,2      |
| 8  | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty LD, LK   | 5.640,1  | 6.729,7  |
| 9  | Chi phí bán hàng                        | 86,4     | 88,5     |
| 10 | Chi phí quản lý DN                      | 610,7    | 486,7    |
| 11 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 6.540,9  | 7.630,6  |
| 12 | Lợi nhuận khác                          | -23,8    | -4,3     |
| 13 | Lợi nhuận trước thuế                    | 6.517,1  | 7.626,3  |
| 14 | Lợi nhuận sau thuế                      | 6.265,2  | 7.431,7  |

(Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán)

Doanh thu hợp nhất và lợi nhuận sau thuế năm 2024 đều tăng lần lượt 8% và 19% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế tăng chủ yếu do phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết tăng 19% so với cùng kỳ năm trước.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Những thay đổi của Ban điều hành trong năm 2024

1

Ngày 10/6/2024

Hội đồng quản trị VEAM đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-HĐQT về việc bãi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc VEAM đối với ông Phan Phạm Hà kể từ ngày 10/6/2024.

2

Ngày 10/6/2024

Hội đồng quản trị VEAM đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng VEAM đối với bà Nguyễn Thị Mai Hương kể từ ngày 10/6/2024.

3

Ngày 10/6/2024

Hội đồng quản trị VEAM đã ban hành Quyết định số 31/QĐ-HĐQT về việc giao ông Vũ Phong Hải phụ trách kế toán VEAM kể từ ngày 10/6/2024.

4

Ngày 20/6/2024

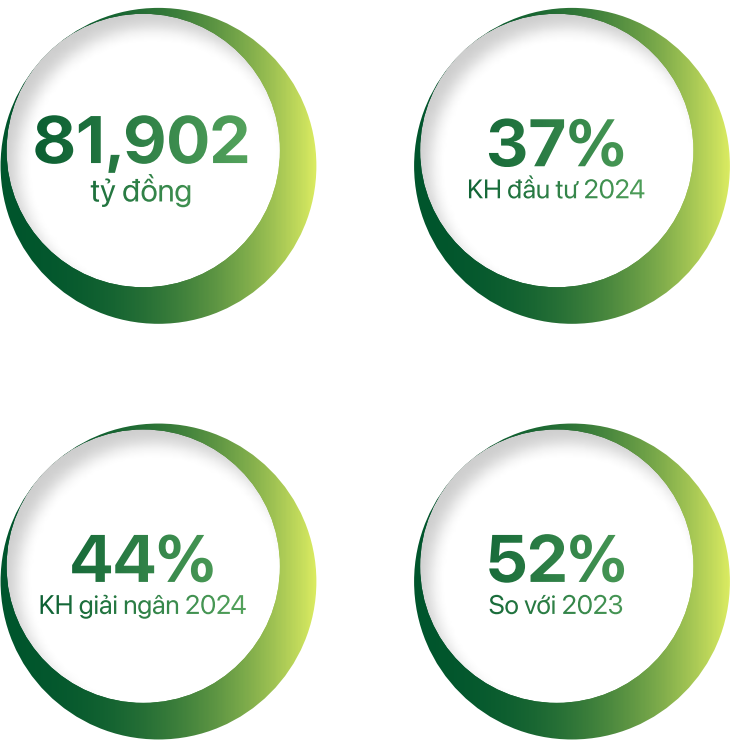
Hội đồng quản trị VEAM đã ban hành Quyết định số 40/QĐ-HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Hoàng Giang kể từ ngày 20/6/2024.

Số lượng nhân sự Công ty mẹ

| STT | Các chỉ tiêu chính                         | Năm 2023         |          | Năm 2024         |          |
|-----|--------------------------------------------|------------------|----------|------------------|----------|
|     |                                            | Số lượng (người) | Tỷ trọng | Số lượng (người) | Tỷ trọng |
| I   | Theo trình độ lao động                     |                  |          |                  |          |
| 1   | Trình độ Đại học và trên Đại học           | 262              | 39,2%    | 266              | 40,9%    |
| 2   | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 109              | 16,3%    | 99               | 15,2%    |
| 3   | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật               | 120              | 18,0%    | 84               | 12,9%    |
| 4   | Lao động phổ thông                         | 177              | 26,5%    | 201              | 30,9%    |
| II  | Theo đối tượng lao động                    |                  |          |                  |          |
| 1   | Lao động trực tiếp                         | 258              | 38,6%    | 285              | 43,8%    |
| 2   | Lao động gián tiếp                         | 410              | 61,4%    | 365              | 56,2%    |
| III | Theo giới tính                             |                  |          |                  |          |
| 1   | Nam                                        | 468              | 70,1%    | 468              | 72,0%    |
| 2   | Nữ                                         | 200              | 29,9%    | 182              | 28,0%    |
| IV  | Theo thời hạn HĐLĐ                         |                  |          |                  |          |
| 1   | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm               | 1                | 0,1%     | 0                | 0,0%     |
| 2   | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm           | 87               | 13,0%    | 106              | 16,3%    |
| 3   | Hợp đồng không xác định thời hạn           | 580              | 86,8%    | 544              | 83,7%    |
| V   | Theo cấp quản lý                           |                  |          |                  |          |
| 1   | Quản lý cấp cao                            | 12               | 1,8%     | 12               | 1,8%     |
| 2   | Quản lý cấp trung                          | 27               | 4,0%     | 27               | 4,2%     |
| 3   | Quản lý cấp chi nhánh                      | 48               | 7,2%     | 50               | 7,7%     |
| 4   | Chuyên viên, nhân viên                     | 581              | 87,0%    | 561              | 86,3%    |
| VI  | Theo độ tuổi                               |                  |          |                  |          |
| 1   | Từ 18 đến 25 tuổi                          | 28               | 4,2%     | 23               | 3,5%     |
| 2   | Từ 26 đến 35 tuổi                          | 119              | 17,8%    | 109              | 16,8%    |
| 3   | Từ 36 đến 45 tuổi                          | 350              | 52,4%    | 328              | 50,5%    |
| 4   | Trên 45                                    | 171              | 25,6%    | 190              | 29,2%    |
|     | Tổng                                       | 668              |          | 650              |          |

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

## ĐẦU TƯ DỰ ÁN/HẠNG MỤC



### Thực hiện đầu tư 2024

**Kế hoạch đầu tư năm 2024** của toàn Tổng công ty VEAM được duyệt: 218,433 tỷ đồng. Trong đó:

- + Giá trị xây lắp: 59,717 tỷ đồng.
- + Giá trị thiết bị: 146,839 tỷ đồng.
- + Khác: 11,877 tỷ đồng.

Kế hoạch giải ngân năm 2024: 174,327 tỷ đồng.

**Thực hiện đầu tư năm 2024** đạt 81,902 tỷ đồng, tương ứng 37% so với kế hoạch năm 2024; 44% so với kế hoạch giải ngân và 52% so với năm 2023. Trong đó:

- + Công ty mẹ: 4,583 tỷ đồng (Văn phòng Công ty mẹ: 3,067 tỷ đồng; VM: 1,026 tỷ đồng; VF: 0,49 tỷ đồng).
- + Các Công ty con: 77,319 tỷ đồng.

## ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN TẠI CÔNG TY TNHH MTV DIESEL SÔNG CÔNG (DISOCO)

| Tiến độ                                        |                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hạng mục chuyển tiếp từ năm 2023 sang năm 2024 | Hoàn thành 08/09 hạng mục, 01 hạng mục đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025.                                                                                                                                         |
| Hạng mục đầu tư mới trong năm 2024             | Hoàn thành 08/13 hạng mục; 04 hạng mục chưa thực hiện xong đề nghị chuyển tiếp sang năm 2025; 01 hạng mục Xây mới phòng họp chưa triển khai thực hiện vì đang chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết. |
| Giá trị thực hiện trong năm 2024               | 14,636 tỷ đồng.                                                                                                                                                                                                   |
| Dự án “Đầu tư dây chuyền đập nóng phôi rèn”    | Dự án đang tạm dừng triển khai các bước giai đoạn chuẩn bị theo thông báo số 690/VEAM-VPHĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Văn phòng Hội đồng quản trị VEAM.                                                       |



## ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC

| Đầu tư thực hiện dự án                                      | Tiến độ                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo</b>                | Đang thực hiện đầu tư Hạng mục PCCC bổ sung thuộc Dự án “Di chuyển và xây mới Công ty Cơ khí THĐ”, giá trị thực hiện trong năm đạt 0,115 tỷ đồng.                                                                                                                       |
| <b>Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp</b>          | Trong năm 2024, Công ty không triển khai hạng mục đầu tư nào và chỉ tập trung triển khai xây dựng Phương án điều chỉnh Dự án “Di chuyển và xây mới Nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ”.                                                                                       |
| <b>Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam</b> | Hoàn thành nghiệm thu bàn giao 02/04 hạng mục trong tháng 12 năm 2024; 01 hạng mục chuyển tiếp sang năm 2025 (Trung tâm gia công ngang mới 100% và xe nâng dầu 3 tấn ISUZU), giá trị thực hiện trong năm 2024 đạt 3,152 tỷ đồng.                                        |
| <b>Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1</b>                    | Hoàn thành 05 hạng mục bao gồm 04 hạng mục chuyển tiếp và 01/15 hạng mục đầu tư mới; hạng mục đã ký hợp đồng đang thực hiện dở dang thực hiện dở dang: 10 hạng mục; hạng mục chưa thực hiện đầu tư là 04 hạng mục, giá trị thực hiện trong năm 2024 đạt 30,989 tỷ đồng. |
| <b>Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên</b>                       | Hoàn thành trong năm là 02/03 hạng mục, đang thực hiện dở dang 01 hạng mục, giá trị thực hiện đạt 1,782 tỷ đồng.                                                                                                                                                        |
| <b>Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM</b>                | Hoàn thành 01/01 hạng mục (hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cuối tháng 10 năm 2024), giá trị thực hiện trong năm 2024 đạt là 1,548 tỷ đồng.                                                                                                                          |
| <b>Viện Công nghệ</b>                                       | Hoàn thành 03/04 hạng mục, Giá trị thực hiện trong năm 2024 đạt 0,765 tỷ đồng.                                                                                                                                                                                          |

## ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

### ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn tại Văn phòng Công ty mẹ):

| Kỳ hạn (tháng) | 31/12/2023        |              | 31/12/2024        |              |
|----------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
|                | Số tiền (tỷ đồng) | Lãi suất/năm | Số tiền (tỷ đồng) | Lãi suất/năm |
| 12             | 11.684,90         | 4,9% - 9,25% | 11.860,00         | 4,2% - 5,45% |
| <b>Tổng</b>    | <b>11.684,90</b>  |              | <b>11.860,00</b>  |              |

**Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024**, lãi suất tiền gửi ngân hàng là 5,45% là do tác động khởi sắc của nền kinh tế, các ngân hàng đẩy mạnh việc giải ngân tín dụng. Cuối năm 2024, các ngân hàng bắt đầu tăng nhẹ lãi suất huy động vốn.

### ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

- Trong năm 2024, Đầu tư tài chính dài hạn không có biến động về giá trị đầu tư, chỉ phát sinh trích lập/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.
- Khoản đầu tư tại các công ty liên doanh có vốn nước ngoài đạt hiệu quả cao nhất, đầu tư tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có lãi khá cao, đầu tư tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực máy nông nghiệp chỉ còn 1 đơn vị bị thua lỗ do khó khăn chung của thị trường nông nghiệp.



# CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

## CÁC CÔNG TY CON

### CÔNG TY TNHH MTV DIESEL SÔNG CÔNG (DISOCO)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 769,2     | 800      | 800,0     | 104%           | 100%        |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 771,4     | 810      | 816,9     | 106%           | 101%        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 383,6     | 197,9    | 472,8     | 123%           | 239%        |

Sản phẩm hộp số và máy thổi khí tiếp tục gặp khó khăn khi chưa đạt 50% sản lượng kế hoạch. Công nghiệp hỗ trợ cũng chưa đạt như kỳ vọng do một số đối tác giảm đơn hàng như TOSHIBA, SACHEFFLER, PEGASUS, FUJIKIN TL, VIPIC1, MIKASA, DORMAN, CAB... Tuy nhiên, vẫn có những tín hiệu tích cực từ một số khách hàng lớn như HVN, JUKI, SUMITOMO NACO, SUMITOMO HEAVY... Trong đó, sản phẩm trục khuỷu HVN ước vượt ~10% so với kế hoạch năm, qua đó đã giúp bù đắp những sự sụt giảm của mảng hộp số cũng như công nghiệp hỗ trợ.

DISOCO vẫn tiếp tục duy trì hợp tác với các đơn vị có vốn góp VEAM bao gồm cả hoạt động mua và bán. Một số đơn vị có giá trị giao dịch lớn như SVEAM, CK THĐ, VCN đều có doanh thu tăng cao so với kế hoạch.

Giá trị xuất khẩu ước vượt 6% so với kế hoạch, chủ yếu là tăng xuất khẩu tại chỗ và xuất sang Nhật. Trong khi đó, thị trường Mỹ bất ngờ giảm khá sâu và chỉ đạt 0,15 triệu USD (~33% kế hoạch).



Giá trị SXCN, doanh thu BH và CCDV đạt 101% mục tiêu kế hoạch năm và tăng hơn năm trước 4-5%. Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế về bán hàng và cung cấp dịch vụ tuy chỉ đạt 71% năm 2023 nhưng vẫn vượt 39% kế hoạch năm do hiệu quả của hoạt động đầu tư tài chính.

Lợi nhuận trước thuế vượt 39% kế hoạch, tuy nhiên chủ yếu tăng do khoản lãi được chia từ FVL (395,8 tỷ đồng). Nếu không tính khoản lãi từ FVL nói riêng cũng như hoạt động đầu tư tài chính nói chung, hoạt động sản xuất chính của DISOCO ước lãi 31,7 tỷ đồng, vẫn đảm bảo đạt 100% kế hoạch đề ra.

### CÔNG TY TNHH MTV ĐỘNG CƠ VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP MIỀN NAM (SVEAM)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 264,3     | 260,0    | 264,5     | 100%           | 102%        |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 356,9     | 355,0    | 402,3     | 113%           | 113%        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 10,5      | 11,0     | 11,1      | 106%           | 101%        |

Doanh thu BH và CCDV đạt mức 113% so với thực hiện năm 2023. SVEAM đã thực hiện tăng cường tiết giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý, tiết kiệm vật tư, tìm kiếm nhà cung cấp đảm bảo giá cả và chất lượng vật tư tốt nên lợi nhuận trước thuế đạt 11,1 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, đạt 101% kế hoạch năm.

Mảng sản phẩm truyền thống của SVEAM ngày càng giảm do nhu cầu sử dụng của khách hàng giảm cũng như chịu sự cạnh tranh lớn về giá bán với các sản phẩm Trung Quốc. Ngoài ra, các sản phẩm nhập lậu (trốn thuế) và hàng giả vẫn tràn lan trên thị trường có giá bán rất thấp cũng ảnh hưởng rất lớn tới sản xuất và tiêu thụ hàng truyền thống của công ty.

Mảng gia công phụ trợ nhìn chung doanh thu các đơn hàng xuất khẩu tăng khá cao. SVEAM tiếp tục đẩy mạnh và tìm kiếm thêm các đơn hàng để bù đắp một phần chi phí cố định, đồng thời khai thác hết công suất máy móc thiết bị đã đầu tư, đóng góp vào chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận.

SVEAM tiếp tục tập trung phát triển thêm các sản phẩm mới để đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường như động cơ diesel RV365 (34HP), RV395 (37HP) và động cơ điện 1 pha, tối ưu hóa động cơ RV195-2.

Giá trị xuất khẩu năm 2024 đạt 8,1 triệu USD, tuy có tăng trưởng so với năm trước và mục tiêu kế hoạch năm nhưng vẫn thấp hơn các năm trước đây. Nguyên nhân do sự suy thoái kinh tế ở các thị trường truyền thống chưa có dấu hiệu phục hồi, chi phí vận chuyển tăng cao, giá thành sản phẩm cao hơn một số

sản phẩm tương đương của các nước khác (đặc biệt là Trung Quốc).

SVEAM vẫn duy trì hợp tác cùng VF, DISOCO, FUTU1 và MATEXIM với giá trị hầu hết đều tăng mạnh đồng thời vượt kế hoạch đề ra (ngoại trừ MATEXIM). Trong đó, VF là đối tác lớn nhất có giá trị doanh thu ~52,9 tỷ đồng, vượt 27% mục tiêu kế hoạch.



### CÔNG TY TNHH MTV MÁY KÉO VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP (TAMAC)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 21,3      | 23,3     | 21,3      | 100%           | 91%         |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 40,2      | 43,0     | 38,3      | 95%            | 89%         |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 0,3       | 0,1      | (16,1)    | -              | -           |

Giá trị SXCN và doanh thu BH&CCDV ở mức tương đương năm 2023 nhưng chỉ đạt lần lượt 91%, 89% kế hoạch năm. Trong cơ cấu doanh thu bán hàng, doanh thu hợp tác kinh doanh (cho thuê nhà xưởng) chiếm tỷ trọng 47%, đóng góp chủ yếu vào lợi nhuận của TAMAC.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm truyền thống trong nước ngày càng giảm mạnh, tuy nhiên nhu cầu máy kéo hai bánh tại một số địa phương có diện tích canh tác nhỏ (Vĩnh Phúc, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quy Nhơn, Tuy Hòa...) vẫn duy trì ở mức 300 - 400 máy. Trong các sản phẩm truyền thống, máy kéo BS12A1 (tiêu thụ chính) đã vượt 27% kế hoạch năm, sản phẩm hộp giảm tốc và hộp số thủy tiếp tục xu hướng sụt giảm (giảm mạnh tại khu vực Miền Nam do mô hình nuôi trồng thủy sản không còn hiệu quả), chỉ đạt 40% kế hoạch năm.

Việc HTSX gia công (hộp số, bánh răng, hàng kết cấu...) cho các đơn vị trong VEAM sụt giảm rất nhiều so với năm 2023, do đó kết quả HTSX nội bộ của TAMAC không được như kế hoạch đề ra. Ngoài trừ CK THĐ có sự tăng trưởng, giá trị hợp tác với các đơn vị còn lại đều giảm, trong đó DISOCO (đơn vị có giá trị hợp tác lớn nhất) chỉ đạt ~70% mục tiêu trong khi CKCX1, CKAG không có đơn hàng.

TAMAC đã nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thành công 9 loại

phụ tùng của máy gặt DC70 (bao gồm 5 loại bánh răng và 4 loại trục); chế tạo bộ chuyển hướng (gồm trục chuyển hướng và bánh răng chuyển hướng) của máy gặt DC70; hợp tác với các đại lý Miền Trung để gia công chế tạo, cung cấp phụ tùng các loại bánh xích, trục và bánh răng hộp số của máy kéo 4 bánh.

Mặc dù có lợi thế về doanh thu dịch vụ, tuy nhiên hoạt động SXKD cơ bản của TAMAC vẫn lỗ khoảng 1,9 tỷ đồng. Vì vậy, Công ty cần đặc biệt rà soát để tiết giảm các chi phí, đảm bảo hoạt động có hiệu quả trong năm 2025.

#### Nguyên nhân lợi nhuận sụt giảm

TAMAC lỗ 11,5 tỷ đồng, trong đó 9,6 tỷ đồng do trích lập dự phòng giảm giá HTK và dự phòng phải thu khó đòi.

Thị trường sản phẩm truyền thống vẫn đang ngày càng giảm mạnh (đặc biệt các khu vực miền núi tập quán sản xuất thay đổi, người dân chuyển đổi sang mô hình trồng cây ăn quả), các đơn hàng hợp tác giảm sút.

Thiết bị, máy móc của TAMAC không đủ năng lực đáp ứng các sản phẩm có độ chính xác cao, thiếu vốn để đầu tư dây chuyền mới.

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ TRẦN HƯNG ĐẠO (CK THĐ)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 37,2      | 42,0     | 47,0      | 126%           | 112%        |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 44,0      | 49,0     | 64,0      | 145%           | 131%        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | (16,3)    | (12,0)   | (6,9)     | -              | -           |

**CK THĐ tiếp tục duy trì sản lượng ổn định** cho hai khách hàng lớn SUMITOMO, JUKI và các đơn hàng trong VEAM, do vậy giá trị SXCN và doanh thu BH&CCDV tăng mạnh so với năm 2023, vượt lần lượt 12% và 31% kế hoạch năm.

**CK THĐ vẫn duy trì triển khai hợp tác** với một số đơn vị trong VEAM, trong đó: đặt DISOCO sản xuất phôi đúc gang đầu đế vỏ máy khâu LBH và nắp chịu tải; đặt SVEAM sản xuất phụ tùng linh kiện động cơ diesel TV; hợp tác hai chiều với TAMAC về bán hàng, trực... hộp số thủy và gia công đế vỏ đầu máy LBH; hợp tác CKCX1 gia công lan can lô gia cho Vinhomes Ocean Park 2; bắt đầu hợp tác với FUTU1 về gia công khớp nối.

**Sản phẩm truyền thống tiêu thụ vẫn còn khó khăn**, đặc biệt là hộp số thủy sức mua giảm do tình hình kinh tế chưa có dấu hiệu phục hồi, chưa đạt được như kỳ vọng. Động cơ diesel đang dần ổn định chất lượng và doanh số vượt 11% kế hoạch. Sản phẩm CNHT ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, tiếp tục tăng trưởng mạnh và đã đạt vượt 17% kế hoạch năm. Trong năm 2024, CK THĐ đã đẩy mạnh sản lượng với SUMITOMO, JUKI; hợp tác với CKCX1 gia công lan can logia cung cấp dự án Vinhomes Ocean Park 2; gia công Puly cho công ty Đức Thành Phương xuất sang Mỹ; gia công vỏ hộp số GB16 cho Công ty CK Hà Nội...

VIỆN CÔNG NGHỆ (VCN)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 72,0      | 67,0     | 67,0      | 93%            | 100%        |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 74,9      | 69,6     | 74,9      | 100%           | 108%        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 0,72      | 0,10     | -0,2      | -              | -           |

**VCN vẫn gặp khó khăn trong SXKD** do tiếp tục chịu sức ép giảm giá từ khách hàng đối với các sản phẩm, dịch vụ đang cung cấp. Giá trị SXCN giảm 7% so với năm 2023 và đạt 100% kế hoạch năm. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 100% so với năm 2023 và vượt 8% so với kế hoạch năm.

**Hoạt động của Công ty Cơ khí Mê Linh tiếp tục lổ** do chưa có đơn hàng lớn, thiếu vốn, Công ty chỉ chủ yếu thực hiện các đơn hàng nhỏ lẻ, sản lượng thấp.

**Nguyên nhân lợi nhuận giảm:**  
Hoạt động SXKD chung của Viện chủ yếu lổ tại Cơ khí Mê Linh (lổ 0,92 tỷ đồng). Trong đó, một số nguyên nhân chủ yếu do đơn hàng giảm; thiết bị, nhà xưởng hỏng, xuống cấp chưa được sửa chữa (thiếu nguồn kinh phí); chi phí sản xuất, chi phí cho hoạt động chế thử sản phẩm mới vẫn ở mức cao.

**Về các mảng hoạt động chính của Viện:**

- Chế tạo khuôn mẫu:** chất lượng, tiến độ thực hiện duy trì đảm bảo yêu cầu của khách hàng nên doanh thu các loại khuôn dập nóng, dập nguội, khuôn rèn ổn định so với năm 2023.
- Gia công nhiệt luyện:** đã mở rộng thêm một số khách hàng mới, tuy nhiên chỉ là các đơn hàng nhỏ lẻ hoặc đang trong giai đoạn đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp của khách hàng.
- Kiểm định vật liệu:** mở rộng thêm một số dịch vụ như đánh giá lớp thấm, soi chụp tổ chức tế vi nhằm góp phần tăng thêm cho doanh thu.
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác mặt bằng nhà xưởng:** đã cho thuê gần hết diện tích của tòa nhà 25 Vũ Ngọc Phan; việc cho thuê tại KCN Quang Minh vẫn chưa tiến hành được do khó khăn về quyền sử dụng đất cũng như giải phóng mặt bằng (các thiết bị máy móc cơ khí cũ hỏng, không khai thác được đang trên mặt bằng xưởng).

CÔNG TY CP PHỤ TÙNG MÁY SỐ 1 (FUTU1)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 864,4     | 870,0    | 889,0     | 103%           | 102%        |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 909,0     | 910,0    | 920,9     | 101%           | 101%        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 75,1      | 65,0     | 87,9      | 117%           | 135%        |

**Giá trị SXCN và doanh thu đều tăng nhẹ, lợi nhuận trước thuế tăng 17% so với năm 2023.** Nhìn chung, các chỉ tiêu chính của FUTU1 vẫn đạt xấp xỉ kế hoạch đã đề ra.

**Phụ tùng linh kiện xe máy vẫn là sản phẩm chính**, chiếm tỷ trọng 85% doanh thu bán hàng của FUTU1. Tuy nhiên, Công ty tiếp tục gặp khá nhiều khó khăn do sự cạnh tranh gay gắt lĩnh vực phụ tùng xe máy, bên cạnh đó xu hướng chuyển sang sử dụng xe tay ga (FUTU1 cung cấp linh kiện xe số nhiều hơn) đã khiến sản lượng đặt hàng của HVN bị ảnh hưởng.

**FUTU1 tiếp tục định hướng đến các sản phẩm mới có độ chính xác cao** (xuất khẩu phục vụ cho khách hàng như HVN, YAMAHA, PIAGIO, ATSUMITEC, MAP...) và phát triển đa dạng các sản phẩm mới cho

VINFAST, SCHAEFFLER, KDH, ASAHI, KRICO, EKD, THACO, TOYOTA... nhằm giảm dần sự phụ thuộc vào nhóm sản phẩm phụ tùng xe máy.

**Kim ngạch xuất khẩu** ước đạt 4,3 triệu USD, vượt 19% so kế hoạch năm và tăng 17% so với năm 2023 (tăng do phát triển thêm nhóm hàng khớp nối xuất khẩu sang EKD, tay biên Musashi xuất khẩu Brasil).

**FUTU1 vẫn duy trì hoạt động HTSX với một số đơn vị trong VEAM.** Trong đó giá trị hợp tác với FOMECO, CK Cổ Loa và CK Mê Linh đều tăng so với năm 2023 tuy nhiên giá trị chưa cao. Hoạt động hợp tác với DISOCO có giá trị lớn trong năm 2023 nhưng chưa thực hiện được nhiều trong năm 2024.



**Nguyên nhân lợi nhuận giảm:**

- Sản lượng phụ tùng xe máy cho HVN giảm do một số nguyên nhân: thị phần xe số của HVN có xu hướng giảm so với xe ga (trong khi FUTU1 sản xuất nhiều phụ tùng xe số hơn xe ga).
- Các khách hàng SHI, SVC giảm sản lượng do thị trường xuất khẩu sang Mỹ và Châu Âu gặp khó khăn.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ PHỔ YÊN (FOMECO)

**Hoạt động SXKD của FOMECO gặp nhiều khó khăn** trong năm 2024 do:

- (i) các doanh nghiệp Trung Quốc đẩy mạnh đầu tư sản xuất sang Việt Nam cạnh tranh với những sản phẩm Công ty đang cung cấp cho các doanh nghiệp FDI;
- (ii) các khách hàng FDI yêu cầu giảm giá hàng năm từ 10-15%
- (iii) nhu cầu tiêu thụ xe máy sụt giảm, các đơn hàng FDI giảm 20%. Tuy nhiên, giá trị SXCN và doanh thu vẫn lần lượt tăng 4-8% kế hoạch năm.

**Kim ngạch xuất khẩu** ước đạt 488,4 tỷ đồng (19,9 triệu USD), tăng 6% so với năm 2023 và vượt 11% so với kế hoạch năm. Các thị trường xuất khẩu chính của FOMECO vẫn là Nhật Bản (7,4 triệu USD), Taiwan (1,2 triệu USD), China (1,0 triệu USD) và xuất khẩu vào khu chế xuất (10,1 triệu USD) với các sản phẩm cơ khí xây dựng, phụ tùng xe máy, vòng bi, phụ tùng ô tô.

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 739,9     | 709,9    | 736,6     | 100%           | 104%        |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 1.049,7   | 1.036,2  | 1.117,7   | 106%           | 108%        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 92,4      | 75,3     | 95,2      | 103%           | 126%        |



**FOMECO vẫn nhập vật tư từ Công ty mẹ** tuy nhiên chỉ đạt 53% so với kế hoạch và giảm 59% so với năm 2023. Công ty tiếp tục duy trì hợp tác với DISOCO, SVEAM, FUTU1 và CKCL, trong đó giá trị hợp tác với CKCL đạt hơn 11 tỷ đồng.

Bên cạnh việc duy trì và phát triển chủng loại, sản lượng các sản phẩm truyền thống (vòng bi, phụ tùng ô tô...), **FOMECO tiếp tục tập trung khai thác các khách hàng mới và nghiên cứu phát triển thêm các sản phẩm mới** như vòng bi bán thành phẩm, phụ tùng ô tô, máy xúc, máy công trình, chi tiết cơ khí xây dựng...

**FOMECO tiếp tục là điểm sáng**, duy trì được hiệu quả SXKD với lợi nhuận trước thuế tăng 3% so với năm trước và vượt 26% mục tiêu kế hoạch năm 2024.

CÔNG TY CP CƠ KHÍ CHÍNH XÁC SỐ 1 (CKCX1)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 44,4      | 68,0     | 54,6      | 123%           | 80%         |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 35,5      | 70,0     | 66,6      | 188%           | 95%         |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 0,5       | 3,0      | 3,5       | 700%           | 117%        |

**CKCX1 chưa xác định được mặt hàng sản xuất chủ lực** nên không xây dựng được kế hoạch SXKD dài hạn, các đơn hàng phụ thuộc vào khách hàng nên không ổn định và tỷ lệ lợi nhuận thấp. Giá trị SXCN và doanh thu tuy tăng cao nhưng vẫn chỉ đạt 80-89% kế hoạch năm.

**CKCX1 vẫn đang hợp tác với các đơn vị như THD, VM tuy nhiên giá trị chưa cao.** Trong thời gian tới CKCX1, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa với Tiểu ban HTSX để tìm kiếm thêm cơ hội hợp tác với các đơn vị như VM, DISOCO, FUTU1, FOMECO,...

**Sản phẩm truyền thống của CKCX1 là thùng xe và cơ khí xây dựng cho hai khách hàng chính là TMT và Vingroup.** Trong năm 2024, Công ty tập trung chủ yếu khai thác các sản phẩm sắt thép phục vụ xây dựng cho các dự án của Vingroup và các công ty con của Vingroup; cọc thép cho Kingpot và các đơn hàng sản xuất thùng xe do TMT, VM. Doanh thu từ hoạt động chế tạo lan can cho Vingroup đạt 32 tỷ đồng, chiếm 53% doanh thu năm 2024; mảng cơ khí xây dựng sụt giảm mạnh chỉ đạt 24,1 tỷ đồng; mảng thùng xe ben, xe tải đạt 4,5 tỷ đồng.

**Việc phụ thuộc quá nhiều vào hai đối tác chính là TMT và Vingroup khiến Công ty không tìm kiếm được nguồn thu đủ bù đắp khi những hai khách hàng chính này giảm lượng đặt hàng. Để khắc phục tình trạng trên, CKCX1 đang tích cực mở rộng tìm kiếm khách hàng cả trong và ngoài VEAM.**

CÔNG TY CP CƠ KHÍ CỎ LOA (CKCL)

**CKCL chưa có mặt hàng sản xuất chủ lực** nên chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn, các đơn hàng không ổn định, lợi nhuận thấp. Trong tình hình đặc biệt khó khăn của năm 2024, nhất là với các doanh nghiệp nhỏ, các hoạt động của CKCL tuy sụt giảm so với năm 2023 nhưng vẫn hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Thị trường xuất khẩu gặp khó khăn do ảnh hưởng suy thoái, các cuộc xung đột thế giới khiến nhu cầu tiêu dùng, xây dựng giảm, cước vận chuyển tăng khiến giá thành tăng, khách hàng giảm đặt hàng nên giá trị xuất khẩu năm 2024 của CKCL đạt 12 tỷ đồng, chỉ bằng 60% kế hoạch năm 2024, giảm gần 40% so với năm 2023. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của CKCL là palet, khung lưới, thùng rác, hàng rào... được xuất sang các nước Nhật và Canada.

Nhờ tích cực đẩy mạnh HTSX với các đơn vị thành viên trong VEAM, đặc biệt là với DISOCO, FUTU1 và FOMECO đã đem lại doanh thu hơn 14,5 tỷ đồng cho CKCL trong năm qua.

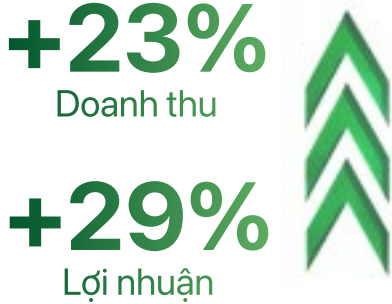
**Khó khăn lớn nhất của CKCL là thiết bị cũ, hiệu quả sản xuất thấp và công ty vẫn chưa có mặt hàng ổn định. Trong thời gian tới CKCL cần tích cực tìm kiếm các sản phẩm mới và đầu tư thiết bị phù hợp để duy trì và phát triển SXKD.**

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 40,3      | 35,0     | 36,0      | 89%            | 103%        |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 40,3      | 35,0     | 42,5      | 105%           | 121%        |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | 2,1       | 0,9      | 2,7       | 129%           | 300%        |

CÔNG TY CP VẬT TƯ VÀ THIẾT BỊ TOÀN BỘ (MATEXIM)

**Doanh thu tăng 23% so với năm trước và vượt 17% mục tiêu kế hoạch năm.** Trong năm 2024, MATEXIM được sự hỗ trợ từ VEAM và các đơn vị thành viên trong lĩnh vực kinh doanh thương mại nội bộ với tổng doanh thu hơn 10 tỷ đồng. Lợi nhuận đã tăng 29% so với năm 2023 và vượt 19% kế hoạch. Tuy nhiên kết quả trên chưa phản ánh chính xác hiệu quả hoạt động của MATEXIM vì chưa phân bổ các chi phí khấu hao, chi phí lãi vay... vào kết quả hoạt động SXKD.



**Các mặt hoạt động chính của MATEXIM đều gặp nhiều khó khăn**, chỉ duy trì được trạng thái cầm chừng. Cụ thể như sau:

**Hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải vẫn đang tạm dừng** do không tìm được nguồn hàng. Gần 1/2 tổng số xe vận tải đang cho thuê để bù đắp một phần nhỏ khấu hao tài sản, số xe còn lại đang được lưu giữ, bảo quản tại kho.

**02/03 Head của MATEXIM phải thuê mặt bằng với chi phí thuê rất cao.** Từ tháng 9/2024, HVN tăng lượng hàng cho các Head trong khi sản lượng bán hàng thấp (do ảnh hưởng suy thoái, nhu cầu bão hòa) nên các Head phải bán buôn với mức lợi nhuận thấp, thậm chí hòa vốn để bảo toàn nguồn vốn hiện tại.

**Hoạt động khai thác mỏ vẫn duy trì nhưng hiệu quả chưa cao** do thiết bị khai thác đã cũ kỹ và lạc hậu, trữ lượng quặng không sát với thực tế khi thăm dò. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng bão Yagi và mưa lớn kéo dài nên hoạt động sản xuất phát sinh thêm các chi phí, trực tiếp làm giảm hiệu quả lợi nhuận.

**Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi sụt giảm** do suy thoái kinh tế và sự thắt chặt quản lý của nhà nước về lĩnh vực hoạt động này. Một số chi nhánh bị ảnh hưởng của bão Yagi, có kho bãi cho thuê phải tạm dừng hoạt động để khắc phục hậu quả làm gia tăng các chi phí.

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Doanh thu BH và CCDV | 249,2     | 261,2    | 305,8     | 123%           | 117%        |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | 2,4       | 2,6      | 3,1       | 129%           | 119%        |

MATEXIM tiếp tục gặp nhiều khó khăn về tài chính và bị CIC đưa vào nợ xấu nhóm V. Công ty thiếu vốn nên không thể thực hiện được các hoạt động kinh doanh thương mại như nhiều năm trước. Trong năm 2024, qua những chính sách hỗ trợ doanh

nh nghiệp của Chính phủ đã giúp Công ty phần nào bớt khó khăn, ngân hàng VDB đã xóa nợ lãi tính trên lãi phải trả cho MATEXIM khoảng hơn 11 tỷ đồng.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI VEAM (VETRANCO)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Doanh thu BH và CCDV | 160,3     | 120,0    | 153,3     | 96%            | 128%        |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | 6,9       | 5,0      | 4,6       | 67%            | 92%         |

Hoạt động của VETRANCO bao gồm hai mảng là dịch vụ vận tải và kinh doanh thương mại, trong đó

**Màng kinh doanh thương mại có xu hướng thu hẹp dần** do Công ty chủ trương an toàn vốn. VETRANCO tiếp tục duy trì cung cấp đa dạng các mặt hàng bảo hộ lao động cho các đơn vị thành viên và các đơn vị khác, tuy nhiên mặt hàng này giá trị thấp nên doanh thu không nhiều.

**Hoạt động kinh doanh vận tải đóng góp chính vào nguồn thu** của VETRANCO. Sản lượng tiêu thụ của hai đối tác chính là TMV và HVN sụt giảm, ảnh hưởng đến sản lượng vận chuyển của VETRANCO. Để tăng sản lượng, VETRANCO đã điều chỉnh giảm giá các tuyến đường vận chuyển. Trong năm, Công ty trúng thầu lại một số vùng đang vận chuyển và tham gia 01 vùng mới ở khu vực Miền Trung. Mặc dù, gặp nhiều khó khăn nhất định, doanh thu vận chuyển ô tô, xe máy chỉ bằng 96% năm trước nhưng vẫn vượt 28% kế hoạch năm.

- VETRANCO đã và đang nghiên cứu phát triển, mở rộng tìm kiếm thêm khách hàng hợp tác trong kinh doanh thương mại để tăng thêm doanh thu và lợi nhuận.
- VETRANCO chưa kiểm soát tốt các chi phí, do vậy mặc dù doanh thu vượt 28% nhưng lợi nhuận chỉ đạt 92% so với mục tiêu kế hoạch ĐHCĐ đề ra.



CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CP CƠ KHÍ AN GIANG (CKAG)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính          | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-----------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                             | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                         | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN             | 223,7     | 117,0    | 102,3     | 46%            | 87%         |
| 2. Doanh thu BH và CCDV (*) | 256,7     | 204,0    | 183,0     | 71%            | 90%         |
| 3. Lợi nhuận trước thuế     | 42,5      | 22,5     | 17,0      | 40%            | 76%         |

(\*) Bao gồm doanh thu nội bộ

**Các chỉ tiêu chính của CKAG đều sụt giảm so với năm 2023 và không đạt mục tiêu kế hoạch năm.** Tiền thuế tăng đột biến gấp 3 lần so với số đã nộp năm 2023 cùng khoản chi trả bổ sung từ năm 2023 trở về trước (tăng khoảng 1,8 lần so với số đã nộp 2023) đã ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận CKAG. Doanh thu của CKAG gồm hai mảng chính

**Màng sản xuất công nghiệp** (cầu sắt, tháp sậy, máy nông nghiệp...) gặp khó khăn từ năm 2023 đến nay do chưa ký được hợp đồng sản xuất và thi công giá trị lớn, ước đạt 102,3 tỷ đồng, sụt giảm gần 13% so với kế hoạch và cũng giảm 53% so với thực hiện năm 2023.

**Kinh doanh thương mại, dịch vụ** (kinh doanh sắt thép, xe tải, nhiên liệu, dịch vụ thi công cầu...) tuy tăng trưởng so với năm trước 14% tuy nhiên vẫn chưa đạt như kỳ vọng.

**Hoạt động đầu tư tài chính** tại liên doanh ANTRACO vẫn đem lại hiệu quả cao, đóng góp lớn vào lợi nhuận của CKAG.

Tuy tình hình nền kinh tế khó khăn nhưng CKAG đã rất nỗ lực tăng cường tạo mối quan hệ, quảng bá sản phẩm để mở rộng thị phần, tìm kiếm các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào có giá cả phù hợp, tiết giảm chi phí nhằm mang lại việc làm và tăng doanh thu cho Công ty.



CÔNG TY CP NAKYCO

**Cũng như CK Vinh, NAKYCO chưa xác định được phương hướng hoạt động và phải tạm dừng hoạt động trong khoảng vài năm gần đây.**

Doanh thu chỉ đạt 76% so với cùng kỳ năm 2023 nhưng vẫn tăng gấp gần 35 lần so với kế hoạch năm do NAKYCO ghi nhận doanh thu chuyển nhượng 20 căn nhà liền kề thuộc Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở Vạn Gia Phúc (trong đó: doanh thu cho thuê nhà xưởng đóng góp 1,3 tỷ đồng, 3,4 tỷ đồng do Công ty CP NAKYCO xuất hóa đơn bù trừ công nợ đối với tiền lãi trả chậm). Hiện nay, VEAM đang không tán thành việc ghi nhận doanh thu từ việc chuyển nhượng 20 căn nhà liền kề này.

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 14,6 tỷ đồng tăng 34% so với năm 2023. Nếu không tính tới doanh thu từ việc chuyển nhượng 20 căn nhà liền kề thì nguồn thu cho thuê nhà xưởng không đủ bù đắp chi phí quản lý thường xuyên, chi phí khấu hao khiến công ty liên tục lỗ cũng như gặp phải những vấn đề về nợ lương, bảo hiểm cho người lao động.

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Doanh thu BH và CCDV | 68,8      | 1,5      | 52,1      | 76%            | 3473%T      |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | 10,9      | (5,8)    | 14,6      | 134%           |             |

CÔNG TY CP CƠ KHÍ VINH (CKV)

- CKV chưa xác định được phương hướng hoạt động và phải tạm dừng hoạt động trong vài năm gần đây. Chi phí phát sinh phần lớn là khấu hao cố định và lãi phạt chậm nộp thuế, lãi vay VEAM. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 ước lỗ khoảng 6,4 tỷ đồng.
  - Công ty đã bị phong tỏa tài khoản ngân hàng và buộc ngừng sử dụng hóa đơn, nguồn doanh thu phát sinh chủ yếu do thanh lý vật tư tồn kho và thu hồi công nợ.
- Việc tạm dừng sản xuất khiến CKV không có nguồn thu đủ để bù đắp các chi phí, đặc biệt là chi phí khấu hao nhà xưởng và lãi phát sinh do chậm nộp thuế.
  - Dự án di dời đến thời điểm hiện tại đang chờ HĐQT phê duyệt. Tuy nhiên, hiện chưa có kinh phí thuê thẩm định quyết toán làm căn cứ để HĐQT phê duyệt. Hợp đồng liên doanh chưa thanh lý nên còn một nguồn tiền mà bên Golden City nợ (5,4 tỷ đồng) chưa thanh toán, ảnh hưởng đến giải quyết chế độ cho người lao động.

CÔNG TY CP MATEXIM HẢI PHÒNG

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Doanh thu BH và CCDV | 7,3       | 3,0      | 2,8       | 38%            | 93%         |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | 5,2       | 0,02     | (0,1)     | -              | -           |

- Kết quả kinh doanh

  - Công ty gần như chưa thực hiện được nhiều hoạt động kinh doanh sắt thép là thế mạnh của Công ty cũng như vẫn chưa có giải pháp khắc phục khó khăn về tài chính nên thiếu vốn để thực hiện các hoạt động kinh doanh.
  - Lợi nhuận trước thuế lỗ 0,1 tỷ đồng. Trong đó, nguồn thu chủ yếu nhờ một số khoản thu nhập phát sinh từ dịch vụ cho thuê kho bãi và khoản lợi nhuận được chia cổ tức theo thỏa thuận (được sử dụng để tiếp tục tái đầu tư, tăng vốn góp của các bên).
- Nguyên nhân

  - Công ty phát sinh chi phí cho sửa chữa văn phòng, kho bãi do ảnh hưởng bão Yagi nên hoạt động kinh doanh thực tế gần như không có hiệu quả.
  - Matexim Hải Phòng đang ở nhóm nợ xấu, luôn khan hiếm vốn lưu động nên Công ty không thể thực hiện được các phương án kinh doanh.
  - Việc bị động trong các phương án kinh doanh khiến hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả thấp.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VEAM TÂY HỒ (VTH)

Đơn vị: tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | TH 2024 so với |             |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|----------------|-------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | TH 2023        | KH 2024     |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5)=(4)/(2)    | (6)=(4)/(3) |
| 1. Doanh thu BH và CCDV | 10,9      | 8,5      | 12,1      | 111%           | 142%        |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | 2,9       | 1,9      | 2,5       | 86%            | 132%        |

Với những dự báo khó khăn ngay từ đầu năm, tuy nhiên hoạt động của VTH có sự bứt phá cuối năm, tăng 11% so với năm 2023 và vượt 42% so với kế hoạch đã đề ra.

VTH vẫn duy trì cho thuê 100% tổng diện tích văn phòng, do vậy hoạt động kinh doanh cuối năm đã có tăng trưởng doanh thu so với đầu năm.

Các hạng mục đang xuống cấp cần phải sửa chữa, nâng cấp và thay mới vì vậy cũng làm tăng các chi phí, ảnh hưởng lợi nhuận của Công ty.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

| Chỉ tiêu                                      | 31/12/2023         | 31/12/2024         | % tăng, giảm |
|-----------------------------------------------|--------------------|--------------------|--------------|
| Tổng giá trị tài sản                          | 20.350.659.428.657 | 19.755.041.946.237 | -3%          |
| Doanh thu thuần                               | 318.486.100.510    | 316.859.399.172    | -1%          |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | (112.647.053.508)  | 26.319.124.573     | 123%         |
| Lợi nhuận khác                                | (18.892.590.094)   | 2.522.610.183      | 113%         |
| Lợi nhuận trước thuế                          | 6.957.791.952.490  | 6.391.653.483.461  | -8%          |
| Lợi nhuận sau thuế                            | 6.760.833.309.328  | 6.253.402.216.678  | -8%          |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)                | 100%               | 100%               |              |

(\*): Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi được chia cổ tức 100%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu                                                                        | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
| <b>1- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                                       |          |          |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn:                                                    |          |          |
| Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn                                                    | 55,29    | 75,57    |
| + Hệ số thanh toán nhanh:                                                       |          |          |
| (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn                                   | 52,98    | 72,46    |
| <b>2- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                                |          |          |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản                                                         | 0,01     | 0,01     |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu                                                       | 0,02     | 0,01     |
| <b>3- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                        |          |          |
| + Vòng quay hàng tồn kho:                                                       |          |          |
| * Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân                                       | 0,64     | 0,43     |
| * Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân                                        | 0,02     | 0,02     |
| <b>4- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                                         |          |          |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                                      | 21,23    | 19,74    |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                             | 0,35     | 0,32     |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                               | 0,33     | 0,31     |
| + Hệ số Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ/Doanh thu thuần | -0,35    | 0,08     |

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

## THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU CỔ PHẦN

|                                                                              |                             |                                |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------|
| Tên cổ phiếu                                                                 | Mã cổ phiếu                 | Loại cổ phiếu                  |
| <b>Cổ phiếu Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP</b> | <b>VEA</b>                  | <b>Cổ phiếu phổ thông</b>      |
| Sàn giao dịch                                                                | Mệnh giá giao dịch          | Số lượng cổ phiếu              |
| <b>UPCOM</b>                                                                 | <b>10.000 đồng/cổ phiếu</b> | <b>1.328.800.000 cổ phần</b>   |
| Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng                                         | Số lượng cổ phiếu quỹ       | Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký  |
| <b>282.400 cổ phần</b>                                                       | <b>Không có</b>             | <b>13.288.000.000.000 đồng</b> |

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| Cơ cấu cổ đông         | Số lượng cổ phần     | Tỷ lệ sở hữu |
|------------------------|----------------------|--------------|
| <b>1. Cổ đông lớn</b>  |                      |              |
| Nhà nước               | 1.175.582.966        | 88,47%       |
| Tổ chức                | 108.321.531          | 8,15%        |
| <b>2. Cổ đông khác</b> | 44.895.503           | 3,38%        |
| <b>Tổng</b>            | <b>1.328.800.000</b> |              |

(tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 20 tháng 11 năm 2024)



## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

## Các chứng khoán khác

Không có

# BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong cơ cấu lao động, chính sách, quản lý

Phương hướng phát triển

Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến của kiểm toán độc lập

04



# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

## THUẬN LỢI

Trong bối cảnh tình hình thế giới biến động khó lường, nhiều yếu tố bất định; cạnh tranh chiến lược gay gắt, xung đột quân sự, bất ổn chính trị gia tăng; tăng trưởng toàn cầu phục hồi chậm; các thách thức an ninh phi truyền thống tác động trực tiếp, đa chiều đến phát triển của nhiều quốc gia, khu vực. Ở trong nước, chính trị, xã hội vẫn ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, nước ta tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn bởi tác động bên ngoài cũng như những hạn chế, bất cập nội tại kéo dài, thiên tai, bão, lụt tiếp tục gây thiệt hại tại nhiều địa phương. Trước tình hình đó, với sự vào cuộc của cả

hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, nền kinh tế nước ta đạt mức tăng trưởng 7,09%, vượt mục tiêu từ 6 đến 6,5% đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của Chính phủ. Đây là mức tăng trưởng rất tích cực, thể hiện sự quyết tâm và nỗ lực của toàn hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ và thích ứng nhanh, kịp thời với những biến động của kinh tế thế giới, khắc phục hậu quả nặng nề do thiên tai.

Một vài chỉ số kinh tế vĩ mô trong nước tính đến hết tháng 11 năm 2024 (theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 quý IV/2024 và tháng năm 2024 của Tổng cục thống kê) như sau:



### Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp

Cả nước có 157.240 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, giảm 1,4% so với năm trước.

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 76.179 doanh nghiệp, tăng 30,4% so với năm trước.

Số doanh nghiệp giải thể là 21.608 doanh nghiệp, tăng 20,0% so với năm trước. Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 100.098 doanh nghiệp, tăng 12,4%.



### Tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản

Lâm nghiệp gồm diện tích rừng trồng mới tập trung là 301,3 nghìn ha, tăng 1,7%; sản lượng gỗ khai thác là 23,3 triệu m<sup>3</sup>, tăng 7,9% so với năm trước.

Sản lượng thủy sản đạt 9.547,0 nghìn tấn, tăng 2,5% so với năm trước.



### Các chỉ số kinh tế vĩ mô 2024

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước là 1.019,3 nghìn tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư nước ngoài (FDI) thực hiện tại Việt Nam đạt 25,35 tỷ USD tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,4%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,63%; bình quân năm 2024 lạm phát cơ bản tăng 2,71%.



### Tình hình xuất nhập khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước.

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7% so với năm trước.

Năm 2024, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 119,6 tỷ USD; Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 144,3 tỷ USD



## KHÓ KHĂN

Xung đột Nga - Ukraine đã bước sang năm thứ ba và chưa có dấu hiệu kết thúc cùng với xung đột tại dải Gaza leo thang, các cuộc tấn công hoạt động vận tải tại Biển Đỏ khiến nền kinh tế thế giới nói chung tiếp tục gặp nhiều khó khăn, khó dự báo về khả năng và thời điểm phục hồi.

Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng; nguy cơ về an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng gia tăng... Đặc biệt trong tháng 9 vừa qua, cơn bão số 3 (Yagi) đã gây thiệt hại nghiêm trọng, nặng nề về người, tài sản cây trồng, vật nuôi, các hạ tầng kinh tế - xã hội. Nhiều công ty có vốn góp của VEAM cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp do cơn bão dẫn đến hư hại nhà xưởng, thiết bị, giảm đơn hàng...

## MỘT SỐ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CỦA VEAM

**1** Công ty mẹ tiếp tục duy trì các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư có hiệu quả bền vững; Từng bước cải thiện các chỉ tiêu tồn kho, phải thu, nâng cao hiệu quả các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

**2** Tiếp tục thực hiện sắp xếp, điều chỉnh mô hình, tái cơ cấu vốn tại các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết theo hướng tối ưu hóa sử dụng vốn và hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các quy chế, quy định quản trị nội bộ VEAM.

**3** Tiếp tục tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại và vướng mắc của VEAM trong thời gian trước đây bao gồm: Hàng tồn kho tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM, các vấn đề liên quan đến kinh doanh xe ô tô Changan, máy kéo ISEKI, thu hồi công nợ, đầu tư...

**4** Tiếp tục tăng cường công tác quản trị, quản lý của Công ty mẹ đối với hoạt động SXKD của các Công ty con nhằm:

- Đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư của Công ty mẹ và các công ty con có hiệu quả bền vững.
- Kết nối các đơn vị thành viên của VEAM trong việc hợp tác sản xuất trên cơ sở năng lực thiết bị, lợi thế cạnh tranh của từng đơn vị nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của VEAM.
- Tận dụng uy tín, năng lực của VEAM trong giao dịch với các đối tác lớn trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ của các đơn vị thành viên tìm kiếm các hợp đồng sản xuất cung ứng phụ tùng, cụm linh kiện cho công nghiệp.

**5** Tiếp tục kiện toàn nhân sự Ban điều hành và trưởng các Ban chuyên môn của VEAM.

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH THEO BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mặc dù các hoạt động SXKD của VEAM vẫn gặp nhiều khó khăn song kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như doanh thu bán hàng và lợi nhuận sau thuế đều tăng so với năm 2023, vượt kế hoạch đề ra. Một số kết quả cụ thể như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**4.115 TỶ ĐỒNG**  
+8% so với năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế

**7.431 TỶ ĐỒNG**  
+19% so với năm 2023.

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

| Kết quả đạt được                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tồn tại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Nguyên nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Về sản xuất kinh doanh</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Lợi nhuận trước thuế tính chung của Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên kết (không bao gồm các Công ty liên doanh) vượt 16% kế hoạch năm.</li><li>Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng.</li><li>Sản lượng sản xuất và tiêu thụ ô tô tăng nhẹ.</li><li>Hợp tác nội bộ duy trì tốt và có nhiều giao dịch lớn.</li></ul> | <b>Về sản xuất kinh doanh</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chính là giá trị SXCN và Doanh thu bán hàng không đạt kế hoạch đề ra, đặc biệt là Công ty mẹ.</li><li>Công tác kinh doanh thương mại, tiêu thụ hàng tồn kho triển khai chậm, chưa mang lại kết quả khả quan.</li></ul> <b>Về các hoạt động khác</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Công tác đầu tư ở Công ty mẹ và các công ty con triển khai chậm, không hoàn thành kế hoạch. Một số dự án đầu tư đang xin dừng triển khai do không còn đảm bảo hiệu quả đầu tư.</li><li>Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới còn chậm, chưa có kết quả cụ thể.</li><li>Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy chế, điều lệ về quản lý tài chính còn nhiều thiếu sót dẫn đến các cán bộ quản lý mắc sai phạm và bị khởi tố.</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>Hoạt động sản xuất kinh doanh chịu nhiều tác động bởi các yếu tố bất lợi khách quan.</li><li>Các vấn đề như giải quyết công nợ, tiêu thụ hàng tồn kho tồn tại thời gian dài, gặp nhiều rào cản pháp lý, cần xử lý thận trọng, xin ý kiến của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.</li><li>Các quy chế quản lý nội bộ của VEAM nói riêng và Luật nói chung còn chưa hoàn thiện, chưa được rà soát cập nhật kịp thời để giúp các doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn.</li><li>Hạn chế về năng lực của các cán bộ trực tiếp triển khai thực hiện nhiệm vụ.</li></ul> |

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản cuối năm có biến động giảm nhẹ so với đầu năm chủ yếu do nguyên nhân sau:

- Khoản phải thu ngắn hạn giảm từ 3.935 tỷ đồng xuống 3.251 tỷ đồng (do khoản phải thu về cổ tức giảm mạnh, đặc biệt từ các đơn vị liên doanh).
- Tài sản dài hạn giảm do khấu hao tài sản cố định và dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn.

Đơn vị tính: tỷ đồng

| Khoản mục                      | Giá trị 31/12/2023 | Giá trị 31/12/2024 |
|--------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>A. TÀI SẢN</b>              | <b>20.351</b>      | <b>19.755</b>      |
| <b>1. Tài sản ngắn hạn</b>     | <b>16.686</b>      | <b>16.139</b>      |
| - Tiền & tương đương           | 85                 | 146                |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn    | 11.887             | 11.997             |
| - Phải thu ngắn hạn            | 3.935              | 3.251              |
| - Hàng tồn kho                 | 699                | 664                |
| - Khác                         | 81                 | 81                 |
| <b>2. Tài sản dài hạn</b>      | <b>3.665</b>       | <b>3.616</b>       |
| - Phải thu dài hạn             | 0                  | 0                  |
| - TSCĐ                         | 430                | 389                |
| - BDS đầu tư                   | 0                  | 0                  |
| - TS dở dang                   | 60                 | 56                 |
| - Đầu tư TC dài hạn            | 3.139              | 3.143              |
| + Công ty con                  | 2.656              | 2.656              |
| + Công ty liên doanh, liên kết | 707                | 707                |
| + Khác                         | 11                 | 11                 |
| + Dự phòng                     | (235)              | (231)              |
| - Khác                         | 36                 | 29                 |
| <b>B. NGUỒN VỐN</b>            | <b>20.351</b>      | <b>19.755</b>      |
| <b>1. Nợ phải trả</b>          | <b>302</b>         | <b>214</b>         |
| - Nợ ngắn hạn                  | 302                | 214                |
| - Nợ dài hạn                   | 0                  | 0                  |
| <b>2. Vốn chủ sở hữu</b>       | <b>20.049</b>      | <b>19.541</b>      |

# TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

- Nợ phải trả cuối năm giảm mạnh so với đầu năm, chủ yếu do trong năm 2024, VEAM bám sát việc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**, chủ yếu là quỹ khen thưởng, phúc lợi chưa sử dụng và các khoản nợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh (phải trả người bán, thuế TNDN, phải trả người lao động,...).

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



- Quản lý, quản trị VEAM theo hướng minh bạch, hiệu quả, tăng cường trách nhiệm, phát huy năng lực các cấp điều hành;
- Hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định trong quản lý, điều hành của VEAM phù hợp với các thay đổi của pháp luật hiện hành, chính sách của nhà nước, phù hợp với mô hình công ty nhà nước theo Luật Doanh nghiệp, đảm bảo đồng bộ, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả;
- Ban hành các chính sách sử dụng, phát huy hiệu quả các nguồn lực của VEAM; tăng cường các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

01

Tiếp tục xác định 03 dòng sản phẩm chủ lực, cốt lõi để phát triển là động cơ - máy nông nghiệp, ô tô xe máy và công nghiệp hỗ trợ, hướng đến những sản phẩm thân thiện với thiên nhiên và môi trường. Xây dựng VEAM thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực này.

02

Chú trọng mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

03

Tại các công ty có vốn góp của VEAM dự kiến các chỉ tiêu tổng hợp đều tăng so với thực hiện năm 2024, trong đó tăng trưởng hoạt động sản xuất công nghiệp là mục tiêu hàng đầu trong năm 2025.

04

Tham gia vào những lĩnh vực hoạt động mới: Công nghiệp đường sắt, Công nghiệp năng lượng, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số,...

05

Tăng tỷ trọng doanh thu công nghiệp hỗ trợ và doanh thu xuất khẩu, tham gia sâu, rộng hơn nữa vào chuỗi sản phẩm liên kết toàn cầu.

06

Trong năm 2025, tại Công ty mẹ dự kiến chỉ tiêu giá trị SXCN và doanh thu bán hàng tăng mạnh khi Công ty mẹ xác định các mục tiêu sản xuất - tiêu thụ, kinh doanh thương mại đều ở mức cao. Tuy nhiên, Công ty mẹ dự kiến tạm dừng thực hiện hoạt động kinh doanh vật tư và ưu tiên tập trung tiêu thụ xe Changan và máy kéo ISEKI tồn kho, đồng thời tập trung tìm kiếm các phương án để nhanh chóng hoàn thành mục tiêu tiêu thụ số lượng xe tồn kho lâu năm tại VM; doanh thu tài chính ước tăng nhẹ do sự phục hồi chậm của các doanh nghiệp có vốn góp VEAM trong năm 2024, trong đó doanh thu đầu tư tài chính ngắn hạn ở mức tương đương năm 2024; lợi nhuận sau thuế dự kiến tăng nhẹ tương đương mức tăng doanh thu tài chính do các hoạt động bán hàng mặc dù ước tăng cao nhưng có giá vốn lớn, đóng góp vào lợi nhuận tính chung chưa cao.



# GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

## Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

*“Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 70.844.990.151 đồng (giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển chưa trích lập tại ngày 01/01/2024 là 72.390.660.183 đồng)...”*

*“Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng suy giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ (“Matexim”) theo các ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2024 của Matexim. Ngoài ra, nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị là 481.868.382.941 đồng.”*

*“Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng suy giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (“VEAMTHD”) theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2024 của VEAMTHD, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản công nợ phải thu quá hạn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị là 40.111.370.576 đồng, hàng tồn kho tồn đọng với giá trị 10 tỷ đồng (chủ yếu là các hàng tồn kho phát sinh từ trước thời điểm Công ty mẹ thực hiện Cổ phần hóa) chưa được xác định giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.”*

## GIẢI TRÌNH

Đối với một số mặt hàng tồn kho ứ đọng từ nhiều năm trước (thời kỳ công ty TNHH) và chậm luân chuyển, tại thời điểm lập báo cáo, VEAM chưa hoàn thành việc khảo sát trên thị trường các sản phẩm cùng loại để có cơ sở đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn đọng.

Chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Matexim chủ yếu là chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí lãi vay và một số chi phí khác của Nhà máy sắt xộp phát sinh từ các năm trước. Hiện nay, Nhà máy sắt xộp đang gặp khó khăn phải dừng sản xuất nên chưa đánh giá được các khoản mục chi phí liên quan. Công ty Matexim đang xem xét cơ cấu lại sản phẩm đầu ra. Kế hoạch tăng vốn tại Công ty Matexim được thực hiện từng bước theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho VEAM.

Công ty VEAMTHD đã thực hiện gửi đối chiếu nợ phải thu đến khách hàng, tuy nhiên một số khách hàng chưa phản hồi và khách hàng vẫn đang thực hiện thanh toán nên chưa đủ cơ sở để trích lập dự phòng. Công ty VEAMTHD đã thành lập Ban thu hồi công nợ và tích cực triển khai thu hồi nợ. Công ty VEAMTHD đang tìm hiểu các sản phẩm tương tự trên thị trường để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho làm cơ sở trích lập dự phòng.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

*“Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán với giá trị 40.690.090.263 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 44.173.318.013 đồng)...”*

*“Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 82.294.646.160 đồng (giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển tại ngày 01/01/2024 là 106.818.758.390 đồng)...”*

*“Tại ngày 31/12/2024, một số khoản chi phí treo lại chờ xử lý với giá trị là 481.868.382.941 đồng (bao gồm: chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ (“Matexim”) đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang...”*

Các khoản nợ phải thu trên phát sinh tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo, Viện Công Nghệ. Các công ty đã thực hiện gửi đối chiếu nợ phải thu đến khách hàng, tuy nhiên một số khách hàng chưa phản hồi và khách hàng vẫn đang thực hiện thanh toán nên chưa đủ cơ sở để trích lập dự phòng. Các đơn vị đã thành lập Ban thu hồi công nợ và tích cực triển khai thu hồi nợ.

Đối với một số mặt hàng tồn kho ứ đọng từ nhiều năm trước (thời kỳ công ty TNHH) và chậm luân chuyển, tại thời điểm lập báo cáo, VEAM chưa hoàn thành việc khảo sát trên thị trường các sản phẩm cùng loại để có cơ sở đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn đọng.

Chi phí trả trước dài hạn tại Công ty Matexim chủ yếu là chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí lãi vay và một số chi phí khác của Nhà máy sắt xộp phát sinh từ các năm trước. Hiện nay, Nhà máy sắt xộp đang gặp khó khăn phải dừng sản xuất nên chưa đánh giá được các khoản mục chi phí liên quan. Công ty Matexim đang xem xét cơ cấu lại sản phẩm đầu ra. Kế hoạch tăng vốn tại Công ty Matexim được thực hiện từng bước theo đúng quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cao nhất cho VEAM.

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt  
hoạt động của công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động  
Ban điều hành

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

35



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VEAM

## VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA VEAM

### Bối cảnh chung trong năm 2024

Năm 2024, hoạt động kinh tế toàn cầu tuy không rơi vào suy thoái, nhưng vẫn ở mức thấp hơn tiềm năng, với lạm phát dù đã hạ nhiệt so với năm 2023, nhưng vẫn ở mức cao hơn mục tiêu tại nhiều quốc gia. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ nhu cầu tiêu dùng yếu, đầu tư đình trệ và sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhiều nền kinh tế lớn như Mỹ, Đức và Nhật Bản đang đối mặt với chi phí sản xuất tăng cao cùng sự sụt giảm nhu cầu nội địa, khiến triển vọng tăng trưởng trở nên kém khả quan hơn. Tình trạng căng thẳng trong thương mại thương mại quốc tế đặc biệt giữa Mỹ và Trung Quốc, Nga và phương Tây đang và sẽ tiếp tục gây ảnh hưởng tiêu cực lên tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Năm 2024 cũng là một trong những năm thế giới có nhiều cuộc bầu cử nhất từ trước đến nay và khủng hoảng chính trị cũng diễn ra tại nhiều quốc gia.

Do đó năm 2024 là một năm ghi nhận sự linh hoạt và chiến lược từ các quốc gia để vượt qua những thách thức, đồng thời tận dụng các cơ hội phát triển. Sự phối hợp giữa các chính sách kinh tế trong nước và quốc tế tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc định hình tương lai của nền kinh tế toàn cầu trong bối cảnh đầy biến động này. Với nỗ lực quyết tâm đột phá thể chế, cách mạng về tinh gọn tổ chức - bộ máy, nỗ lực tháo gỡ những điểm nghẽn của nền kinh tế, kinh tế Việt Nam năm 2024 đã đạt những thành tích ấn tượng và được các tổ chức quốc tế đánh giá cao.

### Đánh giá chung của VEAM

Trong bối cảnh đó, Công ty mẹ VEAM đã hoàn thành kế hoạch năm 2024 với doanh thu tài chính và lợi nhuận sau thuế vượt mức mà ĐHĐCĐ đề ra, doanh thu sản xuất công nghiệp đã tăng trưởng trở lại so với năm 2023. Lợi nhuận tính chung của các công ty con chỉ bằng 79% so với năm 2023 nhưng vẫn vượt 26% kế hoạch năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 9% so với năm 2023 cũng như kế hoạch năm, trong đó mảng sản phẩm phụ trợ đã có dấu hiệu phục hồi.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy HĐQT đã quyết liệt kịp thời và linh hoạt trong công tác quản trị điều hành, vượt qua khó khăn thách thức và góp phần đạt kết quả kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra:

- ✓ HĐQT đã tổ chức hiệu quả 30 phiên họp trong năm 2024, theo đúng các trình tự, thủ tục quy định pháp luật, các quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Kế hoạch và kỳ vọng theo nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng được HĐQT thường xuyên rà soát và đánh giá thảo luận trong phiên họp định kỳ của HĐQT, tùy thuộc vào tình hình thực tế của VEAM tại các thời điểm triển khai các nghị quyết.
- ✓ Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cũng thường xuyên tham dự các cuộc họp của Ban điều hành (BDH) định kỳ hàng tháng. Qua đó, HĐQT nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty, các quyết định, hoạt động quản lý, điều hành của BDH và HĐQT có sự phối hợp tốt nhằm đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn để vượt qua những thách thức của thị trường và doanh nghiệp để đạt được những kết quả tốt nhất.
- ✓ Đối với việc đảm bảo quyền lợi cổ đông, đối xử công bằng giữa các cổ đông và tăng cường sự tham gia hiệu quả và cân bằng lợi ích của các bên liên quan: HĐQT đã thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ các giao dịch nội bộ và bên có liên quan một cách hiệu quả, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định tại quy chế công bố thông tin của VEAM
- ✓ Về công tác quản trị nội bộ, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ VEAM, ban hành Nghị quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung 03 Quy chế, bao gồm: Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi Công ty mẹ; Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại Công ty mẹ và Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Văn phòng Công ty mẹ - VEAM... Đối với các công ty có vốn góp của VEAM: HĐQT đã xem xét, ban hành các Nghị quyết, Văn bản liên quan đến các dự thảo quy chế của các Công ty con.
- ✓ Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi nghiêm túc. Kết quả đánh giá ghi nhận các thành viên HĐQT được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm.
  - HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện chế độ báo cáo GSTC của VEAM theo quy định. Trong năm 2024, Tổng Giám đốc có 02 báo cáo GSTC về việc GSTC năm 2023 và về GSTC 6 tháng đầu năm 2024. Trên cơ sở các Báo cáo GSTC của Tổng Giám đốc, Bộ phận ĐDVNN đã thực hiện chế độ báo cáo GSTC đối với Chủ sở hữu vốn Nhà nước tại VEAM (Bộ Công Thương) và Bộ Tài chính theo quy định.
  - Về quản trị rủi ro, Hội đồng quản trị đã ban hành cập nhật Danh mục rủi ro, rủi ro hàng đầu. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm toán nội bộ lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 và đã hoàn thành và báo cáo đối với 04 cuộc kiểm toán nội bộ tại các đơn vị. Dựa trên kết quả kiểm toán, Ban Kiểm toán nội bộ đưa ra những khuyến nghị để Hội đồng quản trị chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện công tác quản trị, điều hành theo đúng quy định của pháp luật.

## VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

Trong chiến lược phát triển bền vững, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương là yếu tố quan trọng được HĐQT và Ban điều hành VEAM đặt lên hàng đầu, Công tác xã hội, từ thiện tiếp tục là điểm sáng trong năm 2024 của Công đoàn VEAM, cùng với các hoạt động ủng hộ các địa phương bị bão lũ bằng tiền như Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế với tổng số tiền 180 triệu đồng; đóng góp cho Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam 429 triệu đồng, Công đoàn Công

Thương Việt Nam 145 triệu đồng... Đồng thời HĐQT đã phối hợp với CĐ VEAM triển khai chương trình từ thiện trao tặng Máy nông nghiệp cho đồng bào gặp khó khăn bởi thiên tai bão lũ, VEAM đã trao tặng 184 máy nông nghiệp trị giá lên đến 4,9 tỷ đồng, 25 máy cày đồng bộ với tổng giá trị lên đến 633 triệu đồng đã được trao đến cho các hộ dân nghèo tại các tỉnh thành như: Lào Cai, Phú Thọ Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Điện Biên.



VEAM và các công ty con tiếp tục thực hiện đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động, luôn tạo điều kiện cho các hoạt động của Công đoàn. Nhiều hoạt động có ý nghĩa thiết thực cũng đã được công đoàn triển khai như: “Bữa cơm Công đoàn” với giá trị tăng thêm tối đa 50.000 đồng/suất; “Tết sum vầy, Xuân ơn Đảng” qua đó đã trợ cấp cho 10 đơn vị khó khăn chăm lo tết cho đoàn viên với tổng số tiền lên đến 100 triệu đồng, cùng với đó là 448 suất quà trị giá 134,4 triệu và 224 triệu tiền mặt /24 đơn vị...

Văn phòng Công ty mẹ và các Công ty con tích cực tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ. VEAM đã tổ chức, chỉ đạo các công ty con và người đại diện tại các doanh nghiệp có vốn góp của VEAM rà soát, xây dựng giải pháp, kế hoạch để kiện toàn hệ thống PCCC, hệ thống xử lý môi trường nhằm đáp ứng các quy định mới và phòng ngừa rủi ro.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc giám sát, đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2024 như sau:

Trong năm 2024, mặc dù các hoạt động SXKD của VEAM vẫn gặp nhiều khó khăn song kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như doanh thu bán hàng và lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính hợp nhất đều tăng so với năm 2023, vượt kế hoạch đề ra. Một số kết quả cụ thể như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 4.115 tỷ đồng, tăng 8% so với năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 7.431 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2023.

**Đối với Công ty mẹ**  
Kết quả hoạt động sản xuất và tiêu thụ chính năm 2024 đều đạt rất thấp so với kế hoạch. So với năm 2023, doanh thu sản xuất công nghiệp đã tăng trưởng trở lại, chủ yếu nhờ vào những tín hiệu tích cực từ Nhà máy Đức. Hoạt động SXKD của Nhà máy Ô tô VEAM cũng như hoạt động kinh doanh thương mại tại Văn phòng VEAM vẫn gặp rất nhiều khó khăn và tiếp tục sụt giảm. Do vậy, doanh thu bán hàng của Công ty mẹ tính chung vẫn chỉ ở mức tương đương thực hiện năm 2023.

Doanh thu tài chính, lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2024 tuy giảm lần lượt 18% và 8% so với năm 2023 nhưng vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua. Việc tỷ lệ lợi nhuận giảm ít hơn nhiều tỷ lệ giảm doanh thu là do trong năm 2023 VEAM đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và trích lập dự phòng hỗ trợ vốn dẫn đến các chi phí trong năm 2024 thấp hơn rất nhiều so với năm 2023.

## Số liệu cụ thể một số chỉ tiêu cụ thể tại Công ty mẹ:

Đơn vị: Tỷ đồng

| Các chỉ tiêu chính      | Thực hiện | Năm 2024 |           | Thực hiện 2024 so với |               |
|-------------------------|-----------|----------|-----------|-----------------------|---------------|
|                         | 2023      | Kế hoạch | Thực hiện | Thực hiện 2023        | Kế hoạch 2024 |
| (1)                     | (2)       | (3)      | (4)       | (5) = (4)/(2)         | (6) = (4)/(3) |
| 1. Giá trị SXCN         | 283,6     | 491,0    | 269,7     | 95%                   | 55%           |
| 2. Doanh thu BH và CCDV | 318,5     | 552,7    | 316,9     | 99%                   | 57%           |
| + SX công nghiệp        | 292,8     | 495,2    | 302,84    | 103%                  | 61%           |
| + Thương mại            | 25,7      | 57,5     | 14,1      | 55%                   | 25%           |
| 3. Doanh thu tài chính  | 7.940,2   | 5.861,1  | 6.531,80  | 82%                   | 111%          |
| 4. Lợi nhuận sau thuế   | 6.760,8   | 5.488,9  | 6.253,40  | 92%                   | 114%          |

(Kế hoạch năm 2024 của Công ty mẹ chưa bao gồm dự kiến tiêu thụ xe tồn kho của VM)

## Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ban điều hành đã thực hiện các hoạt động của VEAM bám sát mục tiêu, kế hoạch của ĐHĐCĐ 2024 trên cơ sở Điều lệ, Quy chế quản trị, quản lý nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và pháp luật hiện hành.
- Ban điều hành định kỳ hàng quý lập báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện chỉ đạo của HĐQT về hoàn thiện cơ chế phối hợp trao đổi thông tin để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời phục vụ giám sát đánh giá hoạt động của BĐH, BĐH đã hoàn thành dự thảo Quy chế Báo cáo, cung cấp thông tin tại VEAM.
- Trong quá trình hoạt động, Ban điều hành cũng kịp thời báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị những vấn đề bất thường,

- vướng mắc đối với các vấn đề vướng mắc, tồn tại của VEAM trong nhiều năm qua từ đó Hội đồng quản trị kịp thời thống nhất có ý kiến chỉ đạo thực hiện.
- Ban điều hành đã triển khai thực hiện công tác giám sát tài chính trực tiếp, giám sát tài chính đặc biệt đối với các đơn vị có vốn góp VEAM, đưa ra các biện pháp để thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo giám sát tài chính và có các giải pháp khắc phục các tồn tại, vướng mắc của đơn vị
  - Ban điều hành định kỳ báo cáo và xây dựng kế hoạch hành động để phòng ngừa, khắc phục rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các khuyến nghị của Ban kiểm toán nội bộ VEAM.
  - Tổ chức triển khai thực hiện đúng các quy định về chế độ đối với người lao động của VEAM.

# KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Bước sang năm 2025, thế giới sẽ tiếp tục đối mặt với các bài toán lớn về chính trị, kinh tế và môi trường. Kinh tế thế giới dự báo sẽ vẫn có nhiều biến động, tiếp tục phục hồi ở mức khá song không đồng đều... Triển vọng kinh tế Việt Nam được dự báo tích cực, tăng trưởng tốt hơn, ổn định vĩ mô được giữ vững... trong năm 2025, năm quyết định của Chiến lược phát triển 5 năm 2021-2025 và tạo nền tảng để tăng tốc, bứt phá trong giai đoạn tiếp theo.

Căn cứ bối cảnh kinh tế-chính trị chung toàn cầu và khu vực; trên cơ sở đặc thù, định hướng hoạt động và tình hình thực tế tại VEAM, **Hội đồng quản trị xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 như sau:**

- Chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành thực hiện các giải pháp đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được ĐHĐCĐ thông qua; tiếp tục thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành. Chỉ đạo, giám sát việc chi trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Xem xét chấp thuận BCTC năm 2024 và kết quả GSTC tại các đơn vị có vốn góp của VEAM. Tiếp tục chỉ đạo nội dung liên quan đến công tác KTNB và GSTC đối với Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục chỉ đạo giải quyết các tồn tại, vướng mắc của VEAM. Tiếp tục chỉ đạo giải quyết các vướng mắc tại Nhà máy sắt xộp Bắc Kạn và việc cơ cấu lại vốn VEAM tại MATEXIM đảm bảo tuân thủ trình tự, quy định của VEAM và pháp luật.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban chỉ đạo 46, Tổng Giám đốc rà soát, sửa đổi, hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ còn lại của Công ty mẹ. Trong đó, tập trung, sớm ban hành một số Quy chế quan trọng để triển khai áp dụng
- Tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng các đề án: Đề án cơ cấu lại VEAM, Đề án vị trí việc làm, Đề án phát triển trung hạn và định hướng tầm nhìn dài hạn của VEAM, Đề án ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của VEAM.
- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ của Tổ công tác hỗ trợ các Công ty liên doanh (gồm: Công ty TNHH Honda Việt Nam (HVN), Công ty TNHH Toyota Việt Nam (TMV) và Công ty Ford Việt Nam) theo đề nghị của các Công ty liên doanh và theo báo cáo của Người ĐDV VEAM tại các Công ty liên doanh.
- Chỉ đạo thực hiện các công việc liên quan để đảm bảo quyền lợi của VEAM trên cơ sở các bản án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm của toà án có thẩm quyền liên quan đến các vụ việc xảy ra tại VEAM, như các vụ việc xảy ra tại Văn phòng Công ty mẹ, VM, VETRANCO, VF (liên quan đến khu đất của Công ty Đức số 1).
- Tiếp tục phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa của VEAM tại thời điểm chính thức chuyển giao sang công ty cổ phần.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Giao dịch và thù lao

Tăng cường quản trị công ty



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| TT | Họ tên             | Chức vụ tại công ty (nếu có) | Đại diện cổ phần có quyền biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (VEA) có quyền biểu quyết | Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|--------------------|------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Ngô Khải Hoàn      | Chủ tịch HĐQT                | 378.309.360                          | 28,47%                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 2  | Nguyễn Hoàng Giang | TV HĐQT/TGĐ                  | 332.200.000                          | 25%                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 3  | Nguyễn Thị Hoa     | TV HĐQT                      | 332.200.000                          | 25%                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4  | Trần Thị Nguyệt    | TV HĐQT                      | 64.174.100                           | 4,83%                                           | <ul style="list-style-type: none"><li>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội;</li><li>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Intimex Việt Nam;</li><li>Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội;</li><li>Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cung ứng Dịch vụ Tổng hợp Thịnh Nguyên;</li><li>Giám đốc Công ty Luật TNHH SLCC;</li><li>Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cho thuê máy bay Việt Nam.</li></ul> |
| 5  | Nguyễn Tiến Vỹ     | TV độc lập HĐQT              |                                      |                                                 | 01 chức danh là TV HĐQT <ul style="list-style-type: none"><li>Tổng Công ty Rượu bia nước giải khát Sài Gòn</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 6  | Phan Kim Khoa      | TV độc lập HĐQT              |                                      |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |



## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT ban hành Nghị quyết số 153/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc kiện toàn nhân sự Tiểu ban tổ chức nhân sự, Tiểu ban tổ chức nhân sự, Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban chiến lược.

• **Tiểu ban chiến lược**

- |                                |                       |
|--------------------------------|-----------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị   | - Trưởng tiểu ban     |
| - Tổng Giám đốc                | - Thành viên;         |
| - Thành viên HĐQT              | - Thành viên;         |
| - Thành viên độc lập HĐQT      | - Thành viên;         |
| - Phó Tổng Giám đốc            | - Thành viên;         |
| - Trưởng ban Đầu tư phát triển | - Thành viên;         |
| - Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch  | - Thành viên;         |
| - Phó Chánh Văn phòng HĐQT     | - Thành viên; Thư ký. |

• **Tiểu ban tổ chức nhân sự**

- |                              |                       |
|------------------------------|-----------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị | - Trưởng tiểu ban     |
| - Tổng Giám đốc              | - Thành viên;         |
| - Thành viên HĐQT            | - Thành viên;         |
| - Thành viên độc lập HĐQT    | - Thành viên;         |
| - Phó Tổng Giám đốc          | - Thành viên;         |
| - Chánh Văn phòng HĐQT       | - Thành viên;         |
| - Trưởng ban Tổ chức Nhân sự | - Thành viên; Thư ký. |

• **Tiểu ban kiểm toán**

- |                                       |                            |
|---------------------------------------|----------------------------|
| - Tổng Giám đốc                       | - Trưởng tiểu ban          |
| - Thành viên HĐQT                     | - Thành viên;              |
| - Thành viên độc lập HĐQT             | - Thành viên;              |
| - Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán    | - Thành viên;              |
| - Trưởng ban Kiểm toán nội bộ         | - Thành viên; Thường trực; |
| - Phó Trưởng ban Ban kiểm toán nội bộ | - Thành viên; Thư ký.      |

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động tích cực và tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định liên quan về chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

**Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và thông qua 12 nội dung:**

- (1) Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch 2024 của HĐQT;
- (2) Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và kế hoạch năm 2024;
- (3) Báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Ban kiểm soát;
- (4) Báo cáo tài chính năm 2023;
- (5) Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;
- (6) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VEAM;
- (7) Bãi nhiệm thành viên HĐQT;
- (8) Miễn nhiệm thành viên HĐQT;
- (9) Bầu bổ sung thành viên HĐQT;
- (10) Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và thông qua kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát;
- (11) Niêm yết cổ phiếu VEAM;
- (12) Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

**Định kỳ tổ chức họp hoạt động kinh doanh nhằm đánh giá hoạt động kinh doanh và đưa ra phương hướng chỉ đạo kịp thời**

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tiến hành 30 phiên họp với tỷ lệ dự họp là 100%, ban hành 186 Nghị quyết và 70 Quyết định, tổ chức lấy 118 phiếu lấy ý kiến bằng văn bản và 42 văn bản thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của VEAM; các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp đầy đủ và có tinh thần trách nhiệm cao khi tham gia ý kiến; các nghị quyết, quyết định tập trung vào công tác chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động của VEAM bao gồm các nội dung:

- Các nội dung triển khai và hoàn thành gồm: Công tác tổ chức ĐHĐCĐ năm 2024 của VEAM; chỉ đạo các nội dung được thông qua ĐHĐCĐ năm 2024 của các công ty cổ phần có vốn góp của VEAM; công tác phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2024 của VEAM và các công ty 100% vốn VEAM; tổ chức đánh giá Người quản lý, Người điều hành VEAM và Người quản lý, Người ĐDV tại doanh nghiệp có vốn góp của VEAM; xem xét, chấp thuận hợp đồng, giao dịch với Người có liên quan; xem xét, thông qua Quy chế hoạt động của các Nhóm ĐDV tại các doanh nghiệp có vốn góp của VEAM; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử, cử lại nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT và một số công tác khác.

- Các công việc đang triển khai gồm: Việc thực hiện các kiến nghị về công tác Giám sát tài chính (GSTC), xem xét chấp thuận

BCTC, công tác GSTC đặc biệt; các kiến nghị của Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB); việc tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro đối với hoạt động SXKD của Công ty mẹ và các đơn vị; các kết luận, kiến nghị thanh tra của các cơ quan thẩm quyền; tình hình rà soát vốn điều lệ tại các công ty 100% vốn góp của VEAM và việc giao vốn tại các Chi nhánh; công tác thu hồi các khoản công nợ quá hạn của VEAM; việc giải quyết các tồn tại, vướng mắc của VEAM.

**Giám sát hoạt động đối với Ban điều hành**

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BDH được thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ VEAM, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và pháp luật hiện hành, HĐQT trong năm 2024 đã thực hiện chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT của VEAM như sau:
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- Chỉ đạo, giám sát Tổng Giám đốc và Ban điều hành tiếp tục tìm kiếm, thực hiện các giải pháp, biện pháp để từng bước tháo gỡ và giải quyết các vấn đề vướng mắc, tồn tại của VEAM trong nhiều năm qua.
- Chỉ đạo thực hiện giám sát tài chính trực tiếp, giám sát tài chính đặc biệt đối với các đơn vị có vốn góp của VEAM. Thông qua đó chỉ đạo Tổng Giám đốc có ý kiến đối với Người quản lý, Người đại diện vốn phối hợp với Ban điều hành tại đơn vị đưa ra các biện pháp để thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo giám sát tài chính và có các giải pháp khắc phục các tồn tại, vướng mắc của đơn vị.
- Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành, Người quản lý, Người đại diện vốn VEAM định kỳ báo cáo và xây dựng kế hoạch hành động để phòng ngừa, khắc phục rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các khuyến nghị của Ban kiểm toán nội bộ VEAM.
- Giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 để đảm bảo kế hoạch đề ra.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban điều hành thực hiện rà soát và giám sát việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của các công ty có vốn góp chi phối của VEAM.
- Thông qua các giao dịch với Người liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Chỉ đạo thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự; bổ nhiệm nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.
- Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của VEAM.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

## ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT        | Chức vụ                 | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự                                                         |
|-----|------------------------|-------------------------|---------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Khắc Hải    | Chủ tịch HĐQT           | 11/11               | 100%  | Miễn nhiệm kể từ ngày: 20/6/2024                                            |
| 2   | Ông Phan Phạm Hà       | Thành viên HĐQT         | 07/11               | 63%   | Ủy quyền 01 buổi họp HĐQT và 04 buổi vắng Bãi nhiệm kể từ ngày: 20/6/2024.  |
| 3   | Bà Nguyễn Thị Nga      | Thành viên HĐQT         | 07/11               | 63%   | Ủy quyền 06 buổi họp HĐQT và 04 buổi vắng Miễn nhiệm kể từ ngày: 20/6/2024  |
| 4   | Ông Ngô Khải Hoàn      | Chủ tịch HĐQT           | 09/09               | 100%  | Bổ nhiệm kể từ ngày: 20/6/2024                                              |
| 5   | Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên HĐQT         | 09/09               | 100%  | Bổ nhiệm kể từ ngày: 20/6/2024                                              |
| 6   | Bà Nguyễn Thị Hoa      | Thành viên HĐQT         | 09/09               | 100%  | Bổ nhiệm kể từ ngày: 20/6/2024                                              |
| 7   | Bà Trần Thị Nguyệt     | Thành viên HĐQT         | 07/09               | 77%   | Bổ nhiệm kể từ ngày: 20/6/2024<br>Ủy quyền 03 buổi họp HĐQT và 02 buổi vắng |
| 8   | Ông Nguyễn Tiến Vy     | Thành viên độc lập HĐQT | 20/20               | 100%  |                                                                             |
| 9   | Ông Phan Kim Khoa      | Thành viên độc lập HĐQT | 20/20               | 100%  |                                                                             |



# CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

| STT        | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian   | Nội dung                                                                                                                                            |
|------------|------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| NGHỊ QUYẾT |                              |             |                                                                                                                                                     |
| 1          | 01/NQ-HĐQT                   | 04/01/2024  | Về ý kiến chỉ đạo Người đại diện phần vốn VEAM đối với nội dung hợp HĐTV Công ty TNHH Mekong Auto (MAC)                                             |
| 2          | 02/NQ-HĐQT                   | 04/01/2024  | Về việc phê duyệt hệ thống ngân hàng giao dịch năm 2024                                                                                             |
| 3          | 03/NQ-HĐQT                   | 04/01/2024  | Về Kế hoạch lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý tại Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam- CTCP        |
| 4          | 04/NQ-HĐQT                   | 10/01/2024  | Về việc thanh toán tiền thuê đất của VEAM tại cơ sở đất đai của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp tại khu công nghiệp Tiên Sơn – Bắc Ninh |
| 5          | 05/NQ-HĐQT                   | 16/01/20274 | Về việc hợp đồng giữa VEAM và Tạp chí Công Thương                                                                                                   |
| 6          | 06/NQ-HĐQT                   | 16/01/2024  | Về việc thông qua Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chương trình, kế hoạch công tác năm 2023 của HĐQT                                            |
| 7          | 07/NQ-HĐQT                   | 16/01/2024  | Về việc ban hành Chương trình, kế hoạch công tác năm 2024 của HĐQT                                                                                  |
| 8          | 08/NQ-HĐQT                   | 16/01/2024  | Về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng kế hoạch năm 2024 của VEAM                                                     |
| 9          | 09/NQ-HĐQT                   | 16/01/2024  | Về việc thống nhất chi phí hoạt động của Văn phòng VEAM trong Quý I năm tài chính 2024                                                              |
| 10         | 10/NQ-HĐQT                   | 18/01/2024  | Về việc chấp thuận hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank                                                                                 |
| 11         | 11/NQ-HĐQT                   | 23/01/2024  | Về việc chấp thuận hợp đồng tiền gửi giữa VEMA và Ngân hàng SeABank (lần 02)                                                                        |
| 12         | 12/NQ-HĐQT                   | 23/01/2024  | Về dự thảo Quy chế hoạt động của Nhóm đại diện vốn VEAM tại Công ty Honda Việt Nam (HVN)                                                            |
| 13         | 13/NQ-HĐQT                   | 23/01/2024  | Về dự thảo Quy chế hoạt động của Nhóm đại diện vốn VEAM tại Matexim                                                                                 |
| 14         | 14/NQ-HĐQT                   | 23/01/2024  | Về dự thảo Quy chế lao động, tiền lương của Viện Công Nghệ (VCN)                                                                                    |
| 15         | 15/NQ-HĐQT                   | 29/01/2024  | Về việc chấp thuận hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank (lần 3)                                                                         |
| 16         | 16/NQ-HĐQT                   | 30/01/2024  | Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản hỗ trợ vốn và lãi hỗ trợ vốn tại các công ty có vốn góp của VEAM                   |
| 17         | 17/NQ-HĐQT                   | 31/01/2024  | Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị môi giới bảo hiểm trách nhiệm cho nhà quản lý doanh nghiệp tại VEAM                                       |
| 18         | 18/NQ-HĐQT                   | 31/01/2024  | Về việc khởi kiện Công ty TNHH Phong Nam- Sinhirose tịa Tòa án nhân dân huyện Mê Linh                                                               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19  | 19/NQ-HĐQT                   | 31/01/2024 | Về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2024 của Chi nhánh Nghệ An                                                                                                                                                                                          |
| 20  | 20/NQ-HĐQT                   | 02/02/2024 | Về chế độ đối với chức danh Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP                                                                                                                                          |
| 21  | 21/NQ-HĐQT                   | 06/02/2024 | Về dự thảo Quy chế hoạt động của Nhóm đại diện vốn VEAM tại Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 01 (FUTU1)                                                                                                                                                       |
| 22  | 22/NQ-HĐQT                   | 07/02/2024 | Về việc bổ sung 04 tháng tiền lương cho Người lao động tại Văn phòng Công ty mẹ                                                                                                                                                                              |
| 23  | 23/NQ-HĐQT                   | 07/02/2024 | Về việc chấp thuận hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank (lần 04)                                                                                                                                                                                 |
| 24  | 24/NQ-HĐQT                   | 07/02/2024 | Về nội dung hợp HĐTV Công ty TNHH Mekong Auto (MAC) ngày 05/01/2024                                                                                                                                                                                          |
| 25  | 25/NQ-HĐQT                   | 22/02/2024 | Về công tác nhân sự tại FOMECO                                                                                                                                                                                                                               |
| 26  | 26/NQ-HĐQT                   | 26/02/2024 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi Công ty mẹ                                                                                                                                                   |
| 27  | 27/NQ-HĐQT                   | 28/02/2024 | Về dự thảo Quy chế hoạt động của Nhóm đại diện vốn VEAM tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO)                                                                                                                                                          |
| 28  | 28//NQ-HĐQT                  | 28/02/2024 | Về kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa (COLOAMEC)                                                                                                                                                                                     |
| 29  | 29/NQ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về kết quả kiểm toán việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO)                                                                                                                                                      |
| 30  | 30/NQ-HĐQT                   | 06/03/2024 | Về việc phê duyệt kế hoạch năm 2024 của Chi nhánh Nhà Máy Đức (VF)                                                                                                                                                                                           |
| 31  | 31/NQ-HĐQT                   | 08/03/2024 | Về việc triển khai thực hiện GSTC đặc biệt và xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, GSTC phù hợp đối với VEAM KOREA                                                                                                                                      |
| 32  | 32/NQ-HĐQT                   | 12/03/2024 | Về việc chấp thuận chủ trương thuê đơn vị tư vấn rà soát và hoàn thiện dự thảo Quy chế quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Người đại diện vốn VEAM tại các doanh nghiệp có vốn góp của VEAM                                                         |
| 33  | 33/NQ-HĐQT                   | 14/03/2024 | Về việc phê duyệt kế hoạch năm 2024 của DISOCO                                                                                                                                                                                                               |
| 34  | 34/NQ-HĐQT                   | 15/3/2024  | Về việc cử Đoàn đi công tác nước ngoài                                                                                                                                                                                                                       |
| 35  | 35/NQ-HĐQT                   | 15/3/2024  | Về việc phê duyệt kế hoạch năm 2024 của SVEAM                                                                                                                                                                                                                |
| 36  | 36/NQ-HĐQT                   | 25/3/2024  | Về việc chấp thuận chủ trương thuê đơn vị Tư vấn luật và tham gia tố tụng yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên bố hủy bỏ Biên bản họp số 01/2024, Nghị quyết số 002/NQ-MK ban hành ngày 05/01/2024 của HĐTV MAC và Phương án lựa chọn nhà cung cấp |
| 37  | 37/NQ-HĐQT                   | 27/03/2024 | Về việc sử dụng nguồn chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm tài chính 2023                                                                                                                                                                    |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung                                                                                                                                                            |
|-----|------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 38  | 38/NQ-HĐQ                    | 27/3/2024  | Về công tác nhân sự tại Công ty Honda Việt Nam                                                                                                                      |
| 39  | 39/NQ-HĐQT                   | 28/3/2024  | Về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển dụng nhân sự Văn phòng Công ty mẹ năm 2024                                                                                         |
| 40  | 40/NQ-HĐQT                   | 28/3/2024  | Về việc thu hồi đất KTT CBCNV của FOMECO theo Quyết định số 2568/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND Thành phố Phổ Yên                                                  |
| 41  | 41/NQ-HĐQT                   | 28/03/2024 | Về kế hoạch SXKD năm 2024 của Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM                                                                                                           |
| 42  | 42/NQ-HĐQT                   | 28/3/2024  | Về phê duyệt kế hoạch năm 2024 của Viện Công nghệ                                                                                                                   |
| 43  | 43/NQ-HĐQT                   | 28/3/2024  | Về phê duyệt kế hoạch năm 2024 của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp                                                                                      |
| 44  | 44/NQ-HĐQT                   | 29/3/2024  | Về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023 của VEAM                                                                                             |
| 45  | 45/NQ-HĐQT                   | 29/03/2024 | Về ý kiến chỉ đạo đối với nội dung xin ý kiến nêu tại Tờ trình số 01/2024/TMV-TTr ngày 28/3/2024 của Người đại diện vốn VEAM tại Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (TMV) |
| 46  | 46/NQ-HĐQT                   | 01/04/2024 | Về việc kế hoạch chi phí hoạt động của Văn phòng Công ty mẹ năm 2024                                                                                                |
| 47  | 47/NQ-HĐQT                   | 02/41/2024 | Về dự thảo Quy chế hoạt động của Nhóm đại diện vốn VEAM tại VETRANCO                                                                                                |
| 48  | 48/NQ-HĐQT                   | 02/04/2024 | Về Quy chế hoạt động của Nhóm đại diện vốn VEAM tại COLOAMEC                                                                                                        |
| 49  | 49/NQ-HĐQT                   | 03/4/2024  | Về việc ý kiến chỉ đạo Người đại diện phần vốn VEAM về các nội dung nêu tại Văn bản số 02/YK-NĐD ngày 18/3/2024                                                     |
| 50  | 50/NQ-HĐQT                   | 05/4/2024  | Về kế hoạch giám sát tài chính trực tiếp, xem xét, chấp thuận báo cáo tài chính tại các đơn vị có vốn góp của VEAM thực hiện trong năm 2024                         |
| 51  | 51/NQ-HĐQT                   | 05/4/2024  | Về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024                                                                                         |
| 52  | 52/NQ-HĐQT                   | 05/4/2024  | Về việc tiếp tục tiêu thụ xe tồn kho lâu năm tại Nhà máy ô tô VEAM                                                                                                  |
| 53  | 53/NQ-HĐQT                   | 05/4/2024  | Về Kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (SVEAM)                                                                        |
| 54  | 54/NQ-HĐQT                   | 11/4/2024  | Về việc cử nhân sự tham gia Đoàn đi công tác nước ngoài                                                                                                             |
| 55  | 55/NQ-HĐQT                   | 16/4/2024  | Về việc kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Văn phòng Công ty mẹ                                                                                                       |
| 56  | 56/NQ-HĐQT                   | 22/4/2024  | Về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024                                                                                                       |
| 57  | 57/NQ-HĐQT                   | 22/4/2024  | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của VEAM tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của FUTU1                                             |
| 58  | 58/NQ-HĐQT                   | 22/4/2024  | Về công tác nhân sự tại Công ty CP Phụ tùng máy số 1 (FUTU1) và Công ty CP Nakycos (NAKYCO)                                                                         |
| 59  | 59/NQ-HĐQT                   | 24/4/2024  | Về việc phê duyệt kế hoạch dòng tiền Văn phòng Công ty mẹ năm 2024 (tạm thời)                                                                                       |
| 60  | 60/NQ-HĐQT                   | 25/4/2024  | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP Cơ khí Cổ Loa                                         |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian | Nội dung                                                                                                                                                             |
|-----|------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 61  | 61/NQ-HĐQT                   | 25/4/2024 | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần MATEXIM Hải Phòng (MTX HP)                        |
| 62  | 62/NQ-HĐQT                   | 02/5/2024 | Về việc chấp thuận hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank                                                                                                  |
| 63  | 63/NQ-HĐQT                   | 03/5/2024 | Về công tác nhân sự tại Công ty VEAM KOREA                                                                                                                           |
| 64  | 64/NQ-HĐQT                   | 03/5/2024 | Về dự thảo Quy chế hoạt động của Nhóm đại diện vốn VEAM tại Công ty CP NAKYCO                                                                                        |
| 65  | 65/NQ-HĐQT                   | 03/5/2024 | Về Quy chế quản lý hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (FUTU1)                                                                                    |
| 66  | 66/NQ-HĐQT                   | 03/5/2024 | Về Quy chế quản lý hoạt động đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (FOMECO)                                                                                      |
| 67  | 67/NQ-HĐQT                   | 03/5/2024 | Về kế hoạch năm 2024 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                                                                                                       |
| 68  | 68/NQ-HĐQT                   | 03/5/2024 | Về chủ trương thuê đơn vị tư vấn đánh giá, xây dựng phương án giải thể Công ty VEAM KOREA và các yêu cầu đối với Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty VEAM KOREA |
| 69  | 69/NQ-HĐQT                   | 07/5/2024 | Về công tác nhân sự tại Công ty CP Cơ khí Cổ Loa                                                                                                                     |
| 70  | 70/NQ-HĐQT                   | 08/5/2024 | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty CP NAKYCO                                                         |
| 71  | 71/NQ-HĐQT                   | 08/5/2024 | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP Cơ khí An Giang                                        |
| 72  | 72/NQ-HĐQT                   | 14/5/2024 | Về việc chấp thuận hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank                                                                                                  |
| 73  | 73/NQ-HĐQT                   | 17/5/2024 | Về việc kế hoạch đầu tư năm 2024 của Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM                                                                                                     |
| 74  | 74/NQ-HĐQT                   | 17/5/2024 | Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2024 của Văn phòng Công ty mẹ                                                                                                  |
| 75  | 75/NQ-HĐQT                   | 21/5/2024 | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM                             |
| 76  | 76/NQ-HĐQT                   | 21/5/2024 | Về nội dung họp Hội đồng thành viên liên quan đến hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty Honda Việt Nam                                                              |
| 77  | 77/NQ-HĐQT                   | 24/5/2024 | Về việc chấp thuận Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên                        |
| 78  | 78/NQ-HĐQT                   | 24/5/2024 | Về địa điểm tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024                                                                                                                   |
| 79  | 79/NQ-HĐQT                   | 24/5/2024 | Về việc thông qua bộ tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024                                                                                                             |
| 80  | 80/NQ-HĐQT                   | 27/5/2024 | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của VEAM tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 Công ty CP Cơ khí Phổ Yên                                             |
| 81  | 81/NQ-HĐQT                   | 04/6/2024 | Về việc tiếp nhận ủy quyền của Tổng Giám đốc VEAM và tạm thời Phụ trách Ban điều hành VEAM                                                                           |
| 82  | 82/NQ-HĐQT                   | 04/6/2024 | Về việc giao tạm thời thực hiện nhiệm vụ phụ trách kế toán VEAM                                                                                                      |
| 83  | 83/NQ-HĐQT                   | 06/6/2024 | Về công tác nhân sự Kiểm soát viên tại DISOCO, TAMAC                                                                                                                 |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian | Nội dung                                                                                                                                                 |
|-----|------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 84  | 84/NQ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về thay đổi địa điểm tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2024                                                                                               |
| 85  | 85/NQ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về công tác nhân sự đối với các chức danh Kế toán trưởng, Trưởng ban KD & PTTT VEAM và NDD phần vốn VEAM tại Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1 (CKCX1)    |
| 86  | 86/NQ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc bãi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc VEAM đối với ông Phan Phạm Hà                                                                                    |
| 87  | 87/NQ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc công tác nhân sự đối với ông Nghiêm Trọng Thắng                                                                                                  |
| 88  | 88/NQ-HĐQT                   | 11/6/2024 | Về nội dung xin ý kiến họp HĐQT của Nhóm đại diện vốn VEAM tại Công ty Honda (HVN)                                                                       |
| 89  | 89/NQ-HĐQT                   | 12/6/2024 | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn của VEAM tại ĐHCĐ thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ             |
| 90  | 90/NQ-HĐQT                   | 17/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 đối với Thành viên HĐQT                                                                          |
| 91  | 91/NQ-HĐQT                   | 17/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 đối với Thành viên Ban kiểm soát                                                                 |
| 92  | 92/NQ-HĐQT                   | 17/6/2024 | Về thông qua việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2024 của VEAM                                                 |
| 93  | 93/NQ-HĐQT                   | 18/6/2024 | Về việc phê duyệt ký kết nội dung sửa đổi Hợp đồng nhà phân phối (TOYOTA/LEXUS)                                                                          |
| 94  | 94/NQ-HĐQT                   | 18/6/2024 | Về việc Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Công ty Cổ phần vật tư và Thiết bị toàn bộ (MATEXIM) |
| 95  | 95/NQ-HĐQT                   | 18/6/2024 | Về việc Bàn án sơ thẩm và việc kháng cáo liên quan đến vụ việc tại 220 Bình Thới                                                                         |
| 96  | 96/NQ-HĐQT                   | 19/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với Thành viên Ban điều hành VEAM                                                                     |
| 97  | 97/NQ-HĐQT                   | 19/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với nhân sự Văn phòng HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ thuộc thẩm quyền quyết đánh giá của HĐQT             |
| 98  | 98/NQ-HĐQT                   | 19/6/2024 | Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư năm 2024 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                                                                     |
| 99  | 99/NQ-HĐQT                   | 19/6/2024 | Về việc Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 của Chi nhánh Nhà máy Đức (VF)                                                |
| 100 | 100/NQ-HĐQT                  | 20/6/2024 | Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP                                                      |
| 101 | 101/NQ-HĐQT                  | 20/6/2024 | Về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP                                                      |
| 102 | 102/NQ-HĐQT                  | 20/6/2024 | Về việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh                                                                                                             |
| 103 | 103/NQ-HĐQT                  | 21/6/2024 | Về việc thôi phụ trách Ban điều hành Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP                                                        |
| 104 | 104/NQ-HĐQT                  | 28/6/2024 | Về việc ý kiến chỉ đạo đối với Người đại diện phần vốn VEAM tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1      |
| 105 | 105/NQ-HĐQT                  | 03/7/2024 | Về việc triển khai một số nội dung tại Nghị quyết 01/NQ-ĐHCĐ của ĐHCĐ thường niên năm 2024 của VEAM                                                      |
| 106 | 106/NQ-HĐQT                  | 05/7/2024 | Về việc phương án nhân sự được xem xét bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc                                                                            |
| 107 | 107/NQ-HĐQT                  | 09/7/2024 | Về kế hoạch đầu tư năm 2024 của Vetranco                                                                                                                 |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian | Nội dung                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 108 | 108/NQ-HĐQT                  | 10/7/2024 | Về việc tạm trích Quỹ phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023                                                                                                          |
| 109 | 109/NQ-HĐQT                  | 12/7/2024 | Về công tác nhân sự Kiểm soát viên tại Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ                                                                                                         |
| 110 | 110/NQ-HĐQT                  | 15/7/2024 | Về việc quyết toán năm tài chính thứ 30 và phân phối lợi nhuận của TMV                                                                                                       |
| 111 | 111/NQ-HĐQT                  | 17/7/2024 | Về việc thông qua kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và phương hướng thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm năm 2024 của VEAM                                                    |
| 112 | 112/NQ-HĐQT                  | 22/7/2024 | Về việc điều chỉnh chi phí lưu trú trong Hợp đồng trợ giúp kỹ thuật TAA với TMC và Hợp đồng phái cử hướng dẫn viên công nghệ Daihatsu và công nghệ Toyota với TMA-TH của TMV |
| 113 | 113/NQ-HĐQT                  | 23/7/2024 | Về việc phê duyệt điều chỉnh hệ thống ngân hàng giao dịch năm 2024                                                                                                           |
| 114 | 114/NQ-HĐQT                  | 23/7/2024 | Về việc gửi tiền có kỳ hạn tại Văn phòng Công ty mẹ                                                                                                                          |
| 115 | 115/NQ-HĐQT                  | 25/7/2024 | Về kế hoạch đầu tư năm 2024 của FUTU1                                                                                                                                        |
| 116 | 116/NQ-HĐQT                  | 30/7/2024 | Về việc thông qua Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch công tác 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024 của HĐQT VEAM                         |
| 117 | 117/NQ-HĐQT                  | 14/8/2024 | Về kết quả kiểm toán việc thực hiện Hoạt động bán hàng, thu tiền tại VF                                                                                                      |
| 118 | 118/NQ-HĐQT                  | 14/8/2024 | Về kết quả kiểm toán việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tại VM                                                                                                           |
| 119 | 119/NQ-HĐQT                  | 20/8/2024 | Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm “Soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của VEAM”                           |
| 120 | 120/NQ-HĐQT                  | 22/8/2024 | Về việc thông qua hợp đồng gói thầu số 03 “Cung cấp 04 máy tiện ngang điều khiển CNC, mâm cặp 10 inch” thuộc kế hoạch đầu tư năm 2024 của DISOCO                             |
| 121 | 121/NQ-HĐQT                  | 22/8/2024 | Về nội dung Báo cáo số 07/2024/BC-NĐDV ngày 01/7/2024 của Nhóm đại diện vốn VEAM tại MAC                                                                                     |
| 122 | 122/NQ-HĐQT                  | 22/8/2024 | Về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với ông Nguyễn Tân Tiến                                                                                                           |
| 123 | 123/NQ-HĐQT                  | 22/8/2024 | Về việc xin ý kiến thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-HĐQT ngày 03/5/2024 về Quy chế quản lý hoạt động đầu tư của FOMECO                                                          |
| 124 | 124/NQ-HĐQT                  | 22/8/2024 | Về việc thông qua việc giữ lợi nhuận năm 2023 tại Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1                                                                                      |
| 125 | 125/NQ-HĐQT                  | 29/8/2024 | Về việc bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty CP Cơ khí Cổ Loa                                                                                                                       |
| 126 | 126/NQ-HĐQT                  | 29/8/2024 | Về việc dự thảo các Quy chế của Công ty cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM                                                                                                   |
| 127 | 127/NQ-HĐQT                  | 29/8/2024 | Về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên năm 2024 đã được soát xét của VEAM                                                                                      |
| 128 | 128/NQ-HĐQT                  | 29/8/2024 | Về việc cử Người đại diện vốn VEAM tại Công ty TNHH Mekong Auto và giới thiệu nhân sự tham gia quản lý, điều hành MAC, Chi nhánh MAC                                         |
| 129 | 129/NQ-HĐQT                  | 17/9/2024 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quy chế quản lý người giữ chức danh chức vụ tại Công ty mẹ                                                                          |
| 130 | 130/NQ-HĐQT                  | 18/9/2024 | Về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí                                                                                                                                       |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung                                                                                                                                                                                                           |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 131 | 131/NQ-HĐQT                  | 20/9/2024  | Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Văn phòng Công ty mẹ – VEAM                                                                                                                         |
| 132 | 132/NQ-HĐQT                  | 24/9/2024  | Về việc hợp đồng giữa VEAM và Báo Công Thương                                                                                                                                                                      |
| 133 | 133/NQ-HĐQT                  | 24/9/2024  | Về việc bổ nhiệm Giám đốc TAMAC                                                                                                                                                                                    |
| 134 | 134/NQ-HĐQT                  | 25/9/2024  | Về việc Tờ trình số 06/2024/TMV-TTr ngày 13/9/2024 của Người đại diện phần vốn VEAM tại TMV                                                                                                                        |
| 135 | 135/NQ-HĐQT                  | 26/9/2024  | Về việc chấp thuận dự thảo Quy chế quản lý tài chính MATEXIM                                                                                                                                                       |
| 136 | 136/NQ-HĐQT                  | 27/9/2024  | Về việc bổ nhiệm lại ông Lê Minh Quy giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc                                                                                                                                                 |
| 137 | 137/NQ-HĐQT                  | 30/9/2024  | Về việc bổ nhiệm quyền Giám đốc TAMAC                                                                                                                                                                              |
| 138 | 138/NQ-HĐQT                  | 01/10/2024 | Về việc thôi giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức Nhân sự                                                                                                                                                                |
| 139 | 139/NQ-HĐQT                  | 01/10/2024 | Về việc Báo cáo số 04/2024/TMV-BC ngày 05/8/2024 của Người đại diện phần vốn VEAM tại TMV                                                                                                                          |
| 140 | 140/NQ-HĐQT                  | 02/10/2024 | Về việc chấm dứt hoạt động đối với Xi nghiệp Thương mại Dịch vụ - Chi nhánh Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (MATEXIM)                                                                                        |
| 141 | 141/NQ-HĐQT                  | 07/10/2024 | Về việc kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục PCCC bổ sung thuộc Dự án “Di chuyển và xây mới Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo (CKTHĐ)”                                                                                   |
| 142 | 142/NQ-HĐQT                  | 11/10/2024 | Về việc chấp thuận phương án lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ cho thuê gian hàng trưng bày tại Triển lãm VIMEXPO 2024                                                                                                 |
| 143 | 143/NQ-HĐQT                  | 14/10/2024 | Về kết quả giám sát tài chính trực tiếp, xem xét, chấp thuận báo cáo tài chính tại các đơn vị có vốn VEAM (năm tài chính 2023)                                                                                     |
| 144 | 144/NQ-HĐQT                  | 14/10/2024 | Về Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và KH Quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của DISOCO                                                                                                                    |
| 145 | 145/NQ-HĐQT                  | 14/10/2024 | Về việc nhận xét, đánh giá xếp loại chất lượng năm 2023 đối với Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty do VEAM nắm giữ 100% vốn điều lệ và Người đại diện phần vốn VEAM                                             |
| 146 | 146/NQ-HĐQT                  | 21/10/2024 | Về việc chủ trương bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)                                                                                                                                    |
| 147 | 147/NQ-HĐQT                  | 21/10/2024 | Về kết quả kiểm toán việc thực hiện hoạt động quản lý và sử dụng tài sản cố định: Hoạt động tiếp nhận, bàn giao tài sản; Hoạt động quản lý và sử dụng tài sản; Hoạt động thanh lý tài sản tại Viện Công nghệ (VCN) |
| 148 | 148/NQ-HĐQT                  | 24/10/2024 | Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 của DISOCO                                                                                                                                                               |
| 149 | 149/NQ-HĐQT                  | 29/10/2024 | Về công tác nhân sự tại DISOCO                                                                                                                                                                                     |
| 150 | 150/NQ-HĐQT                  | 29/10/2024 | Về việc điều chỉnh Ngân sách quản lý cho năm tài chính thứ ba mươi mốt (FY25) của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (TMV)                                                                                               |
| 151 | 151/NQ-HĐQT                  | 29/10/2024 | Về việc ký Thỏa thuận chia sẻ chi phí truyền thông trên nền tảng trả chi phí cho Chương trình Maverick Academy 2024                                                                                                |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 152 | 152/NQ-HĐQT                  | 29/10/2024 | Về việc ký Biên bản ghi nhớ về Nghiên cứu thị trường chung tại Việt Nam giữa Công ty ô tô Toyota Việt Nam (TMV) và Công ty Ô tô Toyota Châu Á Thái Bình Dương trụ sở Thái Lan (TMA(TH))                           |
| 153 | 153/NQ-HĐQT                  | 29/10/2024 | Về việc kiện toàn nhân sự Tiểu ban tổ chức nhân sự, Tiểu ban kiểm toán, Tiểu ban chiến lược                                                                                                                       |
| 154 | 154/NQ-HĐQT                  | 29/10/2024 | Về việc công tác nhân sự Giám đốc Chi nhánh VEAM tại Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                                                        |
| 155 | 155/NQ-HĐQT                  | 05/11/2024 | Về việc phân phối lợi nhuận năm 2023                                                                                                                                                                              |
| 156 | 156/NQ-HĐQT                  | 05/11/2024 | Về việc chi trả cổ tức năm 2023                                                                                                                                                                                   |
| 157 | 157/NQ-HĐQT                  | 07/11/2024 | Về việc kết quả thực hiện “Gói dịch vụ tư vấn luật để thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể, toàn diện về mặt pháp lý đối với Dự án Khu nhà ở Vạn Gia Phúc của NAKYCO”                                             |
| 158 | 158/NQ-HĐQT                  | 07/11/2024 | Về việc Kết quả thực hiện “Gói dịch vụ tư vấn luật để thực hiện rà soát, đánh giá pháp lý và tư vấn hướng xử lý đối với việc hợp tác, liên doanh giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo và Công ty Thái Bình” |
| 159 | 159/NQ-HĐQT                  | 12/11/2024 | Về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023, KH Quỹ tiền lương năm 2024 của Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM (VM)                                                                                                             |
| 160 | 160/NQ-HĐQT                  | 14/11/2024 | Về nội dung hợp Hội đồng thành viên Công ty TNHH Mekong Auto (MAC)                                                                                                                                                |
| 161 | 161/NQ-HĐQT                  | 18/11/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với Phó Viện trưởng và Kế toán trưởng Viện Công nghệ                                                                                                           |
| 162 | 162/NQ-HĐQT                  | 20/11/2024 | Về việc công tác nhân sự tại VEAM và Công ty CP Cơ khí Cổ Loa (CKCL)                                                                                                                                              |
| 163 | 163/NQ-HĐQT                  | 20/11/2024 | Về việc ký Thỏa thuận hỗ trợ chi phí cho các công cụ quảng cáo – Dự án hỗ trợ thương hiệu dịch vụ TMV với Công ty Toyota Motor Asia (Singapore) Pte.Ltd                                                           |
| 164 | 164/NQ-HĐQT                  | 20/11/2024 | Về việc giao dịch với Người có liên quan                                                                                                                                                                          |
| 165 | 165/NQ-HĐQT                  | 26/11/2024 | Về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023, Kế hoạch Quỹ tiền lương năm 2024 của Viện Công nghệ (VCN)                                                                                                                   |
| 166 | 166/NQ-HĐQT                  | 29/11/2024 | Về công tác mua sắm của Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh                                                                                                                                                           |
| 167 | 167/NQ-HĐQT                  | 02/12/2024 | Ý kiến chỉ đạo của HĐQT liên quan đến các Báo cáo của Nhóm ĐDV tại MAC                                                                                                                                            |
| 168 | 168/NQ-HĐQT                  | 03/12/2024 | Về nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quy chế hoạt động của HĐQT SVEAM                                                                                                                       |
| 169 | 169/NQ-HĐQT                  | 03/12/2024 | Về việc cập nhật danh mục rủi ro và rủi ro hàng đầu đến ngày 31/10/2024                                                                                                                                           |
| 170 | 170/NQ-HĐQT                  | 10/12/2024 | Về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 của Ban kiểm toán nội bộ                                                                                                                                     |
| 171 | 171/NQ-HĐQT                  | 10/12/2024 | Về việc phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 và thông qua Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Người quản lý, Người lao động tại Công ty mẹ – VEAM                            |
| 172 | 172/NQ-HĐQT                  | 12/12/2024 | Về việc giám sát tài chính đặc biệt từ Quý I/2023 đến Quý II năm 2024                                                                                                                                             |
| 173 | 173/NQ-HĐQT                  | 12/12/2024 | Về việc bổ nhiệm giám đốc Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC)                                                                                                                                     |
| 174 | 174/NQ-HĐQT                  | 17/12/2024 | Về việc giao dịch với Người có liên quan                                                                                                                                                                          |

| STT        | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung                                                                                                                                                             |
|------------|------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 175        | 175/NQ-HĐQT                  | 18/12/2024 | Về địa điểm, nhà cung cấp tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch năm 2025                                                        |
| 176        | 176/NQ-HĐQT                  | 26/12/2024 | Về việc công tác nhân sự tại Văn phòng HĐQT                                                                                                                          |
| 177        | 177/NQ-HĐQT                  | 26/12/2024 | Về việc ký 03 thỏa thuận giữa Công ty TNHH Toyota Việt Nam (TMV) và Toyota Motor Corporation (TMC)                                                                   |
| 178        | 178/NQ-HĐQT                  | 26/12/2024 | Về việc thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của VEAM                                                                     |
| 179        | 179/NQ-HĐQT                  | 26/12/2024 | Về nhân sự Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                                                                                                            |
| 180        | 180/NQ-HĐQT                  | 27/12/2024 | Về phương án nhân sự tại Văn phòng HĐQT                                                                                                                              |
| 181        | 181/NQ-HĐQT                  | 31/12/2024 | Về phê duyệt hệ thống ngân hàng giao dịch năm 2025                                                                                                                   |
| 182        | 182/NQ-HĐQT                  | 31/12/2024 | Về việc giao dịch với Người có liên quan                                                                                                                             |
| 183        | 183/NQ-HĐQT                  | 31/12/2024 | Về việc phê duyệt kế hoạch chi phí hoạt động của Văn phòng Công ty mẹ năm 2025                                                                                       |
| 184        | 184/NQ-HĐQT                  | 31/12/2024 | Về việc phê duyệt kế hoạch dòng tiền Văn phòng Công ty mẹ năm 2025 (tạm thời)                                                                                        |
| 185        | 185/NQ-HĐQT                  | 31/12/2024 | Về việc bổ nhiệm lại Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                                                                                                  |
| 186        | 186/NQ-HĐQT                  | 31/12/2024 | Về việc thông qua Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm 2024 và chương trình, kế hoạch công tác năm 2025 của HĐQT                 |
| QUYẾT ĐỊNH |                              |            |                                                                                                                                                                      |
| 1          | 01/QĐ-HĐQT                   | 04/10/2024 | Về việc ban hành KH lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh chức vụ lãnh đạo, quản lý tại VEAM                                                                         |
| 2          | 02/QĐ-HĐQT                   | 26/02/2024 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 14/6/2023 của HĐQT ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi Công ty mẹ |
| 3          | 03/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về việc xếp lương đối với Chủ tịch HĐQT VEAM                                                                                                                         |
| 4          | 04/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về việc xếp lương đối với Tổng Giám đốc VEAM                                                                                                                         |
| 5          | 05/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về thù lao đối với Thành viên HĐQT không chuyên trách VEAM                                                                                                           |
| 6          | 06/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về phụ cấp đối với Thành viên độc lập HĐQT VEAM                                                                                                                      |
| 7          | 07/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về phụ cấp đối với Thành viên độc lập HĐQT VEAM                                                                                                                      |
| 8          | 08/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về việc xếp lương đối với Trưởng Ban kiểm soát VEAM                                                                                                                  |
| 9          | 09/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về việc xếp lương đối với Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách VEAM                                                                                                 |
| 10         | 10/QĐ-HĐQT                   | 29/02/2024 | Về thù lao đối với Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách                                                                                                       |
| 11         | 11/QĐ-HĐQT                   | 18/3/2024  | Về việc cử Đoàn đi công tác nước ngoài                                                                                                                               |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian | Nội dung                                                                                                                                                                       |
|-----|------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 12  | 12/QĐ-HĐQT                   | 27/3/2024 | Về việc thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán việc thực hiện Hoạt động bán hàng, thu tiền tại Nhà máy Đức (VF)                                                               |
| 13  | 13/QĐ-HĐQT                   | 27/3/2024 | Về việc cử lại Người đại diện phần vốn VEAM tại HVN                                                                                                                            |
| 14  | 14/QĐ-HĐQT                   | 01/4/2024 | Về việc thành lập Ban tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024                                                                                                                   |
| 15  | 15/QĐ-HĐQT                   | 02/4/2024 | Về việc thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm tra kết quả thực hiện khuyến nghị sau Kiểm toán nội bộ Quy trình đầu tư tài chính ngắn hạn tại Nhà máy Đức (VF)                     |
| 16  | 16/QĐ-HĐQT                   | 03/4/2024 | Về việc thay đổi thành viên Tổ chỉ đạo thực hiện kết luận thanh tra (lần 8)                                                                                                    |
| 17  | 17/QĐ-HĐQT                   | 05/4/2024 | Về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo giải quyết các tồn tại, vướng mắc của Nhà máy ô tô VEAM (VM) (lần 04)                                                                  |
| 18  | 18/QĐ-HĐQT                   | 12/4/2024 | Về việc cử nhân sự tham gia Đoàn đi công tác nước ngoài                                                                                                                        |
| 19  | 19/QĐ-HĐQT                   | 22/4/2024 | Về cử lại Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1                                                                                                   |
| 20  | 20/QĐ-HĐQT                   | 22/4/2024 | Về việc cử lại Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty CP NAKYCO                                                                                                              |
| 21  | 21/QĐ-HĐQT                   | 03/5/2024 | Về việc giao ông Lê Minh Hưng tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty VEAM KOREA                                                      |
| 22  | 22/QĐ-HĐQT                   | 07/5/2024 | Về cử lại Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty CP Cơ khí Cổ Loa (CKCL)                                                                                                     |
| 23  | 23/QĐ-HĐQT                   | 13/5/2024 | Về việc thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ tại Nhà máy Ô tô VEAM (VM)                                                              |
| 24  | 24/QĐ-HĐQT                   | 20/5/2024 | Về việc cho thôi, bổ sung thành viên Ban chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc kinh doanh xe Changan và Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty TNHH Mekong Auto (lần 5) |
| 25  | 25/QĐ-HĐQT                   | 05/6/2024 | Về việc giao tạm thời Phụ trách Ban điều hành VEAM                                                                                                                             |
| 26  | 26/QĐ-HĐQT                   | 06/6/2024 | Về miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp                                                                                           |
| 27  | 27/QĐ-HĐQT                   | 06/6/2024 | Về miễn nhiệm chức vụ Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công                                                                                                     |
| 28  | 28/QĐ-HĐQT                   | 06/6/2024 | Về việc bổ nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp                                                                                            |
| 29  | 29/QĐ-HĐQT                   | 06/6/2024 | Về việc bổ nhiệm chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV DIESEL Sông Công                                                                                                      |
| 30  | 30/QĐ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng VEAM                                                                                                                                 |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian | Nội dung                                                                                                                               |
|-----|------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 31  | 31/QĐ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc giao Phụ trách kế toán VEAM                                                                                                    |
| 32  | 32/QĐ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc cho thôi làm Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1 (CKCX1)                                         |
| 33  | 33/QĐ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc cử Người đại diện phần vốn VEAM tại Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1 (CKCX1)                                                   |
| 34  | 34/QĐ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc bãi nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc VEAM đối với ông Phan Phạm Hà                                                                  |
| 35  | 35/QĐ-HĐQT                   | 10/6/2024 | Về việc bãi nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT SVEAM đối với ông Nghiêm Trọng Thắng                                                         |
| 36  | 36/QĐ-HĐQT                   | 18/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 đối với Thành viên HĐQT                                                        |
| 37  | 37/QĐ-HĐQT                   | 18/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 đối với Thành viên Ban kiểm soát                                               |
| 38  | 38/QĐ-HĐQT                   | 19/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với Thành viên Ban điều hành VEAM                                                   |
| 39  | 39/QĐ-HĐQT                   | 19/6/2024 | Về việc đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với nhân sự Văn phòng HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ thuộc thẩm quyền đánh giá của HĐQT |
| 40  | 40/QĐ-HĐQT                   | 20/6/2024 | Về việc bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam -CTCP                                     |
| 41  | 41/QĐ-HĐQT                   | 20/6/2024 | Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp                                                                                         |
| 42  | 42/QĐ-HĐQT                   | 21/6/2024 | Về việc xếp lương đối với ông Vũ Phong Hải                                                                                             |
| 43  | 43/QĐ-HĐQT                   | 21/6/2024 | Về việc thôi Phụ trách Ban điều hành Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP                                      |
| 44  | 44/QĐ-HĐQT                   | 21/6/2024 | Về việc xếp trả lương đối với Phụ trách Ban điều hành                                                                                  |
| 45  | 45/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về việc xếp lương đối với Chủ tịch HĐQT VEAM                                                                                           |
| 46  | 46/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về việc xếp lương đối với Tổng Giám đốc VEAM                                                                                           |
| 47  | 47/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về việc xếp lương đối với thành viên HĐQT chuyên trách VEAM                                                                            |
| 48  | 48/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về thù lao đối với Thành viên độc lập HĐQT VEAM                                                                                        |
| 49  | 49/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về thù lao đối với Thành viên độc lập HĐQT VEAM                                                                                        |
| 50  | 50/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về thù lao đối với Thành viên HĐQT không chuyên trách VEAM                                                                             |
| 51  | 51/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về xếp lương đối với Trưởng Ban kiểm soát VEAM                                                                                         |
| 52  | 52/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024 | Về xếp lương đối với Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách VEAM                                                                        |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Thời gian  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 53  | 53/QĐ-HĐQT                   | 09/7/2024  | Về xếp lương đối với Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách VEAM                                                                                                                                                        |
| 54  | 54/QĐ-HĐQT                   | 11/7/2024  | Về việc cập nhật Ban chỉ đạo hoàn thiện quy chế nội bộ VEAM                                                                                                                                                                  |
| 55  | 55/QĐ-HĐQT                   | 16/7/2024  | Về việc thay đổi thành viên Tổ chỉ đạo thực hiện Kết luận thanh tra                                                                                                                                                          |
| 56  | 56/QĐ-HĐQT                   | 22/7/2024  | Về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo giải quyết các tồn tại vướng mắc của Nhà máy Ô tô VEAM (VM)                                                                                                                          |
| 57  | 57/QĐ-HĐQT                   | 25/7/2024  | Về việc thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán việc thực hiện Hoạt động quản lý tài sản: Hoạt động tiếp nhận và bàn giao tài sản; Hoạt động sử dụng và quản lý tài sản; Hoạt động thanh lý tài sản tại Viện Công nghệ (VCN) |
| 58  | 58/QĐ-HĐQT                   | 27/8/2024  | Về việc điều chỉnh, cập nhật thành viên Ban chỉ đạo xây dựng Đề án tái cơ cấu VEAM (lần 5)                                                                                                                                   |
| 59  | 59/QĐ-HĐQT                   | 27/8/2024  | Về việc điều chỉnh, cập nhật thành viên Ban chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến việc kinh doanh xe Changan và Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty TNHH Mekong Auto (lần 6)                                            |
| 60  | 60/QĐ-HĐQT                   | 30/8/2024  | Về việc cử Người đại diện vốn VEAM tại Công ty TNHH Mekong Auto (MAC)                                                                                                                                                        |
| 61  | 61/QĐ-HĐQT                   | 10/9/2024  | Về việc thành lập Tổ kiểm toán nội bộ kiểm toán việc thực hiện Chương trình đầu tư công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (DISOCO)                                                                                                |
| 62  | 62/QĐ-HĐQT                   | 17/9/2024  | Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ngày 20/6/2023 của HĐQT ban hành Quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại Công ty mẹ                                                               |
| 63  | 63/QĐ-HĐQT                   | 18/9/2024  | Về việc nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí đối với ông Hoàng Văn Minh                                                                                                                                                            |
| 64  | 64/QĐ-HĐQT                   | 27/9/2024  | Về việc kiện toàn nhân sự Ban chỉ đạo hoàn thiện quy chế nội bộ của VEAM                                                                                                                                                     |
| 65  | 65/QĐ-HĐQT                   | 27/9/2024  | Về việc bổ nhiệm lại ông Lê Minh Quy giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VEAM                                                                                                                                                      |
| 66  | 66/QĐ-HĐQT                   | 14/10/2024 | Về việc nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng năm 2023 đối với Người quản lý, Kiểm soát viên Công ty do VEAM nắm giữ 100% vốn điều lệ và Người đại diện phần vốn VEAM                                                      |
| 67  | 67/QĐ-HĐQT                   | 21/11/2024 | Về công tác nhân sự Người đại diện vốn VEAM tại Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa                                                                                                                                                |
| 68  | 68/QĐ-HĐQT                   | 21/11/2024 | Về việc điều động nhân sự                                                                                                                                                                                                    |
| 69  | 69/QĐ-HĐQT                   | 30/12/2024 | Về việc bổ nhiệm chức vụ Phó Chánh VP HĐQT                                                                                                                                                                                   |
| 70  | 70/QĐ-HĐQT                   | 31/12/2024 | Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động 2025 của HĐQT                                                                                                                                                                           |

# HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT VÀ CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

## Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Hội đồng quản trị VEAM có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị và là những thành viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý quản trị các tổng công ty lớn. Trong năm 2024, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã đưa ra các ý kiến đóng góp phát huy được vai trò độc lập là bảo vệ được quyền lợi VEAM và thực hiện việc kiểm soát hoạt động của bộ máy quản lý và điều hành doanh nghiệp.

## Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT

- Tiểu ban Tổ chức Nhân sự có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp HĐQT trong việc cơ cấu tổ chức, chuẩn bị nhân sự và xử lý các vấn đề liên quan đến nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát và các nhân sự thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, hoặc cho ý kiến chấp thuận của HĐQT. Trong năm 2024, Tiểu ban nhân sự đã tham mưu HĐQT trong việc tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với người quản lý doanh nghiệp và các công tác nhân sự khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Tiểu ban Kiểm toán có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp HĐQT trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về tài chính kế toán.
- Tiểu ban Chiến lược có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp HĐQT trong việc hoạch định chiến lược kinh doanh, đầu tư phát triển của VEAM.
- Các Tiểu ban cơ bản đã phát huy vai trò tham mưu HĐQT trong công tác quản trị, giám sát hoạt động điều hành đảm bảo tính khách quan, độc lập trong các quyết định của HĐQT.

## Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Hội đồng quản trị. Các hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trong năm 2024, cụ thể:

- Thực hiện kiểm toán nội bộ tại các công ty con của VEAM theo kế hoạch kiểm toán nội bộ được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Nghị quyết số 180/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 12 năm 2023.
- Thực hiện rà soát/đánh giá/kiểm tra kết quả thực hiện khuyến nghị của Ban tại các đơn vị được kiểm toán từ năm 2021 đến năm 2024 và tổng hợp tình hình thực hiện khuyến nghị của các đơn vị, báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ theo quý.

- Chỉ ra các phát hiện có nguy cơ rủi ro trong các cuộc kiểm toán nhằm đưa ra cảnh báo giúp các đơn vị chủ động rà soát và đưa ra các biện pháp phòng tránh.
- Liên tục cập nhật, thu thập tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành để cập nhật danh mục rủi ro, rủi ro hàng đầu làm cơ sở cho việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025.
- Tự đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.
- Ngoài các công việc nêu trên, Ban Kiểm toán nội bộ còn thực hiện chức năng tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị.

# DANH SÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2024

Trong năm 2024, VEAM đã tổ chức khóa đào tạo “Tập huấn Quy định mới Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 và Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đấu thầu” nhằm nâng cao năng lực của Cán bộ nhân viên VEAM.

# BAN KIỂM SOÁT

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên               | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|--------------------------|------------|-------------------------------------------|---------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Phương Lan | Trưởng ban | 24/6/2022                                 | Cử nhân kinh tế     |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Diên       | Thành viên | 24/6/2022                                 | Cử nhân kinh tế     |
| 3   | Bà Lê Thị Thanh Bình     | Thành viên | 24/6/2022                                 | Cử nhân kinh tế     |

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS           | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết |
|-----|--------------------------|---------------------|-------------------|------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Phương Lan | 04/04               | 100%              | 100%             |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Diên       | 04/04               | 100%              | 100%             |

|   |                      |       |      |      |
|---|----------------------|-------|------|------|
| 3 | Bà Lê Thị Thanh Bình | 04/04 | 100% | 100% |
|---|----------------------|-------|------|------|

# HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

**Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ VEAM và Luật Doanh nghiệp như sau:**

- Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp mở rộng của HĐQT, giám sát việc ban hành của các nghị quyết, quyết định của HĐQT, quyết định của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của VEAM.

- Ban hành 04 văn bản gửi HĐQT và Tổng Giám đốc về báo cáo đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị VEAM năm 2023 và quý I, II, III/2024. Kiến nghị và đề xuất với HĐQT và Ban điều hành về kết quả hoạt động SXKD của Công ty mẹ và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT VEAM năm 2023 và quý I, II, III/2024.

- Tổ chức 04 cuộc họp lấy ý kiến của các thành viên về việc:
  - Thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 và 6 tháng năm 2024; thông qua nội dung dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán tài chính năm 2024. Xem xét, thảo luận báo cáo kết quả hoạt động SXKD và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT 06 tháng đầu năm 2024 của VEAM.

- Xem xét, thảo luận “Thẩm định báo cáo tài chính bán niên năm 2024 của VEAM”.

- Ban kiểm soát đã làm việc với Ban Tài chính Kế toán và Công ty Kiểm toán và tư vấn UHY xem xét và trao đổi một số vấn đề còn tồn tại trong kỳ hoạt động báo cáo tài chính cho năm tài chính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 của các Chi nhánh, Văn phòng Công ty mẹ và Hợp nhất.

- Trong kỳ Ban kiểm soát cùng Ban kiểm toán nội bộ kiểm toán tình hình thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ tại Nhà máy ô tô VEAM (VM); thực hiện hoạt động bán hàng, thu tiền tại Nhà máy Đức (VF) và thực hiện quản lý tài sản: Quy trình nhận và bàn giao tài sản; Quy trình sử dụng và quản lý tài sản: Quy trình thanh lý tài sản tại Viện Công nghệ; thực hiện chương trình đầu tư tại DISOCO.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban kiểm soát đã nhận được các thông tin và các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Báo cáo hoạt động SXKD VEAM năm 2023 của Ban điều hành, Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán và BCTC tự lập quý I, II,III/2024 của VEAM và các Công ty VEAM tham gia góp vốn. Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành, trên cơ sở đó kịp thời giám sát hoạt động của VEAM. Ban kiểm soát duy trì sự độc lập trong hoạt động kiểm soát giám sát của mình

### HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS (nếu có)

Không có

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 20/6/2024, việc chi trả tiền lương, thù lao đối với HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

| TT | Chức vụ                          | Kế hoạch năm 2024 |                               | Thực hiện năm 2024 |                               | Số tháng | Tỷ lệ (TH/KH) |
|----|----------------------------------|-------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|----------|---------------|
|    |                                  | Số lượng          | Lương và thù lao (triệu đồng) | Số lượng           | Lương và thù lao (triệu đồng) |          |               |
| 1  | Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 10                | 10.134,72                     | 8,5                | 7.908,44                      | 12       | 78,03%        |

Kết quả thực hiện Quỹ tiền lương năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát thấp hơn so với Quỹ lương kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên 2024 thông qua.

#### Thù lao và các khoản lợi ích của Ban điều hành

Quỹ lương của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng VEAM năm 2024 đã chi trả thấp hơn kế hoạch được HĐQT phê duyệt như sau:

| TT | Chức vụ                           | Kế hoạch năm 2024 |                               | Thực hiện năm 2024 |                               | Số tháng | Tỷ lệ (TH/KH) |
|----|-----------------------------------|-------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------------|----------|---------------|
|    |                                   | Số lượng          | Lương và thù lao (triệu đồng) | Số lượng           | Lương và thù lao (triệu đồng) |          |               |
| 1  | Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng | 06                | 8.942,4                       | 3                  | 3.760,67                      | 12       | 42,05%        |

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

## HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                          | Mối quan hệ liên quan với công ty   | Thời điểm giao dịch với công ty    | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (VNĐ)                                                             |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Tạp chí Công Thương                                          | Đơn vị cùng chủ sở hữu              | Tháng 01/2024                      | Nghị quyết số 05/ NQ-HĐQT ngày 16/01/2024              | Hợp đồng giữa VEAM và Tạp chí Công Thương giá trị 216 triệu đồng                                             |
| 2   | Ngân hàng SeABank                                            | Người có liên quan của Người nội bộ | Tháng 01/2024                      | Nghị quyết số 10/NQ- HĐQT ngày 18/01/2024              | Hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank giá trị 80 tỷ đồng                                          |
| 3   | Ngân hàng SeABank                                            | Người có liên quan của Người nội bộ | Tháng 01/2024                      | Nghị quyết số 11/ NQ-HĐQT ngày 23/01/2024              | Hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank bao gồm:<br>-Hội sở: 525 tỷ đồng<br>-CN Hà Nội: 50 tỷ đồng  |
| 4   | Ngân hàng SeABank                                            | Người có liên quan của Người nội bộ | Tháng 01/2024                      | Nghị quyết số 15/ NQ-HĐQT ngày 29/01/2024              | Hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank bao gồm:<br>-Hội sở: 595 tỷ đồng<br>-CN Hà Nội: 25 tỷ đồng  |
| 5   | Ngân hàng SeABank                                            | Người có liên quan của Người nội bộ | Tháng 02/2024                      | Nghị quyết số 23/ NQ-HĐQT ngày 07/02/2024              | Hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank bao gồm:<br>-Hội sở: 200 tỷ đồng<br>-CN Hà Nội: 535 tỷ đồng |
| 6   | Ngân hàng SeAbank                                            | Người có liên quan của Người nội bộ | Tháng 5/2024                       | Nghị quyết số 62/ NQ-HĐQT ngày 02/5/2024               | Hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank bao gồm:<br>-Hội sở: 07 tỷ đồng<br>-CN Hà Nội: 370 tỷ đồng  |
| 7   | Ngân hàng SeAbank                                            | Người có liên quan của Người nội bộ | Tháng 5/2024                       | Nghị quyết số 72/NQ- HĐQT ngày 14/5/2024               | Hợp đồng tiền gửi giữa VEAM và Ngân hàng SeABank giá trị 15 tỷ đồng                                          |
| 8   | Báo Công Thương                                              | Đơn vị cùng chủ sở hữu              | Từ tháng 10/2024 đến tháng 10/2025 | Nghị quyết số 132/ NQ-HĐQT ngày 24/9/2024              | Hợp đồng giữa VEAM và Báo Công Thương giá trị 220 triệu đồng                                                 |
| 9   | Tạp chí Công Thương                                          | Đơn vị cùng chủ sở hữu              | Tháng 12/2024                      | Nghị quyết số 174/ NQ-HĐQT ngày 17/12/2024             | Hợp đồng giữa VEAM và Tạp chí Công Thương giá trị 95.040.000 đồng                                            |
| 10  | Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp miền Nam (SVEAM) | Người có liên quan của Người nội bộ | Tháng 12/2024                      | Nghị quyết số 182/ NQ-HĐQT ngày 31/12/2024             | Hợp đồng thuê kho giữa VEAM và SVEAM giá trị 99.600.000 đồng                                                 |

# ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Ngày 24 tháng 01 năm 2017, VEAM chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng quy mô lớn. Cơ cấu tổ chức và quản trị công ty được thiết lập và tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật liên quan.

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Điều lệ, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã hoàn thành các quyền, nghĩa vụ theo Điều lệ, Luật doanh nghiệp và các nội dung công việc theo chương trình, kế hoạch công tác năm 2024:



- Việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp (Điều 153), Điều lệ VEAM (Điều 27), HĐQT đã cơ bản thực hiện hoàn thành 12/21 nhiệm vụ, có 09 nhiệm vụ không đánh giá do không triển khai thực hiện tại VEAM trong năm 2024.
- Công ty đã xây dựng Điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tuân thủ Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Doanh nghiệp năm 2020, các quy định liên quan và phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của Công ty; được ĐHĐCĐ thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2024.



- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tổ chức ĐHĐCĐ thường niên tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Hội đồng quản trị đã có Báo cáo hoạt động trình ĐHĐCĐ thường niên tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin cho cổ đông và công chúng và Quy chế về công bố thông tin của công ty được ban hành theo Quyết định số 58/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng quản trị VEAM



- Công ty đã thực hiện báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. Công ty đã báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ tháng theo quy định.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác thực hiện đầy đủ trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp.

- Hệ thống quản trị VEAM được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban điều hành luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng.



# PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đánh giá của Ban điều hành

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



# ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

## Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Với hệ thống quản lý hiện nay, hoạt động kiểm soát các chỉ tiêu môi trường đã đem lại hiệu quả bên cạnh việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Hằng năm, các nhà máy của VEAM đều thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch sử dụng năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng, tại Nhà máy Đức còn định kỳ thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định

Chất thải công nghiệp thông thường của Nhà máy Đức (chủ yếu là bụi cát, xi) được tái sử dụng làm gạch không nung và chuyển giao cho đơn vị có chức năng hóa rắn thành gạch block, giảm phát thải tối đa ra môi trường. Chất thải nguy hại được thu gom, chuyển giao và xử lý đúng quy định của pháp luật về môi trường.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- VEAM chấp hành đầy đủ các quy định về an toàn lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động.
- Người lao động được tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ và đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.
- Thu nhập của người lao động được duy trì ổn định. Việc chi trả lương hàng tháng đúng quy định, quy chế ban hành.
- VEAM luôn đảm bảo các hoạt động phúc lợi cho Người lao động, quan tâm đến đời sống và chất lượng cuộc sống của Người lao động; hỗ trợ các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài VEAM.
- Người lao động được khuyến khích tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực và tạo điều kiện về thời gian học. VEAM tổ chức đào tạo theo nhu cầu đào tạo của các bộ phận trong VEAM và hỗ trợ công tác đào tạo cho các đơn vị thành viên để nâng cao năng lực phục vụ nhu cầu công việc

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương



Với tiêu chí hướng tới cộng đồng và năng lực về nhân lực, vật lực, VEAM luôn tích cực tham gia đóng góp cho cộng đồng, thể hiện vai trò, trách nhiệm hàng đầu của doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên, VEAM luôn là đơn vị đi đầu trong các hoạt động hỗ trợ, ủng hộ khắc phục hậu quả bão lũ, phòng chống dịch bệnh, đến ơn đáp nghĩa. Bên cạnh những hỗ trợ bằng vật chất thiết thực, VEAM còn hỗ trợ bằng chính các sản phẩm do VEAM sản xuất như máy kéo và các máy móc nông nghiệp khác để giúp người dân có phương tiện phát triển sản xuất, thoát nghèo bền vững.

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp (thông qua việc sử dụng dầu DO và gas LPG) của VF là: 119,633 tấn CO<sub>2</sub>. Tổng phát thải khí nhà kính gián tiếp (qua sử dụng điện, giấy) là: 7.743,470 tấn CO<sub>2</sub> (Hệ số phát thải của lưới điện Việt Nam năm 2023 là 0,6592 tCO<sub>2</sub>/MWh được công bố theo văn bản số 1726/BĐKH-PTCBT ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Cục Biến đổi Khí hậu – Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Năm 2019, VF đã lắp hệ thống pin năng lượng mặt trời có công suất 32.000 kWh. Tổng lượng điện tiết kiệm được (do hệ thống điện mặt trời sản xuất được) trong năm 2024 là 30.440 kWh. Giảm phát thải khí nhà kính là: 20,066 tấn CO<sub>2</sub>.

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

### Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính là lắp ráp và kinh doanh ô tô, đúc chi tiết. Nguyên vật liệu chính để sản xuất là sắt, thép, gang các loại.

Nhà máy ô tô VEAM (VM) chủ yếu sử dụng các bộ linh kiện nhập khẩu và một số vật tư sơn, hóa chất,... trong dây chuyền hàn, sơn, lắp ráp. Trong năm, sử dụng 157 bộ linh kiện CKD để sản xuất, nhập kho xe thành phẩm; khoảng 20.100 lít xăng, dầu các loại phục vụ hoạt động sản xuất, gia công, bảo quản xe thành phẩm; khoảng 31 tấn sơn, dung môi, hóa chất các loại phục vụ hoạt động sản xuất, gia công. Ngoài ra Nhà máy sử dụng khoảng 4 nghìn m<sup>3</sup> gas phục vụ cho hoạt động sản xuất.

Nhà máy Đức VEAM (VF) sử dụng các loại nguyên liệu gồm: Thép vụn, gang thỏi, gang lỏng máy, fero các loại và một số loại vật tư khác sử dụng trong ngành đúc. Tổng lượng vật tư nấu luyện trong năm 2024 khoảng 9.557 tấn/năm, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2023.

### Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Chất thải công nghiệp thông thường của VF (chủ yếu là bụi cát, xi) được chuyển giao cho đơn vị có chức năng hóa rắn thành gạch block, giảm phát thải tối đa ra môi trường. Chất thải nguy hại được thu gom, chuyển giao và xử lý đúng quy định của pháp luật về môi trường.

## Tiêu thụ năng lượng

### Tiêu thụ năng lượng trực tiếp và gián tiếp

Trong năm 2024, tổng lượng điện VF tiêu thụ là 11,747 triệu kwh, tổng lượng điện VM tiêu thụ là 1,46 triệu kwh. Tổng lượng dầu DO mà VF sử dụng là 22.390 lít và tổng lượng gas LPG là 21.200 kg.

### Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Hệ thống lò nấu luyện của VF sử dụng là hệ thống lò cảm ứng trung tần, công nghệ tiên tiến được nhập khẩu từ Úc/Đài Loan, tiết kiệm điện năng.

### Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

Từ năm 2019, VF đã lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời có công suất 32.000 kWh. Tổng lượng điện tiết kiệm được (do hệ thống điện mặt trời sản xuất được) trong năm 2024 là 30.440 kWh.

Hằng năm, VF thực hiện nghiêm túc việc lập kế hoạch sử dụng năng lượng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng, định kỳ thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định

## Tiêu thụ nước

### Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn nước cung cấp cho VM chủ yếu khai thác từ nguồn nước giếng khoan và một phần nước máy tiêu thụ từ nguồn nước của thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa. Nguồn nước cung cấp cho VF là nước thủy cục do nhà máy nước của Khu công nghiệp cung cấp. Trong năm 2024, tổng lượng nước VM và VF sử dụng là 18.695 m3.

### Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

VM có trạm xử lý nước thải và thực hiện xử lý nước thải theo đúng quy định pháp luật.

VF có hệ thống nước thải được đầu nối trực tiếp vào hệ thống của khu công nghiệp, khu công nghiệp thực hiện quan trắc định kỳ theo quy định (VF không phát sinh nước thải từ sản xuất).

## Tuân thủ pháp luật về môi trường

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có.

Tổng số tiền bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có.

## Chính sách liên quan đến người lao động

### Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

| Chỉ tiêu                               | 2023       | 2024       |
|----------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng người lao động (người)        | 668        | 650        |
| Mức lương bình quân (đồng/người/tháng) | 17.118.718 | 16.031.058 |

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn, phúc lợi của người lao động

- Chấp hành đầy đủ các quy định về an toàn lao động theo quy định tại Bộ Luật lao động và Luật an toàn vệ sinh lao động;
- Tham gia đóng Bảo hiểm đầy đủ và đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.
- Đảm bảo chi trả lương hàng tháng đúng Quy định/Quy chế ban hành;
- Đảm bảo các hoạt động phúc lợi cho Người lao động, quan tâm đến đời sống và chất lượng cuộc sống của Người lao động; hỗ trợ người lao động, tổ chức có hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài VEAM.



### Hoạt động đào tạo người lao động

- Tổ chức đào tạo theo nhu cầu đào tạo của các Văn phòng/Ban trong VEAM và hỗ trợ công tác đào tạo cho các đơn vị để nâng cao năng lực phục vụ nhu cầu công việc;
- Người lao động được Ban lãnh đạo VEAM khuyến khích tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực và tạo điều kiện về thời gian học.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

VEAM luôn là đơn vị đi đầu trong các hoạt động hỗ trợ, ủng hộ khắc phục hậu quả bão lũ, phòng chống dịch bệnh, đền ơn đáp nghĩa. Bên cạnh những hỗ trợ bằng vật chất thiết thực, VEAM còn hỗ trợ bằng chính các sản phẩm do VEAM sản xuất như máy kéo và các máy móc nông nghiệp khác để giúp người nông dân có phương tiện phát triển sản xuất, thoát nghèo bền vững.

Trong tháng 11 và tháng 12 năm 2024, VEAM triển khai Chương trình từ thiện trao tặng máy nông nghiệp cho đồng bào gặp khó khăn bởi thiên tai bão lũ và hộ nghèo tại các địa phương trên toàn quốc theo Nghị quyết số 170/NQ-HDQT ngày 30 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng quản trị.

Đoàn từ thiện gồm Công đoàn, Đoàn thanh niên và các phòng/ban chức năng VEAM đã trao 180 máy kéo theo đúng kế hoạch và giao thêm 04 máy theo đề xuất của Ban Kinh doanh và Phát triển thị trường, tổng số 184 máy kéo đã được bàn giao cho người dân đúng đối tượng tại 09 tỉnh thành như: Lào Cai, Phú Thọ, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Ngãi, Điện Biên.

Trong thời gian triển khai Chương trình từ thiện, từng thành viên trong đoàn đã không quản nắng mưa, ngày nghỉ, Tết dương lịch để đảm bảo công tác chuẩn bị hồ sơ, thủ tục trao máy cho người dân gặp khó khăn bởi thiên tai, bão lũ, hộ nghèo tại các địa phương trên toàn quốc đúng đối tượng và thời gian cam kết.

Với cố gắng, nỗ lực hoàn thành tốt chương trình được giao trên, Đoàn từ thiện trao tặng máy đã được Tổng Giám đốc, Hội đồng thi đua khen thưởng Tổng công ty xem xét và khen thưởng vì những thành tích đã đạt được./.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

08



**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC  
VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**

**MỤC LỤC**

| <b><u>NỘI DUNG</u></b>                        | <b><u>TRANG</u></b> |
|-----------------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 2 - 3               |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 4 - 6               |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 7 - 8               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 9                   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 10 - 11             |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 12 - 54             |

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP ("Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                        |               |                              |
|------------------------|---------------|------------------------------|
| Ông Ngô Khải Hoàn      | Chủ tịch HĐQT | Bầu từ ngày 20/6/2024        |
| Ông Nguyễn Khắc Hải    | Chủ tịch HĐQT | Miễn nhiệm từ ngày 20/6/2024 |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên    | Bầu từ ngày 20/6/2024        |
| Ông Phan Phạm Hà       | Thành viên    | Bãi nhiệm từ ngày 20/6/2024  |
| Bà Nguyễn Thị Nga      | Thành viên    | Miễn nhiệm từ ngày 20/6/2024 |
| Ông Nguyễn Tiến Vy     | Thành viên    |                              |
| Ông Phan Kim Khoa      | Thành viên    |                              |
| Bà Nguyễn Thị Hoa      | Thành viên    | Bầu từ ngày 20/6/2024        |
| Bà Trần Thị Nguyệt     | Thành viên    | Bầu từ ngày 20/6/2024        |

#### **Ban Tổng Giám đốc**

|                        |                   |                             |
|------------------------|-------------------|-----------------------------|
| Ông Nguyễn Hoàng Giang | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm từ ngày 20/6/2024  |
| Ông Phan Phạm Hà       | Tổng Giám đốc     | Bãi nhiệm từ ngày 20/6/2024 |
| Ông Lê Minh Quy        | Phó Tổng Giám đốc |                             |
| Ông Phạm Anh Tuấn      | Phó Tổng Giám đốc |                             |

#### **Ban Kiểm soát**

|                          |            |
|--------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Phương Lan | Trưởng ban |
| Bà Nguyễn Thị Diên       | Thành viên |
| Bà Lê Thị Thanh Bình     | Thành viên |

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Giang - Tổng Giám đốc.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Giang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 258/2025/UHY - BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 24/3/2025, từ trang 7 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi đối với các khoản phải thu đã quá hạn thanh toán với giá trị 40.690.090.263 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 44.173.318.013 đồng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến đánh giá về khả năng thu hồi các khoản phải thu trên cũng như xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty không.

Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 82.294.646.160 đồng (giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển tại ngày 01/01/2024 là 106.818.758.390 đồng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đưa ra ý kiến đánh giá về giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho chậm luân chuyển này cũng như không xác định được giá trị cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty.

Tại ngày 31/12/2024, một số khoản chi phí treo lại chờ xử lý với giá trị là 481.868.382.941 đồng (bao gồm: chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sản xuất ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ ("Matexim")) đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá về khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai liên quan đến các khoản chi phí đang treo lại này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục chi phí trả trước, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cũng như các chỉ tiêu khác có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung đang tồn đọng, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Dự án "Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ", được phê duyệt chủ trương theo Nghị quyết số 23/NQ-VEAM/HĐTV ngày 31/07/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Thời gian thực hiện dự án từ quý IV/2016 đến quý I/2023. Trong năm 2024 và tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa hoàn tất các thủ tục gia hạn dự án, dự án cũng không phát sinh các hoạt động triển khai cũng như nghiệm thu.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, liên quan đến vấn đề tiền thuê đất tại Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam ("SVEAM"). SVEAM hiện đang tạm ghi nhận tiền thuê đất theo Văn bản số 6366/STNMT-QH ngày 16/08/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai mà chưa phản ánh theo các Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. SVEAM đã gửi các Công văn đến các cơ quan có thẩm quyền để kiến nghị được tiếp tục áp dụng đơn giá thuê đất theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, kết quả kiến nghị vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phản hồi. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề nêu trên.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đến ngày lập báo cáo này, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam chính thức chuyển thành công ty con phần.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (là Công ty con của Tổng Công ty) chưa ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư tài chính Thái Bình Dương với giá trị 40 tỷ đồng do không có đủ cơ sở hồ sơ tài liệu từ các đối tác liên quan.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Nguyễn Văn Hải**  
Giám đốc kiểm toán  
GCN ĐKHN kiểm toán số 1395-2023-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

**Phạm Thị Thảo**  
Kiểm toán viên  
GCN ĐKHN kiểm toán số 2465-2023-112-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

| TÀI SẢN                                  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2024<br>VND         | 01/01/2024<br>VND         |
|------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>18.721.872.715.582</b> | <b>19.149.635.267.594</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền       | 110        | 5           | 411.763.339.601           | 358.402.283.328           |
| Tiền                                     | 111        |             | 262.076.518.638           | 215.652.283.328           |
| Các khoản tương đương tiền               | 112        |             | 149.686.820.963           | 142.750.000.000           |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn      | 120        | 7           | 13.098.359.931.765        | 12.887.685.046.833        |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          | 123        |             | 13.098.359.931.765        | 12.887.685.046.833        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn              | 130        |             | 3.831.834.101.297         | 4.465.886.240.368         |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 131        | 6           | 924.710.726.837           | 866.369.605.590           |
| Trà trước cho người bán ngắn hạn         | 132        | 11          | 199.911.879.299           | 196.303.538.152           |
| Các khoản phải thu khác                  | 136        | 8           | 3.342.143.271.731         | 4.037.146.459.165         |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       | 137        | 9           | (645.022.225.505)         | (644.557.210.596)         |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                  | 139        | 12          | 10.090.448.935            | 10.623.848.057            |
| Hàng tồn kho                             | 140        | 10          | 1.250.893.782.055         | 1.283.928.194.777         |
| Hàng tồn kho                             | 141        |             | 1.783.217.465.405         | 1.818.490.726.061         |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho           | 149        |             | (532.323.683.350)         | (534.562.531.284)         |
| Tài sản ngắn hạn khác                    | 150        |             | 129.021.560.864           | 153.733.502.288           |
| Chi phí trả trước ngắn hạn               | 151        | 13          | 22.246.209.212            | 23.981.897.292            |
| Thuế GTGT được khấu trừ                  | 152        |             | 105.406.635.534           | 126.801.188.643           |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153        | 18          | 1.368.716.118             | 2.950.416.353             |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>8.821.302.441.007</b>  | <b>7.986.577.660.739</b>  |
| Các khoản phải thu dài hạn               | 210        |             | 11.397.282.463            | 11.778.615.369            |
| Phải thu dài hạn khác                    | 216        | 8           | 11.397.282.463            | 11.778.615.369            |
| Tài sản cố định                          | 220        |             | 1.422.994.933.713         | 1.591.332.126.967         |
| Tài sản cố định hữu hình                 | 221        | 15          | 1.346.573.523.069         | 1.519.433.570.683         |
| - Nguyên giá                             | 222        |             | 5.490.377.771.469         | 5.420.622.462.694         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                 | 223        |             | (4.143.804.248.400)       | (3.901.188.892.011)       |
| Tài sản cố định vô hình                  | 227        | 16          | 76.421.410.644            | 71.898.556.284            |
| - Nguyên giá                             | 228        |             | 126.143.312.285           | 119.477.689.213           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                 | 229        |             | (49.721.901.641)          | (47.579.132.929)          |
| Tài sản dở dang dài hạn                  | 240        |             | 84.264.630.728            | 100.381.141.413           |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang          | 242        | 14          | 84.264.630.728            | 100.381.141.413           |
| Đầu tư tài chính dài hạn                 | 250        | 7           | 6.702.867.363.467         | 5.719.500.199.422         |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh  | 252        |             | 6.637.703.566.709         | 5.653.036.402.664         |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác           | 253        |             | 66.313.796.758            | 66.313.796.758            |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn        | 254        |             | (1.150.000.000)           | (1.850.000.000)           |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          | 255        |             | -                         | 2.000.000.000             |
| Tài sản dài hạn khác                     | 260        |             | 599.778.230.636           | 563.585.577.568           |
| Chi phí trả trước dài hạn                | 261        | 13          | 599.731.002.480           | 563.518.636.840           |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại           | 262        |             | 47.228.156                | 66.940.728                |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                 | <b>270</b> |             | <b>27.543.175.156.589</b> | <b>27.136.212.928.333</b> |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2024<br>VND         | 01/01/2024<br>VND         |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>1.294.986.180.575</b>  | <b>1.407.071.676.382</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                              | <b>310</b> |             | <b>1.244.150.877.196</b>  | <b>1.349.879.008.779</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn                     | 311        | 17          | 340.373.144.675           | 334.459.165.753           |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn               | 312        | 21          | 18.556.396.566            | 18.203.602.883            |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước             | 313        | 18          | 75.821.955.160            | 161.952.926.399           |
| Phải trả người lao động                         | 314        |             | 205.376.535.149           | 240.197.832.193           |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                       | 315        | 19          | 87.814.155.588            | 88.519.707.645            |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn               | 318        | 22          | 5.590.244.794             | 4.347.575.282             |
| Phải trả ngắn hạn khác                          | 319        | 20          | 170.513.758.155           | 163.336.201.709           |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | 24          | 127.155.668.919           | 142.815.136.981           |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        | 23          | 2.741.235.680             | 13.387.838.113            |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        |             | 210.207.782.510           | 182.659.021.821           |
| <b>Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>50.835.303.379</b>     | <b>57.192.667.603</b>     |
| Người mua trả tiền trước dài hạn                | 332        | 21          | 395.155.522               | 412.933.300               |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                | 336        | 22          | 7.101.536.907             | 10.811.070.459            |
| Phải trả dài hạn khác                           | 337        | 20          | 1.679.207.300             | 2.204.147.300             |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | 40.884.721.176            | 43.603.426.328            |
| Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        | 23          | 774.682.474               | 161.090.216               |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                           | <b>400</b> |             | <b>26.248.188.976.014</b> | <b>25.729.141.251.951</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                           | <b>410</b> | <b>25</b>   | <b>26.245.710.543.446</b> | <b>25.725.435.823.535</b> |
| Vốn góp của chủ sở hữu                          | 411        |             | 13.288.000.000.000        | 13.288.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 13.288.000.000.000        | 13.288.000.000.000        |
| Vốn khác của chủ sở hữu                         | 414        |             | 27.089.186.656            | 27.089.186.656            |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản                 | 416        |             | (71.424.341.027)          | (71.424.341.027)          |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái                      | 417        |             | 4.360.314.104             | 4.262.630.249             |
| Quỹ đầu tư phát triển                           | 418        |             | 28.125.501.907            | 28.125.501.907            |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối               | 421        |             | 12.749.121.724.961        | 12.218.270.751.580        |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 5.387.929.160.246         | 6.017.156.881.711         |
| - LNST chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 7.361.192.564.715         | 6.201.113.869.869         |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát                 | 429        |             | 220.438.156.845           | 231.112.094.170           |
| <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>               | <b>430</b> |             | <b>2.478.432.568</b>      | <b>3.705.428.416</b>      |
| Nguồn kinh phí                                  | 431        |             | (98.098.463)              | 501.901.537               |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ               | 432        |             | 2.576.531.031             | 3.203.526.879             |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>27.543.175.156.589</b> | <b>27.136.212.928.333</b> |

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025



Bùi Tuấn Anh  
Người lập biểu



Vũ Phong Hải  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hoàng Giang  
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND   | Năm 2023<br>VND   |
|-----------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | 01    | 26          | 4.115.440.223.331 | 3.811.365.210.721 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    |             | 12.008.154.369    | 4.974.836.353     |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 10    |             | 4.103.432.068.962 | 3.806.390.374.368 |
| Giá vốn hàng bán                                    | 11    | 27          | 3.477.781.814.080 | 3.358.471.217.679 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ       | 20    |             | 625.650.254.882   | 447.919.156.689   |
| Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | 28          | 857.627.788.376   | 1.205.146.434.496 |
| Chi phí tài chính                                   | 22    | 29          | 7.161.653.882     | 55.175.821.877    |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                           | 23    |             | 1.518.531.801     | 50.279.687.168    |
| Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | 6.729.688.814.900 | 5.640.068.827.924 |
| Chi phí bán hàng                                    | 25    | 30          | 88.525.929.554    | 86.359.122.851    |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | 26    | 30          | 486.653.689.604   | 610.664.483.208   |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh             | 30    |             | 7.630.625.585.118 | 6.540.934.991.173 |
| Thu nhập khác                                       | 31    | 31          | 8.466.594.600     | 9.583.134.644     |
| Chi phí khác                                        | 32    | 32          | 12.742.802.310    | 33.383.125.727    |
| Lợi nhuận khác                                      | 40    |             | (4.276.207.710)   | (23.799.991.083)  |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 50    |             | 7.626.349.377.408 | 6.517.135.000.090 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                         | 51    | 33          | 197.325.867.261   | 252.009.883.780   |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                          | 52    |             | (2.698.992.580)   | (82.579.185)      |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp            | 60    |             | 7.431.722.502.727 | 6.265.207.695.495 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ       | 61    |             | 7.361.192.564.715 | 6.201.113.869.869 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát      | 62    |             | 70.529.938.012    | 64.093.825.626    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                            | 70    | 34          | 5.540             | 4.562             |

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025



Bùi Tuấn Anh  
Người lập biểu



Vũ Phong Hải  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hoàng Giang  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| CHỈ TIÊU                                                                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND      | Năm 2023<br>VND      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                  |       |             |                      |                      |
| Lợi nhuận trước thuế                                                                               | 01    |             | 7.626.349.377.408    | 6.517.135.000.090    |
| Điều chỉnh cho các khoản                                                                           |       |             |                      |                      |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                             | 02    |             | 245.609.531.572      | 257.645.486.098      |
| Các khoản dự phòng                                                                                 | 03    |             | (13.120.435.458)     | 248.594.520.708      |
| Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |             | (1.090.231.042)      | 249.210.620          |
| Lãi, lỗ hoạt động đầu tư                                                                           | 05    |             | (7.570.410.737.639)  | (6.835.166.861.953)  |
| Chi phí lãi vay                                                                                    | 06    |             | 1.518.531.801        | 50.279.687.168       |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                      | 08    |             | 288.856.036.642      | 238.737.042.731      |
| Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                      | 09    |             | (42.433.458.938)     | 139.663.837.858      |
| Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                            | 10    |             | 35.273.260.656       | 122.674.666.814      |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)     | 11    |             | (8.822.567.679)      | (38.833.930.330)     |
| Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                       | 12    |             | (34.476.677.560)     | (55.233.427.699)     |
| Tiền lãi vay đã trả                                                                                | 14    |             | (4.221.941.365)      | (54.841.018.607)     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                                  | 15    |             | (277.559.461.045)    | (182.857.590.102)    |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                              | 16    |             | 432.966.036          | 80.710.000           |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                              | 17    |             | (146.873.601.352)    | (137.979.146.189)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                      | 20    |             | (189.825.444.605)    | 31.411.144.476       |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                     |       |             |                      |                      |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác                                          | 21    |             | (81.117.073.397)     | (101.871.883.377)    |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác                                          | 22    |             | 205.900.000          | -                    |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                               | 23    |             | (19.035.950.523.650) | (18.639.947.121.401) |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                       | 24    |             | 18.827.275.638.718   | 18.333.589.252.908   |
| Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                                    | 27    |             | 7.285.121.742.944    | 6.908.570.148.669    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                          | 30    |             | 6.995.535.684.615    | 6.500.340.396.799    |

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

| CHỈ TIÊU                                             | Mã số | Thuyết minh | Năm 2024<br>VND     | Năm 2023<br>VND     |
|------------------------------------------------------|-------|-------------|---------------------|---------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |       |             |                     |                     |
| Tiền thu từ đi vay                                   | 33    |             | 52.083.237.724      | 91.942.618.888      |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                              | 34    |             | (67.742.705.786)    | (963.333.870.674)   |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính                   | 35    |             | -                   | -                   |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              | 36    |             | (6.737.827.839.734) | (5.599.773.990.024) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính         | 40    |             | (6.753.487.307.796) | (6.471.165.241.810) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm                      | 50    |             | 52.222.932.214      | 60.586.299.465      |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                     | 60    | 5           | 358.402.283.328     | 297.455.726.731     |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại | 61    |             | 1.138.124.059       | 360.257.132         |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm                    | 70    | 5           | 411.763.339.601     | 358.402.283.328     |

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Bùi Tuấn Anh  
Người lập biểu

Vũ Phong Hải  
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hoàng Giang  
Tổng Giám đốc

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 KHÁI QUÁT CHUNG**

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 6 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công Thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 5 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 đồng, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, Khu D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Bán buôn kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn một số hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY**

Thông tin về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 chi tiết như sau:

| STT | Tên Công ty con                                      | Nơi thành lập và hoạt động   | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động kinh doanh chính                                                                        |
|-----|------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Công ty CP Cơ khí chính xác số 1                     | Thành phố Hà Nội             | 51,00                 | 51,00                      | Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực, bơm nước, dụng cụ, khuôn mẫu gá lắp            |
| 2.  | Công ty CP Cơ khí Phở Yên                            | Thái Nguyên                  | 51,00                 | 51,00                      | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ.                                             |
| 3.  | Công ty CP Cơ khí cổ Loa                             | Thành phố Hà Nội             | 53,66                 | 53,66                      | Vận tải hàng hóa đường bộ, sản xuất các sản phẩm cơ khí                                           |
| 4.  | Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM                | Thành phố Hà Nội             | 51,00                 | 51,00                      | Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường bộ.                                                      |
| 5.  | Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (i)            | Thành phố Hà Nội             | 51,99                 | 51,99                      | Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác                                               |
| 6.  | Công ty CP Phụ tùng máy số 1                         | Thái Nguyên                  | 55,00                 | 55,00                      | Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ                                              |
| 7.  | Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp          | Thành phố Hà Nội             | 100,00                | 100,00                     | Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp                                                                 |
| 8.  | Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                | Thành phố Hà Nội và Bắc Ninh | 100,00                | 100,00                     | Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp                                                            |
| 9.  | Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công                    | Thái Nguyên                  | 100,00                | 100,00                     | Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ  |
| 10. | Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam | Đồng Nai                     | 100,00                | 100,00                     | Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp                                                               |
| 11. | Viện Công nghệ                                       | Thành phố Hà Nội             | 100,00                | 100,00                     | Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt, cơ khí, tự động hóa |
| 12. | Veam Korea Corporation                               | Hàn Quốc                     | 89,00                 | 89,00                      | Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam                                      |
| 13. | Công ty CP Cơ khí Vinh (ii)                          | Nghệ An                      | 55,01                 | 59,93                      | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                    |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

- (i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là công ty con của Tổng Công ty với tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là 51,99%.
- (ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.

Thông tin về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 chi tiết như sau:

| STT | Tên Công ty liên kết              | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động kinh doanh chính                                                                              |
|-----|-----------------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Công ty CP Nakycos                | Thành phố Hồ Chí Minh      | 49,00                 | 49,00                      | Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị phụ tùng                                                   |
| 2.  | Công ty CP Cơ khí An Giang        | An Giang                   | 47,41                 | 47,41                      | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu                                             |
| 3.  | Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ     | Thành phố Hà Nội           | 29,01                 | 29,01                      | Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc, cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng |
| 4.  | Công ty Honda Việt Nam            | Vĩnh Phúc                  | 30,00                 | 30,00                      | Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu                                         |
| 5.  | Công ty ô tô Toyota Việt Nam      | Vĩnh Phúc                  | 20,00                 | 20,00                      | Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam. |
| 6.  | Công ty TNHH Ford Việt Nam (iii)  | Hải Dương                  | 25,00                 | 25,00                      | Lắp đặt và sản xuất các xe và phụ tùng ô tô; nhập khẩu, xuất khẩu các loại xe ô tô                      |
| 7.  | Công ty CP Matexim Hải Phòng (iv) | Hải Phòng                  | 20,38                 | 21,23                      | Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                 |
| 8.  | Công ty CP Golden City - CKV (v)  | Nghệ An                    | 14,30                 | 26,00                      | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.                  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

- (iii) Công ty TNHH Ford Việt Nam là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 25,00%. Theo đó tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Ford Việt Nam là 25,00%;
- (iv) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%;
- (v) Công ty Cổ phần Golden City - CKV là Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 59,33% quyền biểu quyết) là 26,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV là 26,00%.

Theo hợp đồng nguyên tắc đầu tư số 26/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City góp vốn với mục đích hợp tác đầu tư và xây dựng dự án trên diện tích 40.789,5 m<sup>2</sup> tại Số 7, Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm hợp tác đầu tư, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là đơn vị quản lý và sử dụng lô đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 189519 được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 9 năm 2008. Tiếp theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City ký tiếp hợp đồng liên doanh số 27/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015 về việc thành lập công ty liên doanh là Công ty Cổ phần Golden City - CKV, theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh thực hiện góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 5.200.000.000 đồng, tương đương với 26,00%. Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh đã vay Công ty Cổ phần Golden City số tiền tương ứng theo hợp đồng vay số 10/2016/HĐVT.GOLDEN, theo đó, toàn bộ cổ tức và lợi ích của Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV sẽ thuộc về Công ty Cổ phần Golden City và sau khi kết thúc thời hạn vay, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh sẽ chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần này cho Công ty Cổ phần Golden City với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu để đổi trừ với khoản tiền vay trên.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Tổng Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này là đồng Việt Nam (VND).

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của công ty mẹ và các công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất báo cáo tài chính được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Danh sách các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo này gồm: Công ty con và các công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 1.

VEAM Korea Corporation - Công ty con của Tổng Công ty sử dụng Hàn Quốc Won (KRW) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính theo luật định tại Việt Nam, VEAM Korea Corporation đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập bằng Hàn Quốc Won (KRW) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày 31/12/2024);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của VEAM Korea Corporation được lập bằng Hàn Quốc Won (KRW) sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con và không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Tổng Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại Công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Tổng Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mẹ mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của tổ hợp thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do khách hàng khó có khả năng thanh toán, lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.5 HÀNG TỒN KHO**

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ KHẤU HAO (TIẾP)**

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng là giá trị quyết toán công trình khi đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa thực hiện quyết toán thì hạch toán nguyên giá theo giá tạm tính và điều chỉnh sau khi quyết toán công trình hoàn thành. Khi quyết toán công trình xây dựng cơ bản hoàn thành có sự chênh lệch giữa giá trị tạm tính và giá trị quyết toán, Tổng Công ty sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà không phải điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt.

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

| Loại tài sản              | Thời gian sử dụng (năm) |
|---------------------------|-------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc    | 05 - 25                 |
| Máy móc thiết bị          | 03 - 15                 |
| Phương tiện, vận tải      | 05 - 10                 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10                 |
| Tài sản cố định khác      | 04 - 08                 |

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ KHẤU HAO (TIẾP)**

**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, trong đó:

| Địa điểm                                                                                                                                    | Thời gian sử dụng                                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| Quyền sử dụng đất tại lô D, Khu D1, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Hà Nội                                                                  | 50 năm                                                 |
| Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh                                                                 | Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất |
| Quyền sử dụng đất tại Khách sạn Veam Cửa Lò                                                                                                 | Lâu dài                                                |
| Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ                                                                            | Lâu dài                                                |
| Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1                                                                                     | Lâu dài                                                |
| Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo                                          | 47 năm                                                 |
| Quyền sử dụng đất tại khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam | 13,5 năm                                               |
| Quyền sử dụng đất của Viện Công nghệ                                                                                                        | Lâu dài                                                |
| Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công                                                                                     | Lâu dài                                                |

**Bảng sáng chế, phí bản quyền và phần mềm máy tính**

Bảng sáng chế, phí bản quyền và phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Tài sản cố định vô hình khác**

Tài sản cố định vô hình khác của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác:** các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

**Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn** được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ ngày 24/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại bên được đầu tư.

**Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh góp vốn vào đơn vị khác** của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**Các khoản hỗ trợ vốn:** được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

**4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng, giá trị thương hiệu, chi phí đề tài nghiên cứu khoa học và các khoản chi phí trả trước khác.

**Giá trị thương hiệu:** được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp - CTCP tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

**Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng và thuê văn phòng:** thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)**

**Chi phí đề tài nghiên cứu khoa học:** là chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày nghiệm thu chi phí đề tài đó.

**Các khoản chi phí trả trước khác:** bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả với các công ty liên doanh, liên kết;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**4.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**4.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay gồm có lãi vay và các khoản chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 CHI PHÍ ĐI VAY (TIẾP)**

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa cho tài sản dở dang đó sẽ được xác định là chi phí đi vay thực tế phát sinh từ các khoản vay trừ (-) đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**4.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu của Tổng Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần; Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu, còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

Cổ tức phải trả cho các Cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn**

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Giá vốn hàng bán được kết chuyển phù hợp với doanh thu đã ghi nhận và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

**Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá,...

**4.15 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Trong đó:

- Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.16 THUẾ

Tổng Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 8% và 10% cho các mặt hàng và dịch vụ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Tổng Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

|                                        | 31/12/2024<br>VND      | 01/01/2024<br>VND      |
|----------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Tiền mặt                             | 4.121.049.029          | 3.888.028.288          |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn      | 257.955.469.609        | 211.764.255.040        |
| - Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng | 149.686.820.963        | 142.750.000.000        |
|                                        | <b>411.763.339.601</b> | <b>358.402.283.328</b> |

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại bên liên quan (Chi tiết theo thuyết minh số 37)

|  |           |            |
|--|-----------|------------|
|  | 6.293.280 | 72.691.684 |
|--|-----------|------------|

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

TÔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

|                                                 | 31/12/2024             |                          | 01/01/2024             |                          |
|-------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
|                                                 | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND          | Giá trị<br>VND         | Dự phòng<br>VND          |
| <b>Ngắn hạn</b>                                 | <b>924.710.726.837</b> | <b>(381.120.388.359)</b> | <b>866.369.605.590</b> | <b>(379.934.285.912)</b> |
| - Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh | 93.233.179.437         | (93.233.179.437)         | 93.283.179.437         | (93.283.179.437)         |
| - Công ty CP Đầu tư Minh Quang (*)              | 19.049.744.651         | (19.049.744.651)         | 19.484.761.321         | (19.484.761.321)         |
| - Công ty CP Thép Minh Quang (*)                | 79.320.729.210         | (79.320.729.210)         | 81.132.083.646         | (81.132.083.464)         |
| - Công ty CP Thương mại và Đầu tư Tương lai (*) | 76.792.879.435         | (76.792.879.435)         | 78.546.508.329         | (78.546.508.329)         |
| - Công ty Honda Việt Nam                        | 120.304.906.340        | -                        | 91.730.883.517         | -                        |
| - Công ty Ô tô Toyota Việt Nam                  | 19.120.284.240         | -                        | 6.555.011.817          | -                        |
| - Các khách hàng khác                           | 516.889.003.524        | (112.723.855.626)        | 495.637.177.523        | (107.487.753.361)        |
|                                                 | <b>237.069.532.573</b> |                          | <b>195.980.237.327</b> |                          |
| <b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> |                        |                          |                        |                          |
| (Chi tiết theo thuyết minh số 37)               |                        |                          |                        |                          |

(\*) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (viết tắt là “VETRANCO”) tổng số tiền 182.902.675.710 đồng. Đồng thời, VETRANCO có trách nhiệm hoàn trả cho VEAM số tiền 137.851.530.220 đồng. Số tiền thu được từ bồi thường được VETRANCO bù trừ vào nợ phải thu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

|                                                          | 31/12/2024         |                       | 01/01/2024         |                       |
|----------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
|                                                          | Giá gốc<br>VND     | Giá trị ghi sổ<br>VND | Giá gốc<br>VND     | Giá trị ghi sổ<br>VND |
| <b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>          | 13.098.359.931.765 | 13.098.359.931.765    | 12.887.685.046.833 | 12.887.685.046.833    |
| - Tiền gửi có kỳ hạn                                     | 13.098.359.931.765 | 13.098.359.931.765    | 12.887.685.046.833 | 12.887.685.046.833    |
| + Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam | 1.548.181.567.566  | 1.548.181.567.566     | 1.089.181.567.566  | 1.089.181.567.566     |
| + Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam                    | 2.056.103.000.000  | 2.056.103.000.000     | 1.930.900.000.000  | 1.930.900.000.000     |
| + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam           | 6.704.545.090.226  | 6.704.545.090.226     | 5.471.045.090.226  | 5.471.045.090.226     |
| + Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam                   | 85.600.000.000     | 85.600.000.000        | 1.386.400.000.000  | 1.386.400.000.000     |
| + Tiền gửi tại các ngân hàng khác                        | 2.703.930.273.973  | 2.703.930.273.973     | 3.010.158.389.041  | 3.010.158.389.041     |
| <b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</b>           | -                  | -                     | 2.000.000.000      | 2.000.000.000         |
| + Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam     | -                  | -                     | 2.000.000.000      | 2.000.000.000         |

Tiền gửi có kỳ hạn tại các bên liên quan

(Chỉ tiết theo thuyết minh số 37)

|                                                | 31/12/2024        |                                                            | 01/01/2024        |                                                            |
|------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------|
|                                                | Giá gốc<br>VND    | Giá trị thuần<br>theo phương pháp<br>Vốn chủ sở hữu<br>VND | Giá gốc<br>VND    | Giá trị thuần<br>theo phương pháp<br>Vốn chủ sở hữu<br>VND |
| <b>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</b> | 1.090.396.118.044 | 6.637.703.566.709                                          | 1.090.396.118.044 | 5.653.036.402.664                                          |
| - Công ty CP Nakycos (ii)                      | 10.550.698.651    | -                                                          | 10.550.698.651    | -                                                          |
| - Công ty CP Cơ khí An Giang (ii)              | 23.823.075.776    | 54.603.156.670                                             | 23.823.075.776    | 58.752.645.321                                             |
| - Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ (i) (ii)       | 9.467.051.066     | 9.480.620.727                                              | 9.467.051.066     | 9.547.002.397                                              |
| - Công ty Honda Việt Nam (ii)                  | 359.311.428.087   | 5.302.286.801.542                                          | 359.311.428.087   | 4.280.412.041.464                                          |
| - Công ty Ô tô Toyota Việt Nam (ii)            | 287.776.054.812   | 526.148.666.336                                            | 287.776.054.812   | 545.685.022.159                                            |
| - Công ty TNHH Ford Việt Nam (ii)              | 374.904.000.000   | 722.157.717.548                                            | 374.904.000.000   | 735.590.036.983                                            |
| - Công ty CP Matexim Hải Phòng (ii)            | 19.363.809.652    | 17.826.603.886                                             | 19.363.809.652    | 17.849.654.340                                             |
| - Công ty CP Golden City - CKV (iii)           | 5.200.000.000     | 5.200.000.000                                              | 5.200.000.000     | 5.200.000.000                                              |

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTPC

Lô D, khu D1, phường Phú Thưng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

|                                            | 31/12/2024     |                 | 01/01/2024     |                 |
|--------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|                                            | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND | Dự phòng<br>VND |
| <b>Đầu tư vào đơn vị khác (iii)</b>        | 66.313.796.758 | (1.150.000.000) | 66.313.796.758 | (1.850.000.000) |
| - Công ty TNHH Năm sao Hà Nội              | 45.112.913.628 | -               | 45.112.913.628 | -               |
| - Công ty Cổ phần Kumba                    | 11.001.060.828 | -               | 11.001.060.828 | -               |
| - Công ty TNHH Mekong Auto                 | -              | -               | -              | -               |
| - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCổ phần   | 5.050.000.000  | (1.150.000.000) | 5.050.000.000  | (1.850.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Matexim Phát Linh | 5.000.000.000  | -               | 5.000.000.000  | -               |
| - Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa          | 149.822.302    | -               | 149.822.302    | -               |

- (i) Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, Khu D1, Phường Phú Thưng, Quận Tây Hồ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ;
- (ii) Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty dựa trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của các Công ty;
- (iii) Tại ngày lập Báo cáo này, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Kumba, Công ty TNHH Mekong Auto và Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

|                                               | 31/12/2024               |                          | 01/01/2024               |                          |
|-----------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                               | Giá trị VND              | Dự phòng VND             | Giá trị VND              | Dự phòng VND             |
| <b>Ngắn hạn</b>                               | <b>3.342.143.271.731</b> | <b>(220.859.099.853)</b> | <b>4.037.146.459.165</b> | <b>(221.580.187.209)</b> |
| - Tạm ứng người lao động                      | 1.921.968.364            | -                        | 2.587.530.301            | -                        |
| - Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia      | 2.541.795.959.496        | (2.069.159.500)          | 2.924.290.581.824        | (2.069.159.500)          |
| + Công ty Honda Việt Nam                      | 2.539.726.799.996        | -                        | 2.922.221.422.324        | -                        |
| + Các đối tượng khác                          | 2.069.159.500            | (2.069.159.500)          | 2.069.159.500            | (2.069.159.500)          |
| - Các khoản bảo hiểm                          | 749.016.565              | -                        | 676.512.337              | -                        |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay           | 510.206.266.966          | -                        | 828.484.123.349          | -                        |
| - Phải thu về hỗ trợ vốn (i)                  | 84.654.324.210           | (84.654.324.210)         | 85.404.324.210           | (85.404.324.210)         |
| + Công ty CP Matexim Hải Phòng                | 83.150.000.000           | (83.150.000.000)         | 83.900.000.000           | (83.900.000.000)         |
| + Các đối tượng khác                          | 1.504.324.210            | (1.504.324.210)          | 1.504.324.210            | (1.504.324.210)          |
| - Phải thu về lãi hỗ trợ vốn (i)              | 35.623.175.617           | (34.168.022.730)         | 34.228.866.256           | (34.114.920.086)         |
| + Công ty CP Matexim Hải Phòng                | 34.234.914.328           | (32.887.947.904)         | 32.887.947.904           | (32.887.947.904)         |
| + Các đối tượng khác                          | 1.388.261.289            | (1.280.074.826)          | 1.340.918.352            | (1.226.972.182)          |
| - Phải thu về cổ phần hóa (ii)                | 10.164.296.365           | -                        | 10.164.296.365           | -                        |
| - Phải thu về tiền lãi vi phạm hợp đồng (iii) | 92.877.289.554           | (92.877.289.554)         | 92.877.289.554           | (92.877.289.554)         |
| - Ký cược, ký quỹ                             | 5.442.566.928            | -                        | 508.264.207              | -                        |
| - Phải thu khác (iv)                          | 58.708.407.666           | (7.090.303.859)          | 57.924.670.762           | (7.114.493.859)          |
| <b>Dài hạn</b>                                | <b>11.397.282.463</b>    | <b>-</b>                 | <b>11.778.615.369</b>    | <b>-</b>                 |
| - Phải thu khác                               | 11.351.582.463           | -                        | 11.732.915.369           | -                        |
| - Ký cược, ký quỹ                             | 45.700.000               | -                        | 45.700.000               | -                        |
|                                               | <b>3.353.540.554.194</b> | <b>(220.859.099.853)</b> | <b>4.048.925.074.534</b> | <b>(221.580.187.209)</b> |
|                                               | <b>2.663.150.839.645</b> |                          | <b>3.045.018.524.344</b> |                          |

Phải thu khác là các bên liên quan  
(Chi tiết theo thuyết minh số 37)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- (i) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (ii) Các khoản phải thu về tiền lãi vi phạm hợp đồng tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (viết tắt là “Vetraco”).
- (iii) Trong các khoản phải thu khác, số tiền thuế nhà thầu đã nộp 957.390.582 đồng, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, VEAM không phải nộp số tiền thuế này.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

9. NỢ XẤU

|                                                                  | 31/12/2024             |                                  | 01/01/2024             |                                  |
|------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|------------------------|----------------------------------|
|                                                                  | Giá gốc<br>VND         | Giá trị<br>có thể thu hồi<br>VND | Giá gốc<br>VND         | Giá trị<br>có thể thu hồi<br>VND |
| <b>Phải thu khách hàng</b>                                       | <b>433.801.760.325</b> | <b>52.681.371.966</b>            | <b>434.766.022.270</b> | <b>54.831.736.176</b>            |
| + Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh                  | 93.233.179.437         | -                                | 93.283.179.437         | -                                |
| + Công ty CP Thép Minh Quang                                     | 79.320.729.210         | -                                | 81.132.083.646         | -                                |
| + Công ty CP Thương mại và Đầu tư Tương Lai                      | 76.792.879.435         | -                                | 78.546.508.329         | -                                |
| + Các đối tượng khác                                             | 184.454.972.243        | 52.681.371.966                   | 181.804.250.858        | 54.831.736.176                   |
| <b>Trả trước cho người bán</b>                                   | <b>178.068.586.523</b> | <b>135.025.849.230</b>           | <b>178.068.586.523</b> | <b>135.025.849.230</b>           |
| + Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto                             | 169.609.728.269        | 135.025.849.230                  | 169.609.728.269        | 135.025.849.230                  |
| + Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile<br>Manufacture | 1.700.000.000          | -                                | 1.700.000.000          | -                                |
| + Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh                  | 6.500.000.000          | -                                | 6.500.000.000          | -                                |
| + Các đối tượng khác                                             | 258.858.254            | -                                | 258.858.254            | -                                |
| <b>Phải thu khác</b>                                             | <b>222.314.252.740</b> | <b>1.455.152.887</b>             | <b>221.694.133.379</b> | <b>113.946.170</b>               |
|                                                                  | <b>834.184.599.588</b> | <b>189.162.374.083</b>           | <b>834.528.742.172</b> | <b>189.971.531.576</b>           |

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

10. HÀNG TỒN KHO

|                                            | 31/12/2024               |                          | 01/01/2024               |                          |
|--------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                            | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND          | Giá gốc<br>VND           | Dự phòng<br>VND          |
| - Hàng đang đi trên đường                  | 87.699.392               | -                        | 189.415.632              | -                        |
| - Nguyên liệu, vật liệu                    | 253.624.136.119          | (36.976.900.223)         | 260.217.762.514          | (32.320.672.319)         |
| - Công cụ, dụng cụ                         | 66.442.602.942           | (4.321.266.850)          | 66.459.695.739           | (4.262.528.409)          |
| - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*) | 228.136.244.126          | (2.700.734.734)          | 220.314.936.693          | -                        |
| - Thành phẩm                               | 990.285.243.891          | (431.812.473.525)        | 1.013.410.358.306        | (433.998.952.461)        |
| - Hàng hoá                                 | 189.698.248.247          | (39.786.244.382)         | 191.740.816.212          | (42.095.692.760)         |
| - Hàng gửi đi bán                          | 54.943.290.688           | (16.726.063.636)         | 66.157.740.965           | (21.884.685.335)         |
|                                            | <b>1.783.217.465.405</b> | <b>(532.323.683.350)</b> | <b>1.818.490.726.061</b> | <b>(534.562.531.284)</b> |

Tại ngày 31/12/2024, giá trị hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển là 82.294.646.160 đồng chưa được Tổng Công ty xem xét để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển tại ngày 01/01/2024 là 106.818.758.390 đồng).

(\*): Bao gồm khoản chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến Nhà máy sắp xắp đã ngừng hoạt động từ nhiều năm phát sinh tại Chi nhánh Matexim Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị con Tổng Công ty với số tiền là 8.802.002.030 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

|                                                                    | 31/12/2024             |                         | 01/01/2024             |                         |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
|                                                                    | Giá trị VND            | Dự phòng VND            | Giá trị VND            | Dự phòng VND            |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                    | <b>199.911.879.299</b> | <b>(43.042.737.293)</b> | <b>196.303.538.152</b> | <b>(43.042.737.293)</b> |
| - Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (i)                           | 169.609.728.269        | (34.583.879.039)        | 169.609.728.269        | (34.583.879.039)        |
| - Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture (ii) | 1.700.000.000          | (1.700.000.000)         | 1.700.000.000          | (1.700.000.000)         |
| - Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh                    | 6.500.000.000          | (6.500.000.000)         | 6.500.000.000          | (6.500.000.000)         |
| - Các đối tượng khác                                               | 22.102.151.030         | (258.858.254)           | 18.493.809.883         | (258.858.254)           |
| <b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>                | <b>176.179.728.269</b> |                         | <b>176.313.428.486</b> |                         |

(Chỉ tiết theo thuyết minh số 37)

(i): Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền 134.589.036.240 đồng và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 đồng. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1.500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty.

(ii): Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 9.000.000.000 đồng. Năm 2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội chuyển cho VEAM số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 7.300.000.000 đồng. Khoản trả trước Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

|                       | 31/12/2024 VND        | 01/01/2024 VND        |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Hàng tồn kho (*)    | 9.493.166.986         | 10.026.566.108        |
| - Tài sản cố định (*) | 597.281.949           | 597.281.949           |
|                       | <b>10.090.448.935</b> | <b>10.623.848.057</b> |

(\*) Giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê chủ yếu theo:

- Biên bản kiểm kê ngày 23/01/2017 (ngày bàn giao từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang Công ty Cổ phần), Biên bản kiểm kê tại thời điểm 31/12/2020, Báo cáo kiểm kê số 575/BC-KD&PTTT ngày 09/9/2024 của Văn phòng Công ty mẹ; và
- Biên bản kiểm kê ngày 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/03/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản hợp số 01/BB-VM ngày 10/01/2022 về công tác kiểm kê năm 2021; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2023 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản hợp số 01/BB-VM ngày 10/01/2023 về công tác kiểm kê năm 2022 của Nhà máy Ô tô VEAM; Báo cáo kết quả kiểm kê năm 2023 số 07A/BC-HĐKK ngày 23/01/2024 và Biên bản hợp về công tác kiểm kê năm 2023 số 02A/BB-VM ngày 23/01/2024 của Nhà máy ô tô Veam.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|                                                             | 31/12/2024 VND         | 01/01/2024 VND         |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                                             | <b>22.246.209.212</b>  | <b>23.981.897.292</b>  |
| - Công cụ dụng cụ xuất dùng                                 | 16.084.014.668         | 12.983.698.064         |
| - Chi phí khấu hao, lãi vay, khác (i)                       | -                      | 4.802.835.002          |
| - Chi phí trả trước ngắn hạn khác                           | 6.162.194.544          | 6.195.364.226          |
| <b>Dài hạn</b>                                              | <b>599.731.002.480</b> | <b>563.518.636.840</b> |
| - Chi phí thương hiệu (ii)                                  | 6.430.714.263          | 9.520.548.903          |
| - Trả trước hạ tầng KCN Phú Nghĩa                           | 29.929.784.385         | 30.792.274.175         |
| - Công cụ, dụng cụ xuất dùng                                | 39.976.028.700         | 27.113.542.404         |
| - Chi phí thuê văn phòng, thuê nhà, thuê đất, cơ sở hạ tầng | 22.782.124.580         | 24.133.099.349         |
| - Cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô                                 | 3.742.810.545          | 3.863.554.545          |
| - Chi phí khấu hao, lãi vay khác (i)                        | 473.066.380.911        | 439.142.409.873        |
| - Chi phí khác                                              | 23.803.159.096         | 28.953.207.591         |

(i) Là khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xếp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty. Trong đó: chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy sắt xếp là 414.538.479.517 đồng (tại 01/01/2024 là 384.054.308.128 đồng) và Chi nhánh Matexim Bắc Kạn là 58.527.901.394 đồng (tại 01/01/2024 là 55.088.101.745 đồng).

(ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|                                                                           | 31/12/2024<br>VND     | 01/01/2024<br>VND      |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| + Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung (i)                   | 53.507.597.654        | 53.507.597.654         |
| + Dự án Đầu tư di chuyển và xây mới Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo | 11.871.206.422        | 11.849.910.126         |
| + Dự án Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ (ii)            | 10.288.550.496        | 10.288.550.496         |
| + Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác                                    | 8.597.276.156         | 24.735.083.137         |
|                                                                           | <b>84.264.630.728</b> | <b>100.381.141.413</b> |

(i): Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 5 tháng 7 năm 2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 đồng cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN ngày 02 tháng 8 năm 2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết định giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thủ hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 48.943.720.130 đồng, VEAM được hoàn lại số tiền thuế nhà thầu đã nộp là 7.586.276.240 đồng. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường. Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung" được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường.

(ii): Dự án được phê duyệt chủ trương thực hiện theo Nghị quyết số 23/NQ-VEAM/HĐTV ngày 31/07/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

Theo Quyết định số 141/QĐ-VEAM/HĐTV ngày 02/11/2016:

- Tên dự án: Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ
- Công suất: 28.000 máy kéo 2 bánh/năm
- Tổng mức đầu tư: 432.146.684.000VND
- Thời gian thực hiện: Từ quý IV/2016 đến quý I/2018

Theo Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án "Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ" điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ: "Từ quý IV/2016 đến quý I/2018" thành "Từ quý IV/2016 đến quý I/2023" và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 01 ngày 04/12/2020 về việc sửa đổi gia hạn thời gian đầu tư.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Nguyên giá                             | Nhà cửa<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | Phương tiện<br>vận tải, thiết bị<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ<br>quản lý | Tài sản cố định<br>khác | Tổng cộng         |
|----------------------------------------|--------------------------|---------------------|------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|-------------------|
|                                        | VND                      | VND                 | VND                                            | VND                          | VND                     | VND               |
| Số dư ngày 01/01/2024                  | 1.734.561.722.843        | 3.435.514.816.369   | 213.562.541.655                                | 21.490.055.032               | 15.493.326.795          | 5.420.622.462.694 |
| - Mua trong năm                        | 4.532.443.845            | 53.243.750.864      | 2.797.081.633                                  | 3.804.570.295                | -                       | 64.377.846.637    |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản<br>hoàn thành | 6.235.299.911            | -                   | -                                              | -                            | -                       | 6.235.299.911     |
| - Thanh lý, nhượng bán                 | -                        | (30.100.000)        | (829.663.747)                                  | -                            | -                       | (859.763.747)     |
| - Tăng khác                            | -                        | -                   | 1.105.331                                      | 820.643                      | -                       | 1.925.974         |
| - Phân loại lại                        | (738.188.717)            | (21.141.235.800)    | 25.185.064.120                                 | 8.333.345.966                | (11.638.985.569)        | -                 |
| Số dư ngày 31/12/2024                  | 1.744.591.277.882        | 3.467.587.231.433   | 240.716.128.992                                | 33.628.791.936               | 3.854.341.226           | 5.490.377.771.469 |
| Giá trị hao mòn lũy kế                 |                          |                     |                                                |                              |                         |                   |
| Số dư ngày 01/01/2024                  | 1.076.633.759.049        | 2.587.364.826.256   | 207.765.550.393                                | 17.965.609.749               | 11.459.146.564          | 3.901.188.892.011 |
| - Khấu hao trong năm                   | 62.435.023.595           | 167.951.972.989     | 11.407.041.236                                 | 1.663.450.492                | 9.274.548               | 243.466.762.860   |
| - Thanh lý, nhượng bán                 | -                        | (23.668.458)        | (829.663.747)                                  | -                            | -                       | (853.332.205)     |
| - Tăng khác                            | -                        | -                   | 1.105.301                                      | 820.433                      | -                       | 1.925.734         |
| - Phân loại lại                        | 84.902.322               | 658.948.727         | 84.060.358                                     | 6.854.206.809                | (7.682.118.216)         | -                 |
| Số dư ngày 31/12/2024                  | 1.139.153.684.966        | 2.755.952.079.514   | 218.428.093.541                                | 26.484.087.483               | 3.786.302.896           | 4.143.804.248.400 |
| Giá trị còn lại                        |                          |                     |                                                |                              |                         |                   |
| Tại ngày 01/01/2024                    | 657.927.963.794          | 848.149.990.113     | 5.796.991.262                                  | 3.524.445.283                | 4.034.180.231           | 1.519.433.570.683 |
| Tại ngày 31/12/2024                    | 605.437.592.916          | 711.635.151.919     | 22.288.035.451                                 | 7.144.704.453                | 68.038.330              | 1.346.573.523.069 |



15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 1.984.594.653.441 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 1.945.400.307.006 đồng).

Tại 31/12/2024: Văn phòng Tổng Công ty: Nguyên giá TSCĐ hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng là 52.576.717.173 đồng (giá trị còn lại: 8.163.276.291 đồng), nguyên giá tài sản cố định hỏng đang sử dụng là 1.513.059.537 đồng (giá trị còn lại: 0 đồng).

Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng chính tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 24 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

| Nguyên giá             | Bảng sáng chế |  | Quyền sử dụng đất, phí cơ sở hạ tầng KCN |  | Phần mềm       |  | Phí bản quyền  |  | TSCĐ vô hình khác |  | Tổng cộng       |  |
|------------------------|---------------|--|------------------------------------------|--|----------------|--|----------------|--|-------------------|--|-----------------|--|
|                        | VND           |  | VND                                      |  | VND            |  | VND            |  | VND               |  | VND             |  |
| Số dư ngày 01/01/2024  | 1.795.000.000 |  | 88.405.060.703                           |  | 15.337.282.185 |  | 13.855.846.325 |  | 84.500.000        |  | 119.477.689.213 |  |
| - Mua trong năm        | -             |  | -                                        |  | 6.665.623.072  |  | -              |  | -                 |  | 6.665.623.072   |  |
| Số dư ngày 31/12/2024  | 1.795.000.000 |  | 88.405.060.703                           |  | 22.002.905.257 |  | 13.855.846.325 |  | 84.500.000        |  | 126.143.312.285 |  |
| Giá trị hao mòn lũy kế |               |  |                                          |  |                |  |                |  |                   |  |                 |  |
| Số dư ngày 01/01/2024  | 1.795.000.000 |  | 19.886.254.998                           |  | 12.276.327.148 |  | 13.541.687.579 |  | 79.863.204        |  | 47.579.132.929  |  |
| - Khấu hao trong năm   | -             |  | 1.116.839.244                            |  | 916.261.818    |  | 109.667.650    |  | -                 |  | 2.142.768.712   |  |
| Phân loại lại          | -             |  | 1                                        |  | (4.636.801)    |  | 4              |  | 4.636.796         |  | -               |  |
| Số dư ngày 31/12/2024  | 1.795.000.000 |  | 21.003.094.243                           |  | 13.187.952.165 |  | 13.651.355.233 |  | 84.500.000        |  | 49.721.901.641  |  |
| Giá trị còn lại        |               |  |                                          |  |                |  |                |  |                   |  |                 |  |
| Tại ngày 01/01/2024    | -             |  | 68.518.805.705                           |  | 3.060.955.037  |  | 314.158.746    |  | 4.636.796         |  | 71.898.556.284  |  |
| Tại ngày 31/12/2024    | -             |  | 67.401.966.460                           |  | 8.814.953.092  |  | 204.491.092    |  | -                 |  | 76.421.410.644  |  |

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.262.436.326 đồng đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là: 25.938.890.942 đồng (tại ngày 01/01/2024 là: 21.469.208.667 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

|                                                              | 31/12/2024      |                           | 01/01/2024      |                           |
|--------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|
|                                                              | Giá trị         |                           | Giá trị         |                           |
|                                                              | VND             | Số có khả năng trả nợ VND | VND             | Số có khả năng trả nợ VND |
| Ngắn hạn                                                     | 340.373.144.675 | 340.373.144.675           | 334.459.165.753 | 334.459.165.753           |
| - Công ty CP Thương mại CITICOM                              | 20.793.688.300  | 20.793.688.300            | 19.823.187.890  | 19.823.187.890            |
| - Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam                        | 30.759.511.976  | 30.759.511.976            | 31.613.832.998  | 31.613.832.998            |
| - Công ty TNHH Cường Đại                                     | 3.659.155.508   | 3.659.155.508             | 4.876.863.231   | 4.876.863.231             |
| - Công ty CP Sản xuất kinh doanh Vật tư thiết bị công nghiệp | 14.303.288.285  | 14.303.288.285            | 12.256.620.895  | 12.256.620.895            |
| - Các đối tượng khác                                         | 270.857.500.606 | 270.857.500.606           | 265.888.660.739 | 265.888.660.739           |
| Phải trả người bán với các bên liên quan                     | 86.875.500      | 86.875.500                | 220.575.717     | 220.575.717               |

(Chỉ tiết theo thuyết minh số 37)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

|                                                    | 01/01/2024      |                 | Số phải nộp trong năm |                | Số đã nộp trong năm                                |  | 31/12/2024 |  |
|----------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------------|----------------|----------------------------------------------------|--|------------|--|
|                                                    | VND             |                 | VND                   |                | VND                                                |  | VND        |  |
|                                                    | 161.952.926.399 | 326.074.877.650 | 412.205.848.889       | 75.821.955.160 | Phải nộp                                           |  |            |  |
| - Thuế giá trị gia tăng đầu ra                     | 5.874.880.503   | 50.129.259.976  | 50.016.646.352        | 5.987.494.127  | - Thuế xuất, nhập khẩu                             |  |            |  |
| - Thuế xuất, nhập khẩu                             | -               | 4.111.363.687   | 4.111.363.687         | -              | - Thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu         |  |            |  |
| - Thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu         | -               | 5.350.571.221   | 5.350.571.221         | -              | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       |  |            |  |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 134.303.915.339 | 197.325.867.261 | 277.500.974.995       | 54.128.807.605 | - Thuế thu nhập cá nhân                            |  |            |  |
| - Thuế thu nhập cá nhân                            | 4.871.294.652   | 41.391.610.342  | 38.895.144.534        | 7.367.760.460  | - Thuế tài nguyên                                  |  |            |  |
| - Thuế tài nguyên                                  | 483.750.680     | 5.315.106.282   | 5.206.045.832         | 592.811.130    | - Thuế nhà đất, tiền thuê đất                      |  |            |  |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất                      | 1.849.267.578   | 14.619.556.743  | 16.110.572.393        | 358.251.928    | - Các loại thuế khác                               |  |            |  |
| - Các loại thuế khác                               | 528.577         | 248.948.855     | 245.792.287           | 3.685.145      | - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác           |  |            |  |
| - Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác           | 14.569.289.070  | 7.582.593.283   | 14.768.737.588        | 7.383.144.765  | Phải thu                                           |  |            |  |
| Phải thu                                           | 2.950.416.353   | 11.177.591.103  | 9.595.890.868         | 1.368.716.118  | - Thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu         |  |            |  |
| - Thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu         | -               | 3.847.824.741   | 4.171.066.307         | 323.241.566    | - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       |  |            |  |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 198.320.511     | -               | 58.486.050            | 256.806.561    | - Thuế thu nhập cá nhân                            |  |            |  |
| - Thuế thu nhập cá nhân                            | 222.522.409     | 770.699.173     | 969.321.369           | 421.144.605    | - Thuế nhà đất, tiền thuê đất                      |  |            |  |
| - Thuế nhà đất, tiền thuê đất                      | 2.529.573.433   | 6.559.067.189   | 4.396.997.142         | 367.503.386    | - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác |  |            |  |
| - Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -               | -               | 20.000                | 20.000         |                                                    |  |            |  |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                           | 31/12/2024            | 01/01/2024            |
|-------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                           | VND                   | VND                   |
| - Chi phí hoa hồng, bảo dưỡng, vận chuyển | 11.615.874.194        | 10.708.344.586        |
| - Chi phí phải trả khác                   | 76.198.281.394        | 77.811.363.059        |
|                                           | <b>87.814.155.588</b> | <b>88.519.707.645</b> |

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

|                                              | 31/12/2024             | 01/01/2024             |
|----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                              | VND                    | VND                    |
| <b>Ngắn hạn</b>                              | <b>170.513.758.155</b> | <b>163.336.201.709</b> |
| - Tài sản thừa chờ giải quyết (i)            | 20.367.826.371         | 21.045.361.717         |
| - Kinh phí công đoàn                         | 9.437.233.653          | 9.996.130.512          |
| - Các khoản bảo hiểm                         | 145.062.725            | 48.869.769             |
| - Phải trả cổ tức cho các cổ đông            | 5.515.158.464          | 4.547.858.398          |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn              | 11.609.038.139         | 9.868.165.514          |
| - Công ty CP Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất | 88.988.000.000         | 88.988.000.000         |
| (ii)                                         |                        |                        |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác          | 34.451.438.803         | 28.841.815.799         |
| <b>Dài hạn</b>                               | <b>1.679.207.300</b>   | <b>2.204.147.300</b>   |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn               | 1.679.207.300          | 2.204.147.300          |

(i) Tài sản thừa chưa rõ nguyên nhân theo Biên bản kiểm kê 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/03/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10/01/2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09/01/2023 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2022 số 01/BB-VM ngày 10/01/2023 của Nhà máy ô tô Veam, tuy nhiên không bao gồm giá trị tài sản thừa là vật tư, hàng hóa kiểm kê thừa không xác định được đơn giá, theo đó không được ghi nhận trong giá trị tài sản thừa chờ xử lý.

(ii) Thể hiện khoản phải trả Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất liên quan đến việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án di dời Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng Công ty đến địa điểm mới và đầu tư xây dựng tổ hợp văn phòng, chung cư và trung tâm thương mại tại khu đất số 4 Chu Văn An, Hà Đông, Hà Nội theo Hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 23/02/2010 và các phụ lục của Hợp đồng nguyên tắc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

|                                  | 31/12/2024            | 01/01/2024            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                  | VND                   | VND                   |
| <b>Ngắn hạn</b>                  | <b>18.556.396.566</b> | <b>18.203.602.883</b> |
| - Công ty TNHH MTV Ô tô Huan Tao | 1.464.331.174         | 1.464.331.174         |
| - Các đối tượng khác             | 17.092.065.392        | 16.739.271.709        |
| <b>Dài hạn</b>                   | <b>395.155.522</b>    | <b>412.933.300</b>    |
|                                  | <b>18.951.552.088</b> | <b>18.616.536.183</b> |

**22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

|                                                                               | 31/12/2024            | 01/01/2024            |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                                               | VND                   | VND                   |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                               | <b>5.590.244.794</b>  | <b>4.347.575.282</b>  |
| - Doanh thu nhận trước tiền cho thuê lại quyền sử dụng đất, mặt bằng, tài sản | 5.590.244.794         | 4.347.575.282         |
| <b>Dài hạn</b>                                                                | <b>7.101.536.907</b>  | <b>10.811.070.459</b> |
| - Doanh thu nhận trước tiền cho thuê lại quyền sử dụng đất, mặt bằng, tài sản | 7.101.536.907         | 10.811.070.459        |
|                                                                               | <b>12.691.781.701</b> | <b>15.158.645.741</b> |

**23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

|                                                  | 31/12/2024           | 01/01/2024            |
|--------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
|                                                  | VND                  | VND                   |
| <b>Ngắn hạn</b>                                  | <b>2.741.235.680</b> | <b>13.387.838.113</b> |
| - Chi phí sửa chữa tài sản cố định định kỳ       | -                    | 12.363.341.591        |
| - Dự phòng bảo hành, bảo dưỡng sản phẩm hàng hóa | 1.505.988.480        | 1.024.496.522         |
| - Dự phòng phải trả khác                         | 1.235.247.200        | -                     |
| <b>Dài hạn</b>                                   | <b>774.682.474</b>   | <b>161.090.216</b>    |
| - Dự phòng phải trả khác                         | 774.682.474          | 161.090.216           |
|                                                  | <b>3.515.918.154</b> | <b>13.548.928.329</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

|                                                                    | 31/12/2024      |                       | Trong năm      |                | 01/01/2024      |                       |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------------|
|                                                                    | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ | Tăng           | Giảm           | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ |
|                                                                    | VND             | VND                   | VND            | VND            | VND             | VND                   |
| Vay ngắn hạn                                                       | 127.155.668.919 | 56.243.580.451        | 52.083.237.724 | 67.742.705.786 | 142.815.136.981 | 142.815.136.981       |
| Vay ngắn hạn                                                       | 127.155.668.919 | 56.243.580.451        | 52.083.237.724 | 67.742.705.786 | 142.815.136.981 | 142.815.136.981       |
| - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN khu vực Bắc Cạn - Thái Nguyên | 63.907.186.242  | -                     | -              | 5.710.000.000  | 69.617.186.242  | 69.617.186.242        |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long     | 7.004.902.226   | -                     | -              | 6.300.012.074  | 13.304.914.300  | 13.304.914.300        |
| - Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ                              | 27.640.000.000  | 27.640.000.000        | -              | 600.000.000    | 28.240.000.000  | 28.240.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Công               | -               | -                     | 21.337.599.405 | 21.337.599.405 | -               | -                     |
| - Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Thái Nguyên             | -               | -                     | 9.611.990.135  | 9.611.990.135  | -               | -                     |
| - Các khoản vay khác (*)                                           | 28.603.580.451  | 28.603.580.451        | 21.133.648.184 | 24.183.104.172 | 31.653.036.439  | 31.653.036.439        |
| Các khoản vay với Bên liên quan                                    | 1.840.000.000   | 1.840.000.000         | -              | -              | 2.050.000.000   | 2.050.000.000         |

(\*): Trong đó bao gồm khoản vay tại Công ty Cổ phần Golden City với số tiền là 5,2 tỷ đồng như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản vay ngắn hạn tại các Công ty con để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc để thanh toán tiền hàng theo các hợp đồng hạn mức. Các khoản vay dài hạn tại các Công ty con để mua sắm tài sản cố định hoặc thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng chính tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

|                    | 31/12/2024         |         | 01/01/2024         |         |
|--------------------|--------------------|---------|--------------------|---------|
|                    | Vốn thực góp VND   | Tỷ lệ % | Vốn thực góp VND   | Tỷ lệ % |
| - Bộ Công Thương   | 11.755.829.660.000 | 88,47%  | 11.755.829.660.000 | 88,47%  |
| - Các cổ đông khác | 1.532.170.340.000  | 11,53%  | 1.532.170.340.000  | 11,53%  |
|                    | 13.288.000.000.000 | 100%    | 13.288.000.000.000 | 100%    |

25.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

|                             | Năm 2024 VND       | Năm 2023 VND       |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| - Vốn góp của chủ sở hữu    |                    |                    |
| + Vốn góp đầu năm           | 13.288.000.000.000 | 13.288.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm    | -                  | -                  |
| + Vốn góp giảm trong năm    | -                  | -                  |
| + Vốn góp cuối năm          | 13.288.000.000.000 | 13.288.000.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 6.690.747.184.000  | 5.563.552.720.000  |

25.3 CỔ PHIẾU

|                                               | 31/12/2024 CP | 01/01/2024 CP |
|-----------------------------------------------|---------------|---------------|
| - Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành | 1.328.800.000 | 1.328.800.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng      | 1.328.800.000 | 1.328.800.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông                          | 1.328.800.000 | 1.328.800.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành             | 1.328.800.000 | 1.328.800.000 |
| + Cổ phiếu phổ thông                          | 1.328.800.000 | 1.328.800.000 |

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Khoản mục                                                      | VND                |                | VND              |               | VND            |                     | VND              |                     | VND |     | Tổng cộng |
|----------------------------------------------------------------|--------------------|----------------|------------------|---------------|----------------|---------------------|------------------|---------------------|-----|-----|-----------|
|                                                                | VND                | VND            | VND              | VND           | VND            | VND                 | VND              | VND                 | VND | VND |           |
| 01/01/2023                                                     | 13.288.000.000.000 | 27.089.186.656 | (71.424.341.027) | 4.128.514.159 | 28.125.501.907 | 11.706.602.187.263  | 236.189.002.583  | 25.218.710.051.541  |     |     |           |
| - Lãi trong năm                                                | -                  | -              | -                | -             | -              | 6.201.113.869.869   | 64.093.825.626   | 6.265.207.695.495   |     |     |           |
| - Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ                             | -                  | -              | -                | -             | -              | (50.709.895.333)    | -                | (50.709.895.333)    |     |     |           |
| - Trích lập các quỹ tại Công ty con                            | -                  | -              | -                | -             | -              | (75.017.428.721)    | (33.123.763.980) | (108.141.192.701)   |     |     |           |
| - Trả cổ tức tại Công ty mẹ                                    | -                  | -              | -                | -             | -              | (5.563.552.720.000) | -                | (5.563.552.720.000) |     |     |           |
| - Trả cổ tức tại Công ty con                                   | -                  | -              | -                | -             | -              | -                   | (35.910.936.000) | (35.910.936.000)    |     |     |           |
| - Chuyển lệch tỷ giá khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ Công ty con | -                  | -              | -                | 134.116.090   | -              | -                   | 16.576.146       | 150.692.236         |     |     |           |
| - Tăng/giảm khác                                               | -                  | -              | -                | -             | -              | (165.261.498)       | (152.610.205)    | (317.871.703)       |     |     |           |
| 31/12/2023                                                     | 13.288.000.000.000 | 27.089.186.656 | (71.424.341.027) | 4.262.630.249 | 28.125.501.907 | 12.218.270.751.580  | 231.112.094.170  | 25.725.435.823.535  |     |     |           |
| 01/01/2024                                                     | 13.288.000.000.000 | 27.089.186.656 | (71.424.341.027) | 4.262.630.249 | 28.125.501.907 | 12.218.270.751.580  | 231.112.094.170  | 25.725.435.823.535  |     |     |           |
| - Lãi trong năm                                                | -                  | -              | -                | -             | -              | 7.361.192.564.715   | 70.529.938.012   | 7.431.722.502.727   |     |     |           |
| - Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ (*)                         | -                  | -              | -                | -             | -              | (70.077.756.326)    | -                | (70.077.756.326)    |     |     |           |
| - Trích lập các quỹ tại Công ty con                            | -                  | -              | -                | -             | -              | (69.516.651.008)    | (33.167.992.823) | (102.684.643.831)   |     |     |           |
| - Trả cổ tức tại Công ty mẹ (*)                                | -                  | -              | -                | -             | -              | (6.690.747.184.000) | -                | (6.690.747.184.000) |     |     |           |
| - Trả cổ tức tại Công ty con                                   | -                  | -              | -                | -             | -              | -                   | (48.047.955.800) | (48.047.955.800)    |     |     |           |
| - Chuyển lệch tỷ giá khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ Công ty con | -                  | -              | -                | 97.683.855    | -              | -                   | 12.073.286       | 109.757.141         |     |     |           |
| 31/12/2024                                                     | 13.288.000.000.000 | 27.089.186.656 | (71.424.341.027) | 4.360.314.104 | 28.125.501.907 | 12.749.121.724.961  | 220.438.156.845  | 26.245.710.543.446  |     |     |           |

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 05/11/2024 của Hội đồng Quản trị và Tờ trình số 953/TTr-TCNS-TCKT ngày 18/12/2024. Trong đó:

- Chia cổ tức năm 2023 là 6.690.747.184.000 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 68.611.822.040 đồng;
- Trích quỹ thưởng người quản lý là 1.465.934.286 đồng.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

|                                                                         | Năm 2024<br>VND          | Năm 2023<br>VND          |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm                                    | 3.899.711.421.411        | 3.576.394.085.696        |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ, vận tải                                   | 191.731.554.306          | 196.194.950.668          |
| - Doanh thu khác                                                        | 23.997.247.614           | 38.776.174.357           |
|                                                                         | <b>4.115.440.223.331</b> | <b>3.811.365.210.721</b> |
| Doanh thu với các bên liên quan<br>(Chi tiết xem tại thuyết minh số 37) | <b>1.124.204.649.561</b> | <b>1.078.485.880.551</b> |

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

|                                                       | Năm 2024<br>VND          | Năm 2023<br>VND          |
|-------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| - Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm                    | 3.285.863.451.215        | 3.024.064.444.676        |
| - Giá vốn cung cấp dịch vụ, vận tải                   | 149.739.644.962          | 155.766.341.567          |
| - Giá vốn khác                                        | 10.518.200.641           | 10.619.146.441           |
| - Các khoản chi phí vượt mức bình thường              | 33.899.365.196           | 33.233.885.120           |
| - Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (2.238.847.934)          | 134.787.399.875          |
|                                                       | <b>3.477.781.814.080</b> | <b>3.358.471.217.679</b> |

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

|                                      | Năm 2024<br>VND        | Năm 2023<br>VND          |
|--------------------------------------|------------------------|--------------------------|
| - Lãi tiền gửi ngân hàng             | 839.051.921.782        | 1.194.330.901.276        |
| - Lãi hoạt động hỗ trợ vốn           | 1.394.309.361          | 101.752.620              |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia        | 75.464.324             | 200.865.474              |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá              | 16.898.288.965         | 10.472.189.257           |
| - Doanh thu hoạt động tài chính khác | 207.803.944            | 40.725.869               |
|                                      | <b>857.627.788.376</b> | <b>1.205.146.434.496</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                                                                     | Năm 2024<br>VND      | Năm 2023<br>VND       |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| - Chi phí lãi vay                                                   | 1.518.531.801        | 50.279.687.168        |
| - Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính | (700.000.000)        | 1.850.000.000         |
| - Lỗ chênh lệch tỷ giá                                              | 6.221.621.512        | 2.947.703.457         |
| - Chi phí tài chính khác                                            | 121.500.569          | 98.431.252            |
|                                                                     | <b>7.161.653.882</b> | <b>55.175.821.877</b> |

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                               | Năm 2024<br>VND        | Năm 2023<br>VND        |
|-----------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Các khoản chi phí bán hàng</b>             | <b>88.525.929.554</b>  | <b>86.359.122.851</b>  |
| - Nhân viên bán hàng                          | 33.097.406.649         | 31.242.800.649         |
| - Chi phí nguyên vật liệu, bao bì             | 5.837.158.380          | 4.308.362.958          |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng                    | 327.056.629            | 300.768.562            |
| - Chi phí khấu hao TSCĐ                       | 2.555.871.801          | 2.471.713.010          |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 12.742.751.241         | 13.548.575.768         |
| - Trích lập/hoàn nhập chi phí dự phòng        | 1.279.252.577          | 1.730.857.427          |
| - Chi phí bằng tiền khác                      | 32.686.432.277         | 32.756.044.477         |
| <b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b> | <b>486.653.689.604</b> | <b>610.664.483.208</b> |
| - Nhân viên quản lý                           | 292.673.241.131        | 295.961.411.009        |
| - Khấu hao tài sản cố định                    | 31.480.250.600         | 33.313.091.109         |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 42.305.424.329         | 42.248.200.229         |
| - Chi phí dụng cụ, đồ dùng                    | 5.831.985.214          | 7.030.694.870          |
| - Thuế, phí và lệ phí                         | 19.157.491.514         | 11.785.486.840         |
| - Chi phí bằng tiền khác                      | 91.532.219.965         | 96.857.468.304         |
| - Chi phí nguyên vật liệu quản lý             | 6.357.799.919          | 5.552.065.532          |
| - Trích lập/hoàn nhập chi phí dự phòng        | (2.684.723.068)        | 117.916.065.315        |

**31. THU NHẬP KHÁC**

|                                                                         | Năm 2024<br>VND      | Năm 2023<br>VND      |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Thu thanh lý tài sản cố định, phế liệu, vật tư thu hồi                | 200.227.272          | 464.514.659          |
| - Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt hợp đồng, hỗ trợ khác,... | 3.626.741.396        | 3.937.305.173        |
| - Các khoản khác                                                        | 4.639.625.932        | 5.181.314.812        |
|                                                                         | <b>8.466.594.600</b> | <b>9.583.134.644</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. CHI PHÍ KHÁC**

|                                               | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND       |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Các khoản phạt, truy thu thuế, chậm nộp,... | 2.436.200.059         | 13.375.359.820        |
| - Khấu hao TSCĐ không sử dụng                 | 4.665.135.586         | 11.382.118.074        |
| - Các khoản khác                              | 5.641.466.665         | 8.625.647.833         |
|                                               | <b>12.742.802.310</b> | <b>33.383.125.727</b> |

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|                                                                    | Năm 2024<br>VND        | Năm 2023<br>VND        |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ      | 138.251.266.783        | 196.958.643.162        |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con | 59.074.600.478         | 55.051.240.618         |
|                                                                    | <b>197.325.867.261</b> | <b>252.009.883.780</b> |

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

|                                                                 | Năm 2024<br>VND   | Năm 2023<br>VND   |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Lợi nhuận/Lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp             | 7.361.192.564.715 | 6.201.113.869.869 |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)                         | -                 | (139.594.407.334) |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 7.361.192.564.715 | 6.061.519.462.535 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm            | 1.328.800.000     | 1.328.800.000     |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>                        | <b>5.540</b>      | <b>4.562</b>      |

(i) Bao gồm:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã được điều chỉnh lại do việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý tại Tổng Công ty với số tiền là 70.077.756.326 đồng (đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 05/11/2024) và trích quỹ lập các quỹ tại các công ty con với số tiền là 69.516.651.008 đồng. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 được trình bày lại là 4.562 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày là 4.667 đồng/cổ phiếu).

**35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

|                          | 31/12/2024   | 01/01/2024   |
|--------------------------|--------------|--------------|
| <i>Ngoại tệ các loại</i> |              |              |
| - USD                    | 1.585.368,50 | 1.158.786,00 |
| - EUR                    | 1.762,46     | 4.355,73     |
| - JPY                    | 191,00       | 707.191,00   |
| - CAD                    | 368,60       | 368,60       |

36. BẢO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong năm, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 26 và số 27.

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

37. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao, tiền lương của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Người quản lý khác:

Thù lao, tiền lương của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

|                                               | Mối quan hệ                                           | Năm 2024<br>VND       | Năm 2023<br>VND       |
|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b> |                                                       | <b>9.387.394.623</b>  | <b>10.495.950.282</b> |
| - Ông Ngô Khải Hoàn                           | Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/6/2024                       | 1.157.076.169         | -                     |
| - Ông Nguyễn Khắc Hải                         | Chủ tịch HĐQT đến ngày 20/6/2024                      | 896.455.087           | 2.038.651.701         |
| - Ông Nguyễn Hoàng Giang                      | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc từ ngày 20/6/2024  | 1.157.076.169         | -                     |
| - Ông Phan Phạm Hà                            | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc đến ngày 20/6/2024 | 765.536.346           | 2.038.651.701         |
| - Bà Nguyễn Thị Nga                           | Thành viên HĐQT đến ngày 20/6/2024                    | 118.219.159           | 285.411.226           |
| - Ông Nguyễn Tiến Vỹ                          | Thành viên                                            | 280.209.822           | 285.411.226           |
| - Ông Phan Kim Khoa                           | Thành viên                                            | 280.209.822           | 285.411.226           |
| - Bà Nguyễn Thị Hoa                           | Thành viên HĐQT từ ngày 20/6/2024                     | 809.953.330           | -                     |
| - Bà Trần Thị Nguyệt                          | Thành viên HĐQT từ ngày 20/6/2024                     | 161.990.663           | -                     |
| - Ông Hồ Mạnh Tuấn                            | Phó Tổng Giám đốc                                     | -                     | 945.480.947           |
| - Ông Lê Minh Quy                             | Phó Tổng Giám đốc                                     | 1.496.356.369         | 1.456.412.555         |
| - Ông Văn Đình Quân                           | Phó Tổng Giám đốc                                     | -                     | 1.209.212.267         |
| - Ông Phạm Anh Tuấn                           | Phó Tổng Giám đốc                                     | 1.315.178.507         | 858.337.379           |
| - Ông Vũ Phong Hải                            | Phụ trách kế toán từ ngày 10/6/2024                   | 543.134.929           | -                     |
| - Bà Nguyễn Thị Mai Hương                     | Kế toán trưởng đến ngày 10/6/2024                     | 405.998.251           | 1.092.970.054         |
| <b>Ban kiểm soát</b>                          |                                                       | <b>2.281.708.433</b>  | <b>2.324.062.914</b>  |
| - Nguyễn Thị Phương Lan                       | Trưởng ban                                            | 1.200.899.176         | 1.223.191.018         |
| - Nguyễn Thị Diên                             | Thành viên                                            | 900.674.381           | 917.393.251           |
| - Lê Thị Thanh Bình                           | Thành viên                                            | 180.134.876           | 183.478.645           |
|                                               |                                                       | <b>11.669.103.056</b> | <b>12.820.013.196</b> |

37. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Giao dịch với các bên liên quan:

|                                                 | Mối quan hệ      | Năm 2024<br>VND          | Năm 2023<br>VND          |
|-------------------------------------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Bán hàng</b>                                 |                  | <b>1.124.204.649.561</b> | <b>1.078.485.880.551</b> |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang               | Công ty liên kết | 767.707.000              | 338.597.695              |
| - Công ty Honda Việt Nam                        | Công ty liên kết | 1.063.572.877.572        | 1.031.895.453.677        |
| - Công ty Ô tô Toyota Việt Nam                  | Công ty liên kết | 59.701.500.989           | 45.879.209.179           |
| - Công ty TNHH Ford Việt Nam                    | Công ty liên kết | 162.564.000              | 372.620.000              |
| <b>Mua hàng</b>                                 |                  | <b>208.656.213.538</b>   | <b>175.122.696.031</b>   |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Veam Tây Hồ            | Công ty liên kết | 2.415.432.928            | 2.331.909.216            |
| - Công ty Honda Việt Nam                        | Công ty liên kết | 206.240.780.610          | 172.790.786.815          |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>              |                  | <b>5.745.021.650.855</b> | <b>6.814.318.875.613</b> |
| - Công ty Honda Việt Nam                        | Công ty liên kết | 5.079.453.599.993        | 5.844.442.844.648        |
| - Công ty Ô tô Toyota Việt Nam                  | Công ty liên kết | 261.471.922.012          | 660.177.008.064          |
| - Công ty TNHH Ford Việt Nam                    | Công ty liên kết | 395.764.316.850          | 303.659.197.901          |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang               | Công ty liên kết | 7.790.360.000            | 5.453.252.000            |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Veam Tây Hồ            | Công ty liên kết | 541.452.000              | 586.573.000              |
| <b>Lãi từ hoạt động hỗ trợ vốn</b>              |                  | <b>1.394.309.361</b>     | <b>101.752.620</b>       |
| - Công ty Cổ phần Nakycos                       | Công ty liên kết | 47.342.937               | 75.492.346               |
| - Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang               | Công ty liên kết | -                        | 26.260.274               |
| - Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh | Công ty liên kết | 1.346.966.424            | -                        |

Số dư với các bên liên quan:

|                                                                | Mối quan hệ      | 31/12/2024<br>VND      | 01/01/2024<br>VND      |
|----------------------------------------------------------------|------------------|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu khách hàng</b>                                     |                  | <b>237.069.532.573</b> | <b>195.980.237.327</b> |
| - Công ty Cổ phần Nakycos                                      | Công ty liên kết | 2.238.940.556          | 2.238.940.556          |
| - Công ty Honda Việt Nam                                       | Công ty liên kết | 120.304.906.340        | 91.730.883.517         |
| - Công ty Ô tô Toyota Việt Nam                                 | Công ty liên kết | 19.120.284.240         | 6.555.011.817          |
| - Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh                | Công ty liên kết | 93.233.179.437         | 93.283.179.437         |
| - Công ty TNHH Mekong Auto và các Chi nhánh                    | Đầu tư khác      | 2.172.222.000          | 2.172.222.000          |
| <b>Trả trước cho người bán</b>                                 |                  | <b>176.179.728.269</b> | <b>176.313.428.486</b> |
| - Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (Chi nhánh tại Quảng Ninh) | Công ty liên kết | 6.500.000.000          | 6.500.000.000          |
| - Công ty TNHH Mekong Auto và các chi nhánh                    | Đầu tư khác      | 169.609.728.269        | 169.609.728.269        |
| - Công ty Honda Việt Nam                                       | Công ty liên kết | -                      | 133.700.217            |
| - Công ty Cổ phần Nakycos                                      | Công ty liên kết | 70.000.000             | 70.000.000             |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**37. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

|                                                 | Mối quan hệ          | 31/12/2024<br>VND        | 01/01/2024<br>VND        |
|-------------------------------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>Phải thu khác</b>                            |                      | <b>2.663.150.839.645</b> | <b>3.045.018.524.344</b> |
| <b>Phải thu về hỗ trợ vốn</b>                   |                      | <b>84.654.324.210</b>    | <b>85.404.324.210</b>    |
| - Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng             | Công ty liên kết     | 83.150.000.000           | 83.900.000.000           |
| - Công ty Cổ phần Nakycos                       | Công ty liên kết     | 1.504.324.210            | 1.504.324.210            |
| <b>Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia</b>  |                      | <b>2.541.795.959.496</b> | <b>2.924.290.581.824</b> |
| - Công ty Honda Việt Nam                        | Công ty liên kết     | 2.539.726.799.996        | 2.922.221.422.324        |
| - Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng             | Công ty liên kết     | 1.868.256.000            | 1.868.256.000            |
| - Công ty Cổ phần Nakycos                       | Công ty liên kết     | 200.903.500              | 200.903.500              |
| <b>Phải thu về lãi hỗ trợ vốn</b>               |                      | <b>35.623.175.617</b>    | <b>34.228.866.256</b>    |
| - Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng             | Công ty liên kết     | 34.234.914.328           | 32.887.947.904           |
| - Công ty Cổ phần Nakycos                       | Công ty liên kết     | 1.388.261.289            | 1.340.918.352            |
| <b>Phải thu khác</b>                            |                      | <b>1.077.380.322</b>     | <b>1.094.752.054</b>     |
| - Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh | Công ty liên kết     | 977.380.322              | 977.380.322              |
| - Công ty Honda Việt Nam                        | Công ty liên kết     | -                        | 17.371.732               |
| - Công ty CP Nakycos                            | Công ty liên kết     | 100.000.000              | 100.000.000              |
| <b>Phải trả người bán</b>                       |                      | <b>86.875.500</b>        | <b>220.575.717</b>       |
| - Công ty Cổ phần Nakycos                       | Công ty liên kết     | 86.875.500               | 86.875.500               |
| - Công ty Honda Việt Nam                        | Công ty liên kết     | -                        | 133.700.217              |
| <b>Vay ngắn hạn</b>                             |                      | <b>1.840.000.000</b>     | <b>2.050.000.000</b>     |
| - Công ty TNHH Mekong Auto                      | Đầu tư khác          | 1.840.000.000            | 2.050.000.000            |
| <b>Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn</b>          |                      | <b>6.293.280</b>         | <b>72.691.684</b>        |
| - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)                 | Cùng thành viên HĐQT | 6.293.280                | 72.691.684               |
| <b>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn</b>             |                      | <b>2.380.000.000.000</b> | <b>2.622.500.000.000</b> |
| - Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)                 | Cùng thành viên HĐQT | 2.380.000.000.000        | 2.622.500.000.000        |

(\*) Tại ngày 31/12/2024, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Seabank) không còn là bên liên quan, do Bà Nguyễn Thị Nga - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Seabank đã miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty từ ngày 20/6/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**38. THÔNG TIN VỀ NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Liên quan đến vấn đề tiền thuê đất, SVEAM hiện đang tạm ghi nhận tiền thuê đất theo hướng dẫn tại Văn bản số 6366/STNMT-QH ngày 16/08/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai "Rà soát hồ sơ về giá thuê đất của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam tại phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa" mà chưa phản ánh theo các Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. Công ty đã gửi các văn bản kiến nghị đến các cơ quan ban ngành và vẫn đang tiếp tục làm việc với Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. Ngày 24/8/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có công văn số 10242 giao Cục thuế tỉnh chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các đơn vị liên quan rà soát các quy định để xác định lại đơn giá thuê đất theo quy định. Ngày 25/04/2022, Tổng Cục Thuế đã ban hành Công văn số 1263/TCT-CS đề nghị Cục Thuế tỉnh Đồng Nai căn cứ các quy định rà soát, đối chiếu hồ sơ, hợp đồng thuê đất thực tế, đồng thời phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước về đất đai địa phương (Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường) để thống nhất việc xác định đơn giá thuê đất cho giai đoạn 2011-2015. Ngày 31/01/2024, Công ty gửi Công văn số 014/CV-SVEAM-HC đến Tổng Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường với nội dung kiến nghị được tiếp tục áp dụng đơn giá thuê đất theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 14/11/2024, Biên bản họp giữa Kiểm toán nhà nước khu vực XIII, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai và SVEAM giải quyết kiến nghị đơn giá thuê đất của SVEAM, ý kiến kết luận trong Biên bản là "Công ty chưa thống nhất về giá nếu tại Hợp đồng 28/HĐĐT thì Công ty có thể đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét". Ngày 10/12/2024, SVEAM có lập công văn số 161/CV-SVEAM/HC, trình UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai: "Kiến nghị được tiếp tục áp dụng đơn giá thuê đất theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30/12/1995 của Bộ Tài Chính". Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được thông tin phản hồi từ Tổng Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, kết quả kiến nghị vẫn chưa được xác định. Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này.

**39. THÔNG TIN VỀ QUYẾT TOÁN CỔ PHẦN HÓA**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời các lô đất thuê của Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất khi Tổng Công ty chuyển từ công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**40. THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 149/HĐLD/THĐ-TBG ngày 10/11/2009 và Phụ lục Hợp đồng số 01/Pl-HĐLD ngày 15/10/2010 ký giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tài chính Thái Bình ("TBG"), TBG sẽ đền bù cho Công ty con giá trị lợi thế thương mại, tài sản nổi trên đất (nhà cửa, vật kiến trúc) với số tiền là 40.000.000.000 VND; Số tiền này sẽ được TBG thanh toán theo phương thức thay mặt Công ty con chuyển tiền góp vốn Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Tài chính Thái Bình Dương (Công ty liên doanh). Tuy nhiên, Công ty con chưa được đối tác cung cấp hồ sơ, tài liệu về giao dịch thanh toán này của TBG cho Công ty liên doanh; theo đó, Công ty con không ghi nhận giá trị khoản vốn góp vào Công ty liên doanh trên Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**41. THÔNG TIN KHÁC**

Nhà máy ô tô VEAM đang sử dụng thửa đất được thuê tại phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hợp đồng số 212/HĐ/TĐ ngày 18/12/2006 giữa Tổng Công ty và UBND tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích tổng khu đất thuê là 288.804,9 m<sup>2</sup>.

Theo các hợp đồng này, Nhà máy ô tô VEAM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15/11/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan trong việc mua bán xe ô tô giảm giá trái quy định; mua sắm, lắp, yếm trái quy định phải bồi thường cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 55.673.446.360 đồng và 16.828.878.687 đồng, buộc các cá nhân có liên quan phải trả lại cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 2.417.298.653 đồng và 1.468.609.133 đồng. Đồng thời, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Theo đó, ngày 23/01/2024, Giám đốc Nhà máy ô tô Veam gửi Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đơn yêu cầu thi hành án với các nội dung tại các Bản án nêu trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2022/HS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6, 8, 11, 14), trong thời gian tới, VEAM sẽ tiếp tục phối hợp với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để có cơ sở đẩy mạnh việc thu hồi toàn bộ số tiền theo các Bản án nêu trên.

**42. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Bùi Tuấn Anh  
Người lập biểu

Vũ Phong Hải  
Phụ trách kế toán

Nguyễn Hoàng Giang  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



Nguyễn Hoàng Giang



**Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam**

**Địa chỉ:** Lô D, khu D1 - Phường Phú Thượng - Quận Tây Hồ - TP. Hà Nội.

**Điện thoại:** 84-24-62800802

**Fax:** 84-24-62800809

**Email:** [office@veamcorp.com](mailto:office@veamcorp.com)

**Website:** <http://veamcorp.com>